Số 126 - Năm thứ 12 -Tháng 05.99

ISSN 1145-9557

THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Viet Nam Fraternité, 124 bis rue de Flandre, 75019 Paris, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Adresse Web: http//www. thongluan.org ❑ Directeur de publication: Vũ Thiện Hân

Xã luận :

Khối NATO oanh tạc Nam Tư

Từ ngày 24-3-1999, khối NATO, gồm hầu hết các quốc gia Tây Âu, Hoa Kỳ Gia Nã Đại và một số nước thành viên mới trước đây từng thuộc ảnh hưởng Liên Xô, đã quyết định oanh tạc Liên Bang Nam Tư. Nói chung khối NATO đã tỏ ra rất đoàn kết trong một quyết tâm chung.

NATO đã quyết định đánh Nam Tư, chủ yếu là nước Serbia, sau khi chế độ Milosevic bất chấp áp lực của thế giới, không chịu ký hiệp ước Rambouillet nhìn nhận qui chế tự trị cho tỉnh Kosovo của họ, mà 90% là người Hồi Giáo gốc Albania, và chấp nhận cho quân NATO vào giám sát thỏa ước. Cho đến nay, dù sử dụng không lực rất hùng hậu, khối NATO đã không bẻ gãy được thái độ ngoan cố của Milosevic. Dư luận bắt đầu nói tới sự cần thiết của một cuộc can thiệp bằng bộ binh.

Cuộc chiến mới tại Châu Âu này có nhiều nét rất đặc biệt.

Khối NATO hầu như đã không kể đến vai trò của Liên Hiệp Quốc. Họ đơn phương quyết định khởi chiến. Các cường quốc phương Tây đã cảm thấy đủ mạnh và đủ gắn bó để áp đặt giải pháp của họ bằng vũ lực. Phải chăng thế giới đang chứng kiến sự ra đời của một trật tự mới, trật tự phương Tây? Dù rằng các nước phương Tây dựa vào những lý do chính đáng và các giá trị cao quí về dân chủ và nhân quyền, nhưng phần còn lại của thế giới sẽ sai lầm nếu không cảnh giác.

Đây là lần đầu tiên mà người ta tấn công một nước vì một vấn đề trên pháp lý hoàn toàn là nội bộ của nước đó. Sự kiện này đánh dấu một chuyển biến quan trọng trong tương quan quốc tế. Chủ quyền quốc gia không còn được coi là giá trị bất khả xâm phạm nữa. Trong chiều sâu đây là một biến chuyển tốt. Đã đến lúc nhân quyền phải được đặt trên chủ quyền quốc gia. Các quốc gia muốn tồn tại phải được hình dung như một tình cảm và một dự án tương lai chung, chứ không thể là những vùng tự do lộng hành của các tập đoàn cầm quyền bạo ngược.

Đây cũng là lần đầu tiên các cường quốc Thiên Chúa Giáo liên minh với nhau tấn công một nước Thiên Chúa Giáo khác, để bảo vệ một cộng đồng Hồi Giáo. Đây là bằng chứng, khá rõ rệt và đáng được coi là lạc quan, rằng vai trò của các tôn giáo và tín ngưỡng không còn quan trọng nữa. Loài người đã tìm được những giá trị phổ cập hơn và chính đáng hơn để làm nền tảng cho cuộc sống chung trên trái đất.

Hành động của khối NATO tuy đáng hoan nghênh nhưng không phải đã chỉ dựa trên những lý do cao quí. Chế độ Slobodan Milosevic không tàn bạo hơn bao nhiêu so với nhiều chế độ độc tài khác. Nếu vi phạm nhân quyền là lý do đủ để tấn công một quốc gia thì không phải chỉ có các chế độ Slobodan Milosevic và Saddam Hussein mà còn nhiều chế độ khác cũng đáng bị trừng trị.

Hai lý do khác cũng đã có trọng lượng quyết định đưa tới cuộc không kích này. Một là, Nam Tư ở ngay giữa Châu Âu và người Châu Âu cảm thấy bị xúc phạm khi những vi phạm nhân quyền xảy ra ngay trên một khu vực mà, một cách kiêu hãnh, họ cho là văn minh hơn phần còn lại của thế giới. Hai là, vì lý do an ninh của Liên Hiệp Châu Âu vừa thành hình, họ không thể dung túng một quân lực hùng mạnh và đồng minh với Nga ở ngay sát nách. Họ cần đập tan lực lượng này để trừ hậu họa và để Nga không còn chọn lựa nào khác là hòa bình và hợp tác. Họ vẫn còn lo âu trước tương lai đầy bất trắc của Nga. Kosovo tuy là lý do chính đáng nhưng đồng thời cũng là một lý cớ.

Nạn nhân chính cuối cùng cũng vẫn là nhân dân Nam Tư và đó là điều đáng để chúng ta suy nghĩ. Người Serbia, như bị một ma lực khống chế, đã tự để bị tù hãm trong những hận thù của quá khứ và trong những giá trị lỗi thời - bạo lực và chủ nghĩa quốc gia cực đoan - nên đã hành động như người mất trí. Họ lấy ngày bại trận và mất nước làm ngày quốc khánh. Họ tự nghĩ có quyền trả thù các dân tộc Croatia và Albania. Họ tự nghĩ mình bị thế giới ghét bỏ một cách bất công và đã tự cho quyền thách thức và khiêu khích dư luận bằng những hành động thô bạo. Họ tiếp tục ủng hộ Milosevic, mặc dầu Milosevic đã chỉ có công làm Liên Bang Nam Tư tan rã trong hỗn loạn. Sự mù quáng đã làm Liên Bang Nam Tư từ sáu nước thành viên chỉ còn hai, sắp mất thêm nước Montenegro và còn sẽ mất luôn cả tỉnh Kosovo, để trở thành một nước nhỏ bé, cô lập, không có cửa mở ra biển, bị tàn phá và bị mọi dân tộc chung quanh thù ghét. Sau đó rất có thể, thay vì nhìn ra sự dại dột của mình, họ sẽ còn hãnh diện vì đã dám anh dũng chống lại cả một khối NATO hùng mạnh.

Nếu người Serbia biết quay lưng lại quá khứ, thực hiện hòa giải giữa các sắc dân và đề cao tinh thần đa nguyên thì số phận họ đã không đen tối như ngày nay. Nhưng điều không may nhất cho họ là họ đã thiếu những tư tưởng chỉ đạo đúng đắn trong những khúc quanh lịch sử quan trọng nên đã chỉ biết sùng bái bạo lực, để rồi trở thành nạn nhân của bạo lực.

Thông Luận

Chính trị quốc tế:

Tinh thần Quốc gia - Dân tộc - Đa nguyên, một giải pháp cho Kosovo ?

Kosovo vốn là một tỉnh của Serbie thuộc Cộng hoà Liên bang Nam tư. Dân Kosovo đa số theo đạo Hồi giáo, gốc Albanie và thiểu số là dân Serbe nguồn gốc Slave theo Chính thống giáo. Hai dân tộc này vì những lý do lịch sử đã không hòa giải với nhau được, nhưng chung sống với nhau trên cùng một mảnh đất.

Cái hố ngăn cách giữa các dân tộc và tôn giáo tại cựu Nam tư sâu đến nỗi "chỉ có thể nhảy qua được bằng thù hận" như nhà văn sinh trưởng tại Bosnie, Ivo Andric, giải Nobel văn chương 1961, đã viết trong cuốn "Titanic và những tiểu thoại Do Thái khác của Bosnie".

Nhìn lại lịch sử Kosovo, chúng ta thấy có ba biện pháp đã được áp dụng tại đây để có sự sống chung giữa hai dân tộc không chịu hòa giải.

Biện pháp thứ nhất dựa trên bạo lực.

Biện pháp thứ hai là sự áp đặt quyền lợi riêng tư lên trên quyền lợi chung của hai cộng đồng.

Biện pháp thứ ba là võ lực.

Một số dẫn chứng lịch sử cần phải đưa ra để khẳng định vị trí của hai dân tộc đang sinh sống tại Kosovo.

Đối với dân Serbe, Kosovo là cái nôi lịch sử, với mồ mả của các ông vua lập quốc cũng như các tu viện nổi tiếng như thành phố Jérusalem đối với dân Do Thái. Vào năm 1389, Kosovo là bãi chiến trường giữa hoàng tử Lazare theo Chính thống giáo và Hoàng đế Thổ Nhĩ Kỳ Murad đệ nhất. Chiến trường đã đi vào lịch sử Serbe như là một huyền thoại lập quốc với tên là Cánh đồng chim sáo. Trong cuộc chiến với đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ, nhiều lần dân Serbe phải bỏ Kosovo di dân lên mạn bắc. Dân Albanie láng giềng đã di dân đến Kosovo. Với sức sinh đẻ mạnh, dân Albanie đã chiếm đa số tại Kosovo.

Trước thế kỷ 19, vùng Balkans là thuộc địa của đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ.

Cuối thế kỷ 19, đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ suy yếu, đế quốc Nga hưng thịnh đã ủng hộ sự thành lập quốc gia Serbie tại hội nghị Berlin vào năm 1878. Tại hội nghị này, Liên Minh Prizren - tên một thành phố Kosovo-, quy tụ những người yêu nước Albanie, đòi hỏi thành hình một quốc gia Albanie, nhưng đã bị từ chối. Phải đợi đến năm 1912, quốc gia Albanie mới được thành lập, nhưng không có chủ quyền trên Kosovo vì vào năm 1913, tại hội nghị Londres, Kosovo được sáp nhập vào vương quốc Serbie.

Năm 1939, Mussolini chiếm Kosovo.

Năm 1941, Hitler sáp nhập Kosovo vào Albanie.

Thời còn mồ ma thống chế Tito (1892-1980), vốn là dân Croate, không có thiện cảm với dân Serbe, Nam tư là một liên bang gồm 6 cộng hòa. Cộng hòa Serbie đã bị Tito có ý đồ làm suy yếu ảnh hưởng bằng cách cho hai tỉnh Kosovo ở phía nam và Voivodine ở phía bắc, một quy chế tự trị.

Sau khi Tito qua đời, dân Hồi giáo Kosovo chủ trương độc lập và khởi xướng phong trào bài Serbe. Hàng chục ngàn dân Serbe phải bỏ Kosovo ra đi.

Slovodan Milosevic, lãnh đạo đảng Cộng sản Nam tư, đã trả đũa bằng cách giải tán quốc hội Pristina (thủ đô Kosovo) và bãi bỏ chế độ tự trị của Kosovo và Voivodine. Dân Hồi giáo chống lại bằng một cuộc trưng cầu dân ý "chui" cho Kosovo độc lập, tấn phong một quốc hội và một tổng thống là Ibrahim Rugova, chủ tịch sáng lập viên đảng Liên minh Dân chủ Kosovo.

Tiếp theo đó là những cuộc "thanh lọc sắc tộc" đã được Milosevic dựng lên thành một quốc sách, dùng bạo lực để đánh đuổi dân Hồi giáo hòng biến Kosovo thành một phần đất của Đại Serbie.

Sau khi đã giải quyết cuộc tranh chấp đẫm máu và diệt chủng do Milosevic khởi xướng tại Bosnie, qua hiệp định Dayton, cộng đồng quốc tế hy vọng giải quyết một cách êm thắm vấn đề Kosovo.

Hội đồng Bảo an Liên hiệp Quốc qua nghị quyết 1199 ký kết ngày 23 tháng 9 năm 1998 với đa số 14/15 phiếu (Trung Quốc bỏ phiếu trắng), và nghị quyết 1203 ký ngày 24 tháng 10 năm 1998, đòi Belgrade phải ngừng bắn, không được hành hung các thường dân bằng bạo lực, rút các lực lượng cảnh sát đặc biệt, mở các cuộc thương thuyết với cộng đồng người Albanie. Hai nghị quyết này đã được biểu quyết trong khuôn khổ Chương VII của Hiến chương Liên hiệp Quốc cho phép dùng những biện pháp võ lực.

Hai nước Anh và Pháp đã có những cố gắng hòa giải bằng cách mời các phe phái tranh chấp gặp gỡ tại Rambouillet vào tháng 2 năm 1999 và tiếp tục gặp gỡ tại Paris vào tháng 3. Nhưng hai cuộc gặp gỡ này không đem lại kết quả nào cả.

Ngày 22 tháng 3 năm 1999, Richard Holbrooke, đặc sứ Hoa Kỳ tại Balkans từ giã trụ sở của Minh Ước Bắc Đại Tây Dương (MUBĐTD) tại Bruxelles, lên đường sang Belgrade để thuyết phục Misolevic lần cuối. Ngày 23, trở về Bruxelles, đặc sứ Hoa Kỳ đã báo cáo cho Javier Solana, Tổng thư ký MUBĐTD, rằng ông đã thất bại trong sứ mệnh được giao phó.

Ngày 24-3, máy bay của MUBĐTD bắt đầu tấn công các căn cứ phòng không và phóng hỏa tiễn tại Serbie và Kosovo.

Sau gần một tháng oanh tạc, tình thế càng ngày càng trầm trọng. Trên một nửa triệu dân Hồi giáo Kosovo bị quân đội và cảnh sát Serbe hành hạ, hãm hiếp và áp bức phải bỏ xứ tị nạn. Quân đội và dân Serbe vẫn ủng hộ Milosevic. Dân Nga, thuộc gốc Slave đã ủng hộ phe Serbe qua lời kết án MUBĐTD của Giáo chủ Chính thống giáo Nga trong một cuộc viếng thăm Belgrade.

MUBĐTD phải tăng cường lực lượng tấn công. Một cuộc trận địa chiến tại Kosovo bắt đầu được đem ra bàn cãi. Biện pháp phong tỏa xăng vào Serbie đã được Mỹ đề nghị, nhưng Pháp chống vì sợ gây ra khủng hoảng chính trị với lý do trong chính phủ liên hiệp của Thủ tướng Jospin, Bộ trưởng Nội vụ và các Bộ trưởng thuộc đảng Cộng sản Pháp chống đối cuộc chiến. Vì những lý do tương tự, một cuộc trận địa chiến tại Kosovo sẽ bị Pháp chống đối. Ngoài ra, vì cuộc oanh tạc kéo quá dài, không như lời tuyên bố của Bộ trưởng Ngoại giao Pháp : "Không đến vài tuần, chỉ cần vài ngày là đủ", dư luận quần chúng bắt đầu đặt câu hỏi.

Các cường quốc tây phương đã nhầm khi chủ trương dùng võ lực để giải quyết vấn đề Kosovo không dưới danh nghĩa Liên hiệp Quốc, không có sự tham dự của Nga, không kèm theo một giải pháp chính trị ổn thỏa và một kế hoạch viện trợ kinh tế tái kiến thiết.

Các dân tộc Balkan cũ vốn không cùng chia sẻ một lịch sử, một văn hóa chung đã quá đặt nặng chủ nghĩa Quốc gia - Dân tộc - Lãnh thổ (Etat-Nation-Territoire). Một giải pháp cho Kosovo nói riêng và Balkan nói chung có lẽ là tinh thần Quốc gia - Dân tộc - Đa nguyên theo đó những dân tộc (Nation) được Quốc gia (Etat) xem như là những pháp nhân, trong khi đó các cá nhân được Quốc gia xem như là công dân. Nghĩa là tách rời hai ý niệm dân tộc và quốc gia hay nói một cách khác phi quốc gia hóa dân tộc và phi dân tộc hóa quốc gia.

Huỳnh Hùng

Vết thương 30 tháng 4

Nguyên Gia Kiểng

Trong bóng tối ruỗng im quái gở
Lúc dứt lặng trận chiến man rợ
Hắn rù bỏ ký ức, và đi.
Thanh Tâm Tuyền

Tôi biết X từ đầu thập niên 1960 tại trường Chu Văn An. X nổi tiếng học giỏi. Sau đó X đi du học Mỹ, tốt nghiệp một trường đại học danh tiếng, rồi về nước dạy đại học và làm tổng giám đốc một công ty, cưới vợ đẹp, thông minh và thuộc gia đình lớn. Nói chung là một cuộc đời hoàn toàn thành công. Không bằng X nhưng tôi cũng khá may mắn. Ngày 30-4-1975 đã ập tới, đánh một dấu chấm hết tàn bạo lên sự nghiệp của chúng tôi và kéo chúng tôi xuống vực thẳm.

Khi tôi đi cải tạo về, tôi lại gặp X, được trả tự do cách đó ít lâu. Chúng tôi làm cùng một cơ quan và ngồi cùng một phòng. Trong hơn một năm liền, hai đứa cả ngày gặp nhau và tâm sự. Chúng tôi theo đuổi cùng một dự định là vượt biên, nhưng còn chia sẻ với nhau một dự định khác to lớn hơn nhiều là thay đổi dòng lịch sử. Quyết tâm của chúng tôi là ra đi để tìm đường cứu nước chứ không phải để mưu tìm cuộc sống tiện nghi cá nhân.

Thời thế tạo anh hùng, một thư sinh như X mà hoàn cảnh đẩy đưa tới những thành tích khó tưởng tượng. Có lần trong hai ngày X bị bắt ba lần và đều vượt ngục được. Lần áp chót, X tổ chức đánh cướp một chiếc tàu nhà nước nhưng thất bại, bị bắt và trèo tường vượt ngục ngay tại Sài Gòn. Tôi phải giúp X lẩn trốn và tìm đường cho X vượt biên thoát vòng truy nã của công an. Đang loay hoay thì X cho hay đã tìm được một chuyến đi. Và lần này X đi lọt. Tôi nhận được thư báo tin mừng khoảng một hai tuần sau đó. Đó là cuối năm 1980.

Tôi kể câu chuyện này dài dòng như vậy chỉ để nói lên một điều: chúng tôi rất gắn bó với nhau và những kỷ niệm của chúng tôi chỉ có thể là sống để bụng chết mang theo.

Hai năm sau tôi cũng ra được nước ngoài và không hề nghe ai nhắc đến X. Tôi vốn đã ngạc nhiên ngay từ khi còn ở Việt Nam vì thấy X bặt tăm luôn. Tôi xin được địa chỉ của X nhưng không liên lạc, chờ tìm hiểu xem tại sao có sự bỏ cuộc đó. Tôi đánh mất địa chỉ X mấy lần, xin lại được, rồi lại để đó. Cho tới gần đây tôi quyết định gọi điện thoại cho X. Điều tôi không thể ngờ là X hoàn toàn quên tôi, kể cả tên! Tôi cố nhắc lại những kỷ niệm ngày xưa, X chỉ còn nhớ mang máng. Tôi biết X không nói dối, hắn quên thực, hắn cố nhớ mà không được. Nhưng X không hề mất trí, hắn đang giữ một chức vụ quan trọng, lương cao, trong một công ty kỹ thuật hiện đại. Hắn chọn ở một thành phố không có người Việt và không tìm gặp một người Việt nào. Chắc chắn đã phải có một chấn động ghê gớm, kinh khủng đến nỗi X quyết định quên hết, kể cả tổ quốc Việt Nam mà trước khi ra đi hắn coi như là một lý tưởng để phục vụ. Điều cũng chắc chắn là chấn động kinh khủng đó đã không, hay ít nhất không hoàn toàn, xảy ra trong lúc vượt biên, bằng cớ là khi đến nơi X vẫn còn viết thư về cho tôi. Phải hiểu rằng chính khi đã bình tĩnh ngồi ôn lại đời mình, X đã thấy tất cả đều vô nghĩa và lấy quyết định xóa bỏ quá khứ.

Ê chề như nhau

Ngày 30-4-1975 đã không đến trong niềm vui thống nhất đất nước, hòa giải và hòa hợp dân tộc mà mọi người mong ước. Sau ngày 30-4-1975, tôi đã nói với các cộng sự viên của mình là một trang sử vừa lật qua, có những lúc phải chống nhau nhưng cũng có những lúc phải cố gắng để bắt tay nhau xây dựng đất nước. Tôi chấp nhận thất bại và bằng lòng trả giá cho sự thất bại đó bằng cách từ đây không đòi hỏi bất cứ một vinh dự nào. Tôi chỉ còn một tham vọng làm được một vài điều lợi ích cho đất nước trong vai trò của một chuyên viên. Nhưng chỉ vài ngày sau tôi hiểu là ngay cả cái ao ước rất tầm thường đó cũng không thực hiện được. Những loa phóng thanh đặt khắp đường phố suốt ngày phát ra những bài vừa đắc thắng vừa miệt thị. Mọi chức vụ tại các công sở, nhà thương, trường học đều bị xóa bỏ, mọi thâm niên công vụ, hưu bổng, trợ cấp phế tật cũng đều bị xóa bỏ. Các xí nghiệp tư cũng được "tiếp thu". Thanh thiếu niên diện "ngụy quân ngụy quyền" bị đuổi khỏi trường học. Các đường phố, trường học mang tên những danh nhân miền Nam được đổi thành những đường mang tên liệt sĩ cộng sản, có khi chỉ là những tay khủng bố rất tầm thường. Sài Gòn cũng mất tên. Người chết cũng không yên, tượng tử sĩ ở nghĩa trang quân đội cũng bị giật sập. Khoai mì từ đây phải gọi là sắn, bắp là ngô, heo là lợn, nhà bảo sanh là nhà đẻ, hay xưởng đẻ. Người miền Nam mất tài sản, địa vị và vai trò. Miền Nam mất ngôn ngữ, mất tên và mất cả căn cước. Đây không phải là một cuộc thống nhất, mà là một cuộc chiếm đóng. Hòa giải và hòa hợp dân tộc được hiểu một cách giản dị là tha chết cho kẻ chiến bại.

Cho tới nay vẫn còn một số rất đông người cho là đảng cộng sản không hiểu gì về tổ chức của xã hội miền Nam khi bắt các sĩ quan biệt phái đi học tập cải tạo trong khi trên thực tế họ đã giải ngũ và chỉ là những người dân sự mà thôi. Làm sao đảng cộng sản lại không hiểu? Họ hiểu, và họ hiểu rất rõ tổ chức của miền Nam. Nhưng chính sách tập trung cải tạo nhằm một mục đích khác: đánh gục vĩnh viễn miền Nam. Những sĩ quan biệt phái không bị bắt giam vì đã bị coi lầm là sĩ quan hiện dịch, họ bị tập trung cải tạo vì họ đã được huấn luyện quân sự và có khả năng chỉ huy một đơn

vị quân đội. Bắt giam họ là để tiêu diệt mọi tiềm năng chống đối. Cũng không phải chỉ có họ, tất cả viên chức từ cấp phó giám đốc trở lên, rồi đến các doanh nhân có một chút tầm vóc và các văn nghệ sĩ, nói chung là tất cả những ai có thể có một vai trò lành đạo trực tiếp hay gián tiếp, dù là chính trị, quân sự, kinh tế hay văn hóa. Mục đích của chính sách cải tạo là để tiêu diệt đại bộ phận thành phần tinh nhuệ và trí tuệ của miền Nam. Không tàn sát, nhưng đập tan ý chí bằng cách đày đọa, và nhất là làm nhục.

Kế hoạch này không thể không thành công. Những năm dài tù tội đói khổ, sự thèm thuồng cục đường, trái chuối, củ khoai, miếng cơm cháy, và việc cất giấu đồ thăm nuôi, trùm chăn ăn lẻ làm con người mất sự tự trọng, hay ít nhất sự kính trọng lẫn nhau. Những đêm trằn trọc thương con, xót vợ. Những buổi "làm việc" ê chề với những câu hỏi khiêu khích (ăn hối lộ bao nhiêu? hiếp dâm bao nhiêu lần? bắt bao nhiêu con gà? v.v...), kèm theo những lời quát tháo, lăng mạ. Những bản tự khai phải viết đi viết lại nhiều lần vì không thành thật khai báo, không đủ ăn năn hối cải. Những bài giảng chính trị của các cán bộ giảng dạy ngớ ngẩn, hách dịch và đắc chí. Một người bình thường không thể chống cự được quá một năm mà không thành phế nhân về một khía cạnh nào đó, trong khi thời gian giam cầm trung bình của một sĩ quan, công chức, doanh nhân hay trí thức lại không phải là một năm, mà là năm năm.

Nhưng cái nhục lớn nhất không phải ở trong trại tù mà ở ngoài xã hội. Phải thụ động chứng kiến cả một công trình đập phá đất nước và đập phá chính đời mình. Phải nhìn sự ngu dốt và xảo trá ngự trị trên chính quyền, và còn phải hoan hô!

Một lần tôi đi công tác với một cán bộ đảng ủy đến làm việc với một xí nghiệp "công tư hợp doanh". Nói là công tư hợp doanh nhưng thực ra đó là xí nghiệp của một tư nhân lập ra, sau này được nhà nước "cho hợp doanh" bằng cách cướp trắng xí nghiệp, giáng ông giám đốc chủ nhân xuống làm phó giám đốc và cử một đảng viên hoàn toàn không biết gì về nghề nghiệp cũng như về quản trị xí nghiệp làm giám đốc. Xí nghiệp lúc đó còn hoạt động cầm chừng. Anh đảng ủy, một người rất chất phác và dễ mến, nói "bây giờ còn làm việc được, nhưng vài tháng nữa sẽ phải đi vào nền nếp và lúc đó là hết sản xuất". Anh ta nói một cách rất thản nhiên và thành thực. Hình như anh ta thấy việc phá hoại một xí nghiệp là bình thường, cũng như việc nhà nước cướp trắng một cơ nghiệp của một người dựng ra bằng mồ hôi nước mắt. Tôi liếc nhìn ông phó giám đốc cựu chủ nhân và gặp mắt ông ta cũng nhìn tôi. Tôi chắc ông ấy muốn hét lên, văng tục, đập phá nhưng vẫn phải làm ra vẻ tán thành. Người miền Nam đã mất tất cả, mất nước trên chính quê hương mình, không có cả quyền khóc và không có cả quyền buồn.

Không phải chỉ đập phá vì ngu dốt mà còn vì nhẫn tâm. Ông Võ Văn Kiệt khi làm bí thư thành ủy Sài Gòn đã lấy quyết định "giải tỏa" nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi. Hàng đêm ông cho bọn côn đồ vào đập phá mồ mả để cho người ta đau xót mà phải tự động dời mộ thân nhân đi. Tôi vào giúp người bạn cải táng mộ mẹ anh và chứng kiến hàng ngàn ngôi mộ bị đập phá tan tành, mỗi ngôi mộ thường là của cả gia đình với hàng chục hài cốt, có những người qua đời đã trên trăm năm. Rất nhiều gia đình đang di tản hài cốt thân nhân. Nhiều phụ nữ khóc sụt sùi, nhưng nói chung mọi người đều im lặng. Ánh mắt nào cũng đầy một hận thù ghê gớm. Không ai chửi mặc dầu không có công an ở đấy, mà dù có cũng không sao vì trong hoàn cảnh ấy ai cũng thông cảm. Nhưng người ta không chửi vì hình như sợ nếu chửi sẽ bớt căm thù. Mục đích của ông Kiệt chỉ là để chiếm một khu đất rộng xấp xỉ một hecta.

Chỉ có một số ít người có phương tiện để vượt biên. Nhưng vượt biên có thể là một tủi nhục còn lớn hơn. Một người, dù mệt mỏi và say sóng đến đâu, nhưng nếu đã phải chứng kiến một phụ nữ, có khi là chính vợ con mình, bị hải tặc hãm hiếp mà không thể can thiệp sẽ không thể giữ được trọn vẹn lòng tự hào trong phần còn lại của đời mình. Sau đó là cuộc sống rẻ rúng trên các trại tị nạn, những buổi xếp hàng ghi danh xin trợ cấp xã hội, cuộc sống biên tế lầm lũi với những công việc không tương xứng tại xã hội tiếp cư.

Không phải ai cũng có điều kiện để quên hết như anh bạn X của tôi. Phần đông cũng rất muốn quên mà không được. Họ vẫn phải sống trong những khu đông người Việt, vẫn phải nghe tới và nói tới Việt Nam. Họ vật vã để quên một cách khác. Họ coi những khu đông người Việt như những vùng đất Việt Nam còn giữ được, có vai trò thay thế cho đất nước Việt Nam mà họ đã rời bỏ. Tôi hiểu sự phẫn nộ của những người xuống đường biểu tình trong vụ Trần Văn Trường tháng 2 vừa rồi tại Bolsa. Sự tức giận của họ có thể tóm tắt như thế này: "Ta đã bỏ cho nó cả nước Việt Nam, ta đã mất tất cả, mà nó cũng không để ta yên". Nếu không thì không thể giải thích được tại sao các cuộc mít-tinh biểu tình vì tự do, dân chủ và nhân quyền đã chỉ thưa thớt vài trăm người trong khi một tên khùng lại có thể làm cả chục ngàn người xuống đường.

Các bạn tôi ở Mỹ cố gắng giải thích rằng Trần Văn Trường chỉ là ngòi nổ, người Việt Nam ở Cali đã xuống đường vì một cái gì đó sâu sắc hơn. Nhưng họ không giải thích được rõ rệt cái sâu sắc hơn đó là cái gì. Lý do sâu xa đó có lẽ một cựu sĩ quan ở Paris đã diễn tả đúng. Anh nói "nếu tôi ở Cali, tôi cũng đi biểu tình vì vụ này nó nhắc lại cho tôi một quá khứ mà tôi không muốn nhớ lại nữa". Người ta phẫn nộ vì chính mình đã phải treo cờ cộng sản và ảnh Hồ Chí Minh trong một thời gian dài; trong lòng nguyền rủa mà bề ngoài vẫn phải ra vẻ tự nguyện. Đó đã là một cuộc cưỡng hiếp hàng ngày.

Các bạn bên Mỹ báo tin: các cuộc biểu tình bây giờ đã thay đổi định hướng, đã vượt lên khỏi cờ và ảnh để trở thành những cuộc biểu tình thắp nến vì dân chủ và nhân quyền, với sự nhập cuộc của tuổi trẻ. Tôi phân vân. Có thể đẹp như vậy được sao? Nhưng sau đó thì cuộc "đấu tranh" cũng mất dần khí thế. Động cơ của nó chỉ là sự tức tối, khi gạt bỏ sự tức tối nó cũng mất sức mạnh. Thực chất đó vẫn chỉ là những cuộc biểu tình chống treo cờ cộng sản và ảnh Hồ Chí Minh ở một khu được hoang tưởng hóa thành phần đất bất khả xâm phạm của những người nghĩ rằng mình đã mất tất cả. Khu đất đó cho tới nay có vai trò là để giúp người ta khỏi phải bận tâm với đất nước Việt Nam đã bỏ lại đằng sau

như một kỷ niệm đen tối.

Đối với những người còn lại trong nước, đất nước lại càng nhức nhối hơn. Nó là một sự bất lực hàng ngày, một sự khiêu khích và thách đố thường trực, trong khi không nhìn thấy một hy vọng nào. Lại càng phải cố gắng để quên đi bằng cách tập trung mọi ưu tư vào việc mưu sinh vốn đã khó khăn, để yên phận tù đày. Như câu thơ đầu bài của Thanh Tâm Tuyền, người Việt Nam rũ bỏ ký ức và ra đi. Đi ra nước ngoài, nhưng cũng có thể "đi" ngay trên đất nước. Vẫn ở đấy mà vắng mặt.

Ngày 30-4-1975 không phải chỉ là một tủi hận cho người miền Nam. Đối với người miền Bắc, đặc biệt là đối với những người đã đóng góp cho guồng máy cộng sản, sự tủi hận có lẽ còn lớn hơn. Họ không chịu đựng từ 1975, mà từ hai mươi năm về trước. Họ đã phải im lặng trong đợt cải cách ruộng đất, đã phải chà đạp lên chính lương tâm mình để đánh hội nhóm Nhân Văn - Giai Phẩm, nhóm Xét Lại Chống Đảng. Họ không những chỉ là những nạn nhân chịu đau mà không dám than khóc, họ còn bị bắt buộc phải làm đồng lõa cho cái tội bại. Khi một đứa con bị bắt buộc phải chỉ vào mặt mẹ mà quát "Con này, mày có biết tao là ai không?" thì không phải chỉ có đứa con và người mẹ là khốn khổ, không phải chỉ có chế độ là đểu cáng, mà cả dân tộc cũng bị làm nhục. Và nhục nhã nhất là chính những người phải tiếp tay cho guồng máy ghê tởm đó. Nhân cách và sự tự trọng không thể sống sót, người ta sau đó không còn cả lòng tự hào để nghĩ đến chống lại nữa. Những tiếng gào thét "chống Mỹ cứu nước", "giải phóng miền Nam" chỉ có thể là thành thực với một số nhỏ, đối với đa số nó chỉ là sự phục tùng trước bạo lực, đối với những người có ý thức nó chỉ là cuộc chạy trốn chính lương tâm mình. Đối với đa số người miền Bắc, đặc biệt là đối với trí thức, ngày 30-4-1975 đã là một hy vọng lớn. Biết đâu sau khi nhu cầu chiến tranh không còn nữa, đất nước đã thống nhất, đảng lại không thay đổi, lại không có tự do hạnh phúc thực sự, hòa giải dân tộc thực sự, đất nước lại chẳng khởi hành vào một kỷ nguyên mới? Thất vọng lại càng lớn, sự tủi nhục lại càng lớn, vì mình không phải chỉ là nạn nhân mà còn là đồng lõa của sự gian ác, một sự đồng lõa cực kỳ vô duyên vì nó chẳng hề đem lại một lợi ích cá nhân nào. Kết quả của chiến thắng 30-4-1975 đối với đại đa số đảng viên kỳ cựu chỉ là thiếu tá vá xe, đại tá bán chè.

Rồi hơn hai mươi năm xã hội chủ nghĩa. Hai mươi năm nội chiến từng ngày nhường chỗ cho hai mươi bốn năm cưỡng hiếp từng ngày. Mọi người đều mất và mất hết, ê chề như nhau. Sự thất vọng và chán chường, không phải của riêng miền Nam và những người chống cộng mà của mọi người trên cả nước, đã quá to lớn và dai dẳng. Nó đã biến thành sự chán chường đối với chính đất nước. Đại đa số người Việt không còn muốn nghĩ tới đất nước nữa.

Tại sao ?

Tại sao người ta có thể có những liều lĩnh ghê gớm như bán nhà lấy tiền đem vợ con vượt biên trên những con thuyền mong manh, làm mồi cho công an, hải tặc và sóng gió mà lại không dám đứng lên tranh đấu đổi đời?

Tại sao các chế độ độc tài trên thế giới, kể cả những chế độ độc tài đã khá thành công về mặt kinh tế và dân sinh, theo nhau sụp đổ trong khi chế độ cộng sản Việt Nam vẫn không gặp chống đối nào đáng kể, dù nó đã thất bại trong mọi địa hạt và trên mọi phương diện?

Có phải tại chế độ quá mạnh đến nỗi người ta không thể tưởng tượng có thể chống đối lại nó hay không? Chắc chắn là không. Ai cũng biết nó phân hóa, tham nhũng, mất phẩm chất, chao đảo, mâu thuẫn nội bộ. Chính ban lãnh đạo đảng cộng sản cũng không chối cãi. Có phải nó quá hung bạo đến nỗi làm người ta khiếp sợ không? Cũng không nốt. Trong ba năm qua, kể từ 1996, chế độ cộng sản đã chỉ bắt giam một trí thức đối lập là Nguyễn Thanh Giang và đã chỉ quản chế ba người là Hà Sĩ Phu, Bùi Minh Quốc và Tiêu Dao Bảo Cự. Họ cũng đã chỉ khai trừ một mình Trần Độ và cắt điện thoại của khoảng mười người. Theo tiêu chuẩn quốc tế hiện nay, chế độ cộng sản Việt Nam không nằm trong danh sách những chế độ vi phạm nhân quyền hung bạo nhất.

Vấn đề là người Việt Nam không tranh đấu chứ không phải là không thể tranh đấu.

Và tại sao lại không tranh đấu? Đó là vì dân tộc ta đã rã hàng, mỗi người tự thấy mình cô đơn, có muốn cũng chẳng làm được gì. Đó cũng là vì đã quá chán đất nước, đã mệt mỏi, đã mất ý chí và lòng tự hào.

Đảng cộng sản không phải chỉ đánh gục phe quốc gia, hay miền Nam. Họ đã đánh gục được cả dân tộc Việt Nam. Chúng ta đã bị đả thương quá đau nên không thể đứng dậy.

Hai nhận định giải thoát

Dân tộc nào cũng trải qua những giai đoạn tan nát mà chỉ có một trấn tĩnh tinh thần mới cho phép nhìn ra lối thoát. Chúng ta cần trước hết là một sự hiểu biết về chính mình. Ít nhất chúng ta cần hai suy tư.

Suy tư thứ nhất là *dân tộc ta không hèn mà chỉ là một dân tộc bị đả thương quá nặng.* Chúng ta tự giam hãm trong mặc cảm hèn nhát và bất lực, đến nỗi mất lòng tin và ý chí, vì chúng ta không nhìn rõ gánh nặng lịch sử đè lên mình.

Từ đầu thế kỷ 16 chúng ta đã tiếp xúc với phương Tây, sự tiếp xúc đó là một khúc quanh đặc biệt quan trọng. Người phương Tây đem đến cùng với hàng hóa và kỹ thuật cả một văn hóa mới. Đặc biệt các giáo sĩ đem đến một nhân sinh quan và một vũ trụ quan mới. Cuộc va chạm này đã tác động rất mạnh lên xã hội Việt Nam. Khổng Giáo, nền tảng của chế độ quân chủ tuyệt đối, không còn giữ được vai trò độc tôn nữa, nó đã bị lung lay. Chế độ quân chủ chao đảo trong nền tảng, mất dần sự chính đáng, suy yếu đi, kéo theo loạn lạc, đói kém. Xã hội Việt Nam tan rã và sụp đổ. Trong khoảng trống toàn diện đó, một lực lượng bạo loạn - anh em Tây Sơn - đã nắm được chính quyền bằng bạo lực và cai trị bằng bạo lực, để rồi cũng bị tiêu diệt bằng bạo lực. Nhà Nguyễn làm chủ đất nước, không ý thức được sự thay đổi văn hóa xã hội đã và đang diễn ra trước mắt họ, đã thi hành chính sách mù quáng bài phương Tây và cấm đạo, làm chia rẽ trầm trọng hơn nữa một dân tộc vốn đã hoang mang và phân hóa cùng độ. Hậu quả là chúng ta đã mất nước. Riêng sự kiện một số rất nhỏ người Pháp đã có thể dùng chính người Việt Nam để thống trị Việt Nam đủ chứng tỏ dân tộc Việt Nam đã rã hàng đến mức nào rồi.

Tủi nhục nhất là suốt trong thế chiến II, một nắm nhỏ người Pháp đã thua trận và đã mất nước vẫn tiếp tục thống trị được người Việt một cách hung bạo. Họ đã chỉ bị Nhật, chứ không phải người Việt Nam, đánh đổ. Đến khi Nhật thua trận và đầu hàng thì chính quyền Việt Nam hoàn toàn bỏ ngỏ và một lực lượng hung bạo mới, đảng cộng sản, nắm được chính quyền với vài khẩu súng. Sau đó là ba mươi năm nội chiến giữa một tập đoàn cộng sản theo đuổi một triết lý chính trị tệ hại và các chính quyền quốc gia hoàn toàn không có một ý thức chính trị nào cả. Chiến tranh đã tàn phá sức sống còn lại của ta. Sau đó là một bạo quyền vận dụng mọi sáng kiến và thủ đoạn để đập tan mọi ý chí cá nhân và mọi giềng mối trong xã hội để có thể duy trì ách thống trị trên một dân tộc bất lực vì phân hóa. Không một dân tộc nào có thể chịu đựng những đập phá và chà đạp kéo dài như thế mà không bị thương tổn nặng.

Chúng ta không hèn nhát và cũng không có lý do để hổ thẹn, chúng ta đã chỉ là nạn nhân của những thảm kịch tích lũy trong gần bốn thế kỷ. Nếu chúng ta vẫn còn giữ được một chút ý chí đấu tranh và một chút ý thức dân tộc như hiện nay thì đó quả đã là một phép mầu. Một dân tộc bình thường chắc chắn đã tiêu vong lâu rồi.

Kỷ niệm ngày 30-4-1975 cũng là dịp để giải tỏa một tâm sự nặng nề cho người thuộc miền Nam và phe quốc gia cũ. Họ đã thất bại chủ yếu vì đã sáng suốt hơn đối thủ. Họ đã nhận ra sự vô lý của cuộc chiến và đã dừng tay, chẳng thà chấp nhận thất bại còn hơn tiếp tục tàn sát lẫn nhau giữa anh em ruột thịt. Đó là một thái độ yêu nước. Thay vì cố gắng phủ nhận thất bại, đề cao sự oai hùng của quân đội miền Nam, chúng ta nên nhìn ra sự cao cả của quyết định khước từ cuộc chiến của thanh niên miền Nam. Đó là một sự cao cả có thực, mà chắc chắn các công trình nghiên cứu mai sau sẽ phải nhìn nhận. Có lẽ trong bốn thế kỷ qua đó là phản ứng thông minh nhất của dân tộc ta.

Thay vì hổ thẹn, chúng ta hãy suy nghĩ về nguyên nhân của thảm kịch mà chúng ta đã và đang chịu đựng. Đó là vì trong những giai đoạn chuyển hóa lớn dân tộc nào cũng cần được những nhà tư tưởng hướng dẫn, để biết mình nên nghĩ gì, đi hướng nào và làm gì. Điều bất hạnh cho chúng ta là trong suốt bốn thế kỷ đó chúng ta đã không có một nhà tư tưởng nào, chúng ta đã chỉ có những văn quan, võ tướng, anh hùng, liệt sĩ. Do đó chúng ta đã không có đồng thuận, đã hoang mang, bối rối, cãi cọ, xung đột và rã hàng, để rồi bị các tập đoàn hung bạo kế tiếp nhau chà đạp, dẫn đi từ thảm kịch này đến thảm kịch khác. Chúng ta đã trả giá đắt cho sự thiếu vắng một tư tưởng chính trị. Đó chính là bài học đáng ghi nhận nhất.

Chúng ta có thể tìm kiếm một đồng thuận chính trị bằng cách học hỏi, suy nghĩ. Nhưng cũng có thể chỉ giản dị bằng thái độ, nghĩa là lắng nghe mọi ý kiến, thảo luận thành thực và tương kính với nhau. Chúng ta sẽ tìm ra được một đồng thuận dân tộc mới, sẽ kết hợp được và sẽ làm lại được đất nước.

Suy tư thứ hai là, *dù muốn hay không, chúng ta bắt buộc phải tìm một giải pháp chung, chứ không thể chỉ tìm giải pháp cá nhân cho mỗi người.* Sở dĩ chúng ta đã thất bại và tủi nhục là vì mọi người Việt Nam đã chỉ cố gắng tìm một giải pháp cá nhân cho mình. Vượt biên là một giải pháp cá nhân. Hối lộ là một giải pháp cá nhân. Chịu đựng và nhẫn nhục là một giải pháp cá nhân. Căm thù và nguyền rủa là giải pháp cá nhân. Tìm hành diện trong sự khá giả của gia đình và thành công của con cái là giải pháp cá nhân. Viết văn, làm thơ, in sách có thể cũng chỉ là giải pháp cá nhân.

Không phải giải pháp cá nhân nào cũng đáng trách, trái lại có nhiều giải pháp cá nhân rất chính đáng, cần thiết và đáng khuyến khích nhưng không thể chỉ có giải pháp cá nhân. Quay lưng lại với đất nước là một sai lầm tai hại ngay cả cho chính mình. Người trong nước không thể có giải pháp tự cứu nào ngoài một giải pháp chung cho đất nước, nhưng người ngoài nước cũng cần một nước Việt Nam dân chủ và giàu mạnh để có một chỗ dựa,để được kính trọng và để thành công. Ý thức được rằng phải có một giải pháp chung cho dân tộc là chúng ta đã đi được quá nửa đoạn đường ra khỏi bế tắc và tủi nhục. Năm trăm người trên một con thuyền vượt biên đã bị hai mươi tên hải tặc uy hiếp vì họ chỉ là năm trăm cá nhân. Tám mươi triệu người để cho một đảng cộng sản phân hóa và chao đảo không chế cũng vì chỉ là tám mươi triệu người cô đơn.

Ngày 30-4-1975 đã có thể là một ngày vui lớn của dân tộc, một ngày khởi hành vào một kỷ nguyên của tình anh em tìm lại, của cố gắng chung và của thành công chung. Thực tế nó đã chỉ là một thương tích nặng, và rất nặng, trên một cơ thể vốn đã bầm tím những vết đòn chí tử. Từ đó bệnh nhân không những không được săn sóc và chữa trị mà còn tiếp tục bị đày đọa và đả thương thêm. Không ai đo lường hết được mức độ trầm trọng của vết thương 30-4 và những tàn phá trên thể xác và tâm hồn Việt Nam.

Nhưng dầu sao cũng đã đến lúc phải đứng dậy.

Một thế kỷ và một thiên niên kỷ sắp qua. Thế kỷ 20 bắt đầu trong nô lệ và chấm dứt dưới ách độc tài, nó đã là thế kỷ của nhục nhằn, đổ vỡ, máu và nước mắt. Thế kỷ 21 phải khác, nếu không Việt Nam sẽ không còn. Mà Việt Nam vẫn phải còn, bởi vì không thể chỉ có những giải pháp cá nhân cho một khối tám mươi triệu người cùng một ngôn ngữ, cùng một quá khứ và cùng một thảm kịch.

Mở đầu thiên niên kỷ thứ hai, các vua nhà Lý đã chấm dứt một chính quyền hung bạo, mở ra kỷ nguyên tự chủ lâu dài. Bước vào thiên niên kỷ thứ ba, chúng ta cũng phải chấm dứt vĩnh viễn chế độ độc tài và mở ra kỷ nguyên của một nước Việt Nam dân chủ đa nguyên. Đó là điều kiện để Việt Nam có thể tồn tại.

Tin và tìm một giải thoát chung trong tâm lý rã hàng hiện nay là điều rất khó, nhưng không phải là không thể làm được. Hai ngàn năm lịch sử sống chung, giữ nước và dựng nước chung vẫn còn để lại một vốn liếng đáng kể. Tôi tin rằng ở thời điểm này, khoảng một ngàn người có ý thức, đồng thuận, quyết tâm và chấp nhận kết hợp trong một tổ chức đủ để tạo ra một chuyển biến tâm lý, làm nòng cốt cho một phong trào dân chủ rộng lớn, đem lại lòng tin và biến những tức tối và tủi hờn tích lũy thành sức mạnh đổi đời.

Nguyễn Gia Kiểng

Bút ký Xuân Kỷ Mão 1999

Trần Độ

I. Vì đâu tôi viết bài bút ký này ?

Vì nhiều lẽ. Lẽ thứ nhất là: Thông thường mọi người, phần nhiều là người già, đầu xuân hay khai bút, làm thơ hoặc viết văn nói lên cảm nghĩ của mình về mùa xuân. Các nhà văn hay viết văn, các nhà thơ làm thơ, các cụ không phải là nhà thơ cũng làm thơ. Mấy năm nay, nhà văn Hoàng Tiến đều viết "Cảm xúc mùa xuân" và đều gửi tặng tôi. Vì thế tôi là hội viên hội nhà văn, cũng muốn nghí ngoáy đôi dòng nói lên nhiều điều ứ tràn trong người.

Lẽ thứ hai là: Kể từ ngày tôi được nổi tiếng là "..." chống "..." (Tuy không ai nói đến tên), và từ ngày bị khai trừ thì càng nổi tiếng hơn và rõ tên tuổi hơn. Tôi nhận được rất nhiều thư từ của nhiều người gửi đến. Có người là bạn quen, có người chưa quen. Thư là một bài viết, một tiểu luận, một kiến nghị, một khiếu nại, một tố cáo, một bài thơ. Có bài có ghi tên để gửi tôi, có bài không, có bài qua đường bưu điện, có bài cứ thấy được vứt vào nhà các con cháu tôi nhặt được đưa cho tôi. Có bài có nội dung liên quan đến tôi, hoặc hoan nghênh tôi ở điểm này, điểm khác, hoặc ngỏ ý muốn bổ sung cho tôi điểm nọ, điểm kia, hoặc ngỏ ý muốn thảo luận với tôi. Cũng có bài phê phán tôi. Tôi không có văn phòng để có người "Công văn đi đến" nên tôi không thống kê và ghi chép ngày giờ được. Nhưng tôi nhớ đại khái là thời gian tôi nhận được được nhiều nhất là từ tháng 11 năm 1998 đến nay. Tôi không ghi được số lượng bản viết, có bản vài trang, có bản trên dưới chục trang. Tổng cộng số lượng có đến mấy trăm trang giấy. Nội dung thì có thể thu xếp vào một số hồ sơ như sau:

- Hồ sơ quan trọng nhất là hồ sơ chống tham nhũng ở cấp cao, vụ thủy cung Hồ Tây.
- Hồ sơ về vụ án Lê Hồng Hà, Hà Sĩ Phu, vụ Nguyễn Trung Thành, vụ Bùi Minh Quốc.
- Hồ sơ về các góp ý về lãnh đạo và xây dựng Đảng...

Tôi thấy trong các ý kiến đó, có nhiều ý kiến giống tôi, có nhiều ý kiến có thể bổ sung cho tôi. Tôi mơ ước có điều kiện thuận lợi gặp nhau (ví dụ có một hình thức Câu lạc bộ nhỏ nào đó, hoặc một cơ quan ngôn luận nào đó) thì có sự trao đổi, tôi chắc chắn là tuyệt vời, vui vẻ và rất bổ ích, củng cố thêm an ninh Quốc gia. Nhưng tôi chỉ dám mơ ước như hồi nhỏ mơ ước làm võ sĩ vậy thôi.

Một lẽ khác nữa là gần đây tôi được nghe thuật lại có một vị lão thành trí thức phát biểu ở một hội nghị quan trọng, đặt vấn đề và tình hình thế giới và trong nước bây giờ đã thay đổi lớn lắm rồi, không thể dùng cách nhìn cũ mà nhìn được nó. Xu hướng toàn cầu hóa các mặt ở thế giới đang là xu hướng quan trọng chủ yếu. Ta cần đặt vấn đề nghiên cứu và xác định đường lối. Phải giải quyết vấn đề đường lối, chứ không thể chạy theo giải quyết những việc cụ thể, nó có hàng vạn, hàng triệu. Tôi rất tâm đắc ý kiến này. Dòng suy nghĩ của tôi như được tiếp một sức mới, và tôi thấy có lẽ có nhiều người khác nữa cùng thấy như tôi.

Một lẽ nữa là trong năm vừa qua tôi xem ti vi, được xem nhiều phim của Trung Quốc (Lục Địa, Đài Loan, Hồng Kông) được đọc nhiều tiểu thuyết của Trung Quốc (nhất là tiểu thuyết lịch sử - tiểu thuyết xã hội, tạp văn). Tôi thấy nhiều giá trị và tài năng ở các văn nghệ sĩ Trung Quốc (cả tư bản và xã hội chủ nghĩa). Tôi cứ ấm ức trong người rằng: Các văn nghệ sĩ Việt Nam, thanh thiếu niên Việt Nam tuyệt nhiên không thể kém hơn Trung Quốc. Vậy tại sao các tài năng Việt Nam không xuất lộ được để có những giá trị cao, đẹp ra đời?? Cái tội làm thui chột tài năng trải qua nhiều thế hệ là tội nặng nhất trong các tội đối với nhân dân và tổ quốc. Tôi nhìn hình ảnh các cháu nhỏ tươi vui, thông minh, nhanh nhẹn trên ti vi mà thấy thắt ruột, thắt gan với câu hỏi: Các cháu lớn lên có được hưởng hạnh phúc tự do và được tự do phát triển hay không hay lại chỉ có thể trở thành những con rối? Công lao của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng Sản lớn nhất là mang lại độc lập, tự do cho Việt Nam! Vậy tự do đâu? Mùa xuân ơi!

Còn nhiều lẽ khác nữa, nhưng kể thế tạm đủ rồi.

II. Cảm xúc mùa xuân bắt đầu từ đâu ?

Hồi tôi 16 tuổi, mới học vỡ lòng làm người cộng sản. Bài học vỡ lòng đầu tiên của tôi là tổ chức và điều khiển một cuộc "Khai hội" (Ngày ấy chưa nói Hội nghị và Đại hội). Công việc quan trọng nhất trong công tác vận động và giác ngộ quần chúng là Khai hội. Mà Khai hội thì nghị sự bao giờ cũng có năm tiết mục cố định: Tình hình thế giới; Tình hình trong nước . Và sau đó: Linh tinh; Phê bình; Giải tán.

Lúc ấy đi khai hội với quần chúng, bao giờ cũng phải được trang bị mục tình hình thế giới, hoặc do cấp trên cho, hoặc tự chuẩn bị lấy.

Có lần, sau cuộc khai hội ở làng tôi, một anh nông dân mời tôi về nhà uống nước chè xanh, ăn khoai luộc.
Anh tỏ vẻ rất phấn khởi vì tiếp xúc với cách mạng và biết nhìn ra được thế giới, thấy rõ thế giới quan hệ tới vận mệnh của mình và gia đình mình. Anh ấy khen tôi "Có cái tinh thần rất cao" và anh hỏi tôi học ở đâu? Và anh ấy yêu cầu tôi viết ra "Cái tinh thần" ấy cho anh ấy học với. Tôi nhớ rất kỹ kỷ niệm này. Do đó, bài này cũng phải bắt đầu từ tình hình thế giới.

Tôi được gặp và nghe (Có được học một ít) nhiều người đọc sách và báo chí thế giới thuật lại, thì thấy những trí thức, học giả thế giới họ bàn và nhận định về thế giới ngày nay hay quá, lạ quá, mới quá, rộng quá, cao quá. Càng nghe họ, mình càng thấy mình "Ếch ngồi đáy giếng." Dù sao, tôi cũng thấy được trong thế kỷ qua (thế kỷ XX) có hai sự việc làm cho lịch sử loài người biến động lớn, tác động mạnh mẽ đến tiến trình phát triển của loài người. Hai sự việc ấy có thể thể hiện ra thành mấy câu hỏi:

1- Tại sao ta dự đoán là Tư bản giãy chết, mà nó không chết, nó lại cứ phát triển mạnh hơn. Cả thế giới bây giờ đều phụ thuộc vào bảy tám nước mạnh nhất về kinh tế, văn hóa, xã hội và quân sự. Đời

sống của nhân dân các nước ấy ngày càng cao. Giai cấp công nhân bây giờ là công nhân "Cổ trắng" và có đời sống cao hơn cả Nguyên thủ nước ta. Và những nước lớn ấy đều là nước Tư bản. Tại sao và thế nào?

2- Tại sao ta bảo "Nội dung của thời đại hiện nay là quá độ từ Tư bản chủ nghĩa lên Xã hội chủ nghĩa trên phạm vi toàn thế giới" mà ở cuối thế kỷ thì Chủ nghĩa xã hội lại biến mất ở tầm thế giới, đánh rụp một cái, trong vài năm từ thành trì Liên Xô, cho đến hàng chục nước khác nữa. Sự tan vỡ sao lại diễn ra nhanh gọn thế? Tại sao? Và thế nào?
Thế giới đã có những lời giải đáp khác nhau. Việt Nam cũng có những lời giải thích. Những lời giải thích của Việt Nam có những điều quá mông muội, quá mơ hồ, quá hồ đồ. Chỉ có việc vác những khái niệm cổ lỗ để úp lên những thực tiễn quá lớn lao, quá sôi động. Sự giải thích như vậy trở thành những chuyện tiếu lâm trước các tầng lớp thanh niên. Bản thân những người tác giả của các lời giải thích cũng tự biết mình chẳng bịp được ai. Nhưng vì đã trót là người làm cái nghề "Nói lấy được," thì cứ việc "Nói lấy được."

3- Có một câu hỏi cực kỳ quan trọng nữa mà phải giải đáp được rõ thì mới có cơ sở trọng yếu mà vạch ra đường lối phát triển đất nước. Đó là câu hỏi: Đặc điểm quan trọng nhất của xu thế phát triển thế giới là gì?
Một điều hết sức hiển nhiên, ai cũng thấy là thế giới hiện nay không có hai phe nữa, mà đang hình thành những cực, những khu vực không có quan hệ hai phe, địch ta mà quan hệ phổ biến cần xây dựng là hợp tác, đua nhau và phụ thuộc vào nhau. Nhiều lĩnh vực xuất hiện xu hướng toàn cầu hóa ngày càng mạnh. Đó là toàn cầu hóa về kinh tế, tài chính, về văn hóa, về xã hội, về khoa học công nghiệp, về môi trường. Các vấn đề trên, không có một vấn đề nào mà một nước tự khép kín, dù cho nước lớn đến bao nhiêu, có thể giải quyết cho mình được. Sự toàn cầu hóa có thể lan sang lĩnh vực chính trị, và chưa ai ước đoán là nó sẽ diễn biến thế nào? (Hiện đã có vai trò Liên Hiệp Quốc và Nghị Viện Âu Châu).
Sự thật hiển nhiên đó đang phủ nhận một cách phũ phàng cái thứ tư duy mông muội, là tư duy hai phe. Cái lý luận máy móc: "Địch khen thì là ta xấu, địch chê thì là ta tốt" quá lạc hậu này vẫn còn ngự trị ở một số đầu óc. Những đầu óc này không chịu được ai chê mình nhưng lại sợ người ta khen mình, vậy không biết họ muốn gì. Như đối với Việt Nam, có người chê là thiếu dân chủ. Theo logic trên, thì ta "Thiếu dân chủ" là ta rất hay, rất tốt rồi hay sao?
Trong chiến tranh, công tác tư tưởng làm sao phân biệt bạn, thù, ta là cực kỳ quan trọng, mà cũng khá dễ dàng. Còn ngày nay, ai là bạn, ai là thù? Bạn ở đâu, thù ở đâu, cần làm cho rõ. Khẩu hiệu "Việt Nam muốn làm bạn với tất cả mọi người" là một khẩu hiệu thực, hay chỉ là nói cho hay thôi, còn không cần làm bạn với ai cả?

III. Cảm xúc xuân về đất nước ra sao ?

Đất nước Việt Nam có 4000 năm lịch sử có những thành tích dựng nước và giữ nước, có những giá trị văn hóa tinh thần cao đẹp. Đó là những điểm rất đáng kính trọng, và thế giới đã từng ngưỡng mộ. Trong thế kỷ XX, dân tộc Việt Nam và Đảng Cộng Sản đã lập những công tích rực rỡ xứng đáng với cha ông. Mặt thành công, thắng lợi, ta đã nói khá nhiều, sự khen tặng của thiên hạ, của bản thân ta cũng đã khá nhiều.
Nhưng hình như ta chưa quan tâm đúng mức với các mặt trái của cuộc sống. Ví dụ thắng lợi vĩ đại của cách mạng và chiến tranh đã có một hậu quả hết sức nặng nề. Sự tàn phá, sự kiệt quệ tài nguyên, sự tổn thất và mất mát của hàng triệu gia đình, hàng triệu bà mẹ. Ngày nay, sau thắng lợi ta phải chịu một gánh nặng hết sức lớn về những vết thương và tổn thất chiến tranh, gánh nặng phải đền bù những hy sinh, phục hồi những tàn phá, tổn thất. Và đó là một điều kiện khó khăn rất lớn cho việc phát triển kinh tế xã hội, và sự hàn gắn đoàn kết dân tộc.

Sự hạn chế về trình độ, về kinh nghiệm của lực lượng lãnh đạo trong phát triển kinh tế xã hội, không được coi trọng phân tích và nghiêm túc khắc phục. Cái kiểu tư duy: "Đã anh hùng trong chiến tranh và đã thắng được kẻ thù hùng mạnh, thì bất kể khó khăn phức tạp nào cũng dùng chủ nghĩa anh hùng có khắc phục dễ dàng. Đó là một thứ men say nguy hiểm"!

Hiện nay ta đang đứng trước một loạt nghịch lý của đời sống xã hội, và sự quản lý xã hội. Những nghịch lý này đang làm đau đầu bộ phận lãnh đạo và làm day dứt, trăn trở hàng chục triệu con tim. Một loạt vấn đề về lý luận cơ bản và tư tưởng chính trị đặt ra mà chưa có phương hướng lý giải. Ý định của lãnh đạo là phải xác định mấy nguyên tắc và định từ trước, rồi thôi không thảo luận nữa, ai tuân theo thì được, không tuân theo thì bị trừng phạt. Tôi vô cùng lo sợ cho ý tưởng này. Và điều đáng lo sợ không phải là lo sợ cho lực lượng lãnh đạo không làm việc dẫn dắt đất nước đi lên, mà đưa đất nước đến bên bờ vực thẳm.
Tình hình đất nước phải là một cảm xúc đầu xuân lớn nhất.

Ta đang sống trong một loạt nghịch lý hay mâu thuẫn như sau:

a) Trước hết là nghịch lý càng chống tham nhũng bao nhiêu thì tham nhũng vẫn tồn tại và phát triển ngày càng nghiêm trọng.

Về mặt chống thì sự lên án đã hết sức nghiêm trọng: "Quốc nạn," "Nội xâm"... Về mặt tổ chức thì có các ban chống tham nhũng gồm những người quan trọng. Về luật pháp thì đã có luật, pháp lệnh. Quốc hội thì kỳ họp nào cũng đầy dư luận phẫn nộ.
Thế mà nạn tham nhũng càng ngày càng rộng, lan ra khắp các ngành kể cả những ngành xã hội tốt đẹp của ta là giáo dục, y tế; Lan ra các địa phương, các ngóc ngách. Những vụ án tham nhũng ngày càng lớn. Tiền mất vào tham nhũng gần ngang ngân sách quốc gia: hàng chục nghìn tỷ đồng, nạn tham nhũng còn leo lên ở cấp bậc cao nhất, ở đây có những vụ việc, nhân dân đòi giải trình mà chưa ai giải trình, hoặc chỉ giải trình nội bộ. Trong khi lại có những vụ kỷ luật rất ghê.
Chưa ai đụng được đến nguồn gốc nguyên nhân của tham nhũng. Không tìm đến nguồn gốc thì không chống được. Tôi mới được một tin ở một xã ở Nam Định có mấy nghìn dân mà từ năm 1990 đến 1998 tham nhũng đã vét của dân hai nghìn tấn thóc, một trăm cây vàng (kém 2 chỉ), 6,2 tỷ đồng bạc. Đây có phải là bóc lột không? Có nặng không? Và ai bóc lột ai ở đây? Có phải chống tham nhũng là chống bóc lột không?

b) Ta hô hào và kêu gào mãi tinh giản biên chế cho bớt cồng kềnh, đỡ cho ngân sách, thì từ năm 1993 đến 1998 biên chế nhà nước lại tăng 11%. Nhà nước biết là lương cán bộ nhân viên thiệt nhiều: hơn 30%, nhưng ngân sách chỉ bù được 20%. Cần giảm biên chế, nhưng yêu cầu giảm người mà tổ chức cứ mãi tăng lên. Thêm đầu

mới, thêm đơn vị lại thêm xây dựng và mua sắm. Một bài báo ở báo Nhân Dân 1991 có nói về tình trạng tài sản cố định của khu vực hành chính sự nghiệp cho biết số tài sản này chiếm 27% so với khu vực kinh doanh sản xuất, nhưng có những nhà cửa hư hỏng chưa sửa chữa được chiếm 700,000 m2, 2,25% tổng diện tích nhà cửa. Thế mà học sinh trung học có được 2,4 m2 đầu học sinh, còn học sinh tiểu học thì chỉ có 0,15 m2 đầu học sinh. Mới đây nghe nói Thủ tướng lại quyết định cho mỗi huyện đều được xây nhà tạm giam (có người cho là đó cũng là nhà tù) thì sẽ có ít nhất là thêm 500 nhà tù. Ngày xưa ta đã lên tiếng chửi đế quốc Pháp cai trị là "Nhà tù nhiều hơn trường học." Bây giờ ta lại làm cái việc mà ta đã chửi.

Ta hô hào nhân dân tiết kiệm: "Tiết kiệm là nghĩa vụ của toàn dân." Tôi nghĩ dân nói chung có gì đâu mà tiết kiệm. Còn chổ nhà nước có tiền thì cứ tiêu vô tội vạ mà tiền đó cũng là của dân đóng góp.

Tại sao bộ máy đã cồng kềnh lại cứ phình ra. Ngân sách đến bao giờ mới chịu đựng nổi sự tốn phí của bộ máy. Gốc gác vấn đề là ở chổ cơ cấu bộ máy. Sao chưa bàn tới? Lại nữa, ta nêu khẩu hiệu cải cách hành chính thực hiện "Một cửa, một con dấu" mà bộ máy lại quá nhiều cửa, nhiều con dấu. Thế thì làm sao???

c) Càng ngày xã hội càng nhiều tệ nạn, ta càng chống tệ nạn càng phát triển, các tệ nạn phổ biến là: Buôn lậu, trộm cắp, ma túy, thất nghiệp, mại dâm, trẻ em lang thang ăn mày.

Mỗi tệ nạn lại có một quyết định chống, lại có tổ chức chống, và kinh phí chống. Đặc biệt có hai tệ nạn: thất nghiệp và mài dâm, trước đây ta cho nó là sản phẩm của chủ nghĩa tư bản. Ở ta không có chủ nghĩa tư bản mà hình như tệ nạn ấy phát triển không kém (có khi còn hơn) các nước tư bản chủ nghĩa. Nghịch lý này có là tại sao?

d) Tại sao xã hội ta nhiều sự khiếu kiện, tố cáo. Đó là chưa kể ý kiến đóng góp kiến nghị mà đại diện chính phủ nói là mỗi năm có hàng chục nghìn.

Rất nhiều giai thoại và "bi thoại" về đơn từ khiếu tố. Số đơn được giải quyết quá ít, số đơn lâu không giải quyết bị "hóa bùn" quá nhiều.

Hiện tượng khiếu kiện, tố cáo ngày càng nhiều nói lên tình hình gì? Rõ ràng đó là tình hình "Lòng dân không yên." Các nhà tư tưởng "Nói lấy được" sẽ giải thích "đó là hiện tượng, Hiện tượng ấy không phản ánh bản chất chế độ ta." Ô! Thế nó phản ánh bản chất gì? và "Bản chất tốt đẹp" của chế độ ta nó biểu hiện ra hiện tượng gì?

Tôi không muốn và không dám, cũng không thể nói hết cảm xúc đối với toàn diện tình hình đất nước. Tôi chỉ muốn nói đến một số điểm nổi bật, rõ ràng, hiển nhiên ai cũng thấy, cũng day dứt lo lắng và muốn lý giải.

Trước tình hình phức tạp như vậy, tình hình tư tưởng chính trị của xã hội không thể ổn định. Nó tất yếu phải có diễn biến và diễn biến phức tạp. Tôi cũng đã biết có nhiều cách nhận xét, đánh giá. Đại khái có cách nhận xét đánh giá theo công thức cổ điển:

Đại đa số yên tâm, phấn khởi, tin tưởng. Có một số ít ở nơi này nơi khác, lúc này lúc khác chao đảo, dao động, giảm lòng tin. Kẻ địch lợi dụng tuyên truyền chống ta.

Công thức này mơ hồ nhưng rất cần thiết đối với một số người, không ai bác bỏ được và do đó nó rất không đúng và không dùng vào việc gì được.

Tôi nghĩ có lẽ có nhiều người có thể có nhiều ý kiến khác nhau nhận xét đánh giá. Tôi có được đọc một bản ý kiến của một vị lão thành tôi không quen biết. Vị ấy có cách đánh giá, tóm tắt như sau.

Tình hình tư tưởng chính trị trong Đảng viên có năm loại như sau: Loại nhiệt tình; Loại ngoan đạo, chỉ biết yên tâm theo cấp trên; Loại giảm lòng tin; Loại cơ hội; Loại đi ngược.

Ông cho rằng loại nhiệt tình là người tuyệt đối tin tưởng vào lý tưởng và học thuyết. Nhưng những người này quá trớn một tý vì rơi vào loại đi ngược. Loại đi ngược quá đi một chút thì trở thành thù địch, cả năm loại đều có sự xen kẽ và chuyển hóa. Chứ không thể phân biệt rạch ròi. Ông ước lượng: - Loại nhiệt tình có được khoảng 10-15%; Loại ngoan đạo có đến 50%; Loại giảm lòng tin có 10-15%; Loại cơ hội có đến hơn 20%; Loại đi ngược có rất ít.

Tôi thấy cách đánh giá này có một hệ quy chiếu cũ và cứng nhắc, và cũng không giúp ta rút ra được vấn đề gì!

Tôi thì tôi thấy tiêu chí để đánh giá nhận thức, tư tưởng chính trị hiện nay phải là tình hình nhận thức và suy nghĩ, có sự đối chiếu với tình hình thực tiễn xã hội ta và thực tiễn diễn biến của thế giới. Những thực tiễn đó cần đối chiếu với những nguyên lý và dự đoán mà ta đã học tập và thấm nhuần.

Sự đối chiếu này sẽ làm bật ra những sự khập khểnh nghiêm trọng. Nó đặt vấn đề ta phải nhận thức thực tiễn như thế nào. Tôi quan sát và theo dõi thì tôi thấy, có ba loại nhận thức:

a) Có người đã thấy rõ là những nguyên lý và dự đoán cũ đã sai lạc hoàn toàn với tình hình thực tiễn trước mắt. Những màu sắc lý tưởng đẹp đẽ trước kia đã bị phai lạt hết và bị thay thế bằng những hiện thực rất chua chát và mỉa mai. Cách nhận thức này đi đến tâm trạng phẫn nộ và xuất hiện yêu cầu phải lý giải chính xác tình hình, dựa vào kho tàng trí thức của loài người cả ở Tây và ở Đông, cả kim và cổ để tìm hướng đi tương đối chính xác và thiết thực không thể bám vào những giáo điều cứng nhắc và cũ kỹ.

b) Loại thứ hai là có những người nhận thấy những mặt, những bộ phận, những khía cạnh thực tiễn mâu thuẫn với các giáo điều. Nhưng lại cho rằng đó là do những thực tiễn mới diễn biến và phát triển không đúng như những nguyên lý đã có, nên nảy sinh tiêu cực. Những nguyên lý cũ vẫn đúng. Phương hướng khắc phục hiện nay là phải kiên trì trở lại các nguyên lý đã có.

c) Có những người chỉ có một hệ quy chiếu duy nhất và cố định là những nguyên lý giáo điều đã hình thành từ ít nhất 50 năm trở về trước. Họ tuyệt đối và thành thật tin vào hệ quy chiếu đó, và do vậy chỉ có khả năng khuôn khổ tất cả thực tiễn hiện nay vào những nguyên tắc, quan điểm đã có. Có thực tiễn nào khác với nguyên tắc và quan điểm cũ và do lỗi của thực tiễn. Họ muốn bắt thực tiễn phải được sửa chữa cho phù hợp với nguyên tắc và quan điểm đã có. Những người này có điểm giống với những người ở điểm b nên chiếm một số đông tuyệt đối. Còn thái độ của các người nói trên cũng có chổ khác nhau.

Trong các người loại a và b thì có người

nhận thấy những sai lệch giữa nguyên lý và thực tiễn, thì thẳng thắn và phẫn nộ nói lên những điều đó. Có những người thì ấm ức trong lòng, nhưng không nói ra, giữ im lặng, để chôn chặt trong lòng tâm sự của mình.

Có người không dám nói ra, không muốn nói ra, vì phải giữ vững các điều kiện tồn tại và tăng tiến của mình. Cũng có người thì không thèm nói ra, vì cho rằng nói ra không có ai nghe, nói ra vô ích và có hại cho mình. Thế nhưng những người này cứ ôm lấy mối day dứt trong lòng, cứ có những câu hỏi "tại sao," làm thế nào? và không lời giải đáp. Thế là có một sự im lặng đáng sợ. Sự im lặng này cứ tiếp tục tiếp nhận các sự giảng giải giáo điều và dốt nát. Những người này cũng khó xếp vào loại "ngoan đạo" hay "cơ hội."

Có người ngoan đạo chăng, thì cũng ngoan đạo giả vờ, mà ngoan đạo giả vờ thì cũng ít nhiều cơ hội rồi. Tôi không thể ước lượng được tỷ lệ các loại nhận thức. Nhưng qua sự quan sát và tiếp xúc của tôi, tôi đoán chắc rằng thực sự có những loại nhận thức khác nhau như vậy. Tình trạng tư tưởng chính trị như vậy, không được giải quyết đúng đắn, thì hậu quả của nó rất khó lường trước được thế nào?

Cho nên vấn đề quan trọng, then chốt và thiết yếu là vấn đề đối chiếu thực tiễn với lý thuyết. Sự đối chiếu này không thể thực hiện tùy tiện và không thể giao cho bất cứ một người nào hoặc một nhóm người nào nhất là những người mà trong thực tiễn tỏ ra bị hạn chế và thậm chí ngu dốt. Làm việc này, chỉ có thực hiện một sinh hoạt dân chủ đúng đắn và trung thực. Bất cứ một sự không trung thực nào đều không tìm được ra chân lý và chắc chắn sẽ bị trừng phạt.

IV. Cảm xúc xuân hướng vào mùa xuân nào ?

Ta đang ở năm 1999, Kỷ Mão, là năm cuối cùng của thế kỷ XX. Ta chờ năm 2000. Năm 2000 là năm giao thừa giữa hai thế kỷ. Thông thường, ta đều mong muốn và chúc tụng nhau năm sau tốt đẹp hơn năm trước, gấp năm gấp mười lần. Năm 2000 là năm con Rồng. Theo biểu tượng thì từ con Mèo mà trở thành con Rồng, sự lớn mạnh đó phải gấp 100, gấp 1000 lần. Ta không nên ảo tưởng như vậy, mà ta thử nhìn lại một cách bình tĩnh và thực tế xem Việt Nam ta trong năm con Mèo như thế nào?

Tôi được biết và được tiếp xúc với nhiều ý tưởng nhận định đánh giá thực trạng nước ta, thực trạng bộ máy lãnh đạo và quản lý của ta. Tôi chưa tổng hợp được, tôi muốn ghi lại một số ý tưởng đáng chú ý để tiếp tục suy nghĩ và trông chờ có sự thảo luận tổng hợp cho cẩn thận. Đây là những ý tưởng của sự khái quát tóm tắt, chứ không phải sự nhận định mô tả. Về bộ máy lãnh đạo và quản lý xã hội thì có nhận định rằng:

Bộ máy của ta có 3 đặc điểm: 1) cồng kềnh quá, 2) quan liêu quá, 3) bất lực quá. Tôi quan sát thấy đúng như vậy. Chả thế mà nó tốn kém quá, nó chiếm nhiều tài sản của nhà nước quá (nhà cửa, trụ sở, phòng họp, nhà khách, thiết bị giải trí, xe cộ sang trọng, đồ dùng hàng "Xịn"). Có người đã quan sát thấy quan chức nước ta sống sang hơn cả nhà tư bản của các nước lớn. Chả thế mà nó không đủ sức nắm được thực trạng tình hình, không phân tích và dự đoán được tình hình một cách chính xác, nó cứ phải thay đổi ý kiến luôn luôn. Nó cứ tồn tại, trong khi nhân dân ta gặp những khó khăn của mình, phải kêu oan khiếu tố, nó không giải quyết hoặc không giải quyết được. Thì ra Nó (bộ máy) chỉ vì nó thôi, nó ít tác dụng vì dân, do dân.

Đó là thực trạng đáng buồn. Trong bộ máy, nạn tham nhũng rất phổ biến. Mà tham nhũng thì có thể có 3 cấp: Cấp thấp là những người lương không đủ sống, phải xoay xở, kiếm chác ít nhiều để sống và để nuôi gia đình. Cấp vừa, là đã đủ sống rồi, nhưng muốn xoay xở để đời sống được cải thiện hơn, sung túc hơn một chút.

Cả hai cấp này đều có thể nguyên lượng và thông cảm, chỉ cần khiển trách cảnh cáo và phải có phương sách cải thiện đời sống toàn diện, chứ không phải chống tham nhũng mà giải quyết được. Cấp cao là những người có đời sống đủ cao rồi, nhưng còn muốn cao hơn, còn muốn chu cấp cho họ hàng, muốn dành cho con cháu của cải dồi dào. Bản thân thì có nhà rồi muốn nhà sang hơn, có xe rồi muốn có xe nữa "Xịn" hơn. Đồ dùng cũng cần nhiều và sang hơn, tiếp khách cũng cần tiếp khách sang trọng, hào hiệp hơn, làm ăn thì cần thu lợi nhuận càng ngày lớn hơn, tài sản tích trữ ngày càng nhiều hơn.

Trọng điểm chống tham nhũng là ở cấp cao này, nhưng lại rất khó chống vì những người này bản thân đã cấp cao, ít nhất cũng là thân tín của cấp cao. Cho nên không tính đến nguồn gốc thì dứt khoát là không chống tham nhũng được, đành nhìn bọn tham nhũng phá đất nước đến tan tành rồi cùng nhau... chết hết! Muốn chống được tham nhũng phải cải cách bộ máy từ cơ cấu, vận hành và chất lượng, nhân sự.

Lại nói về tính chất của xã hội Việt Nam hiện nay:

- Có phải là nước XHCN không? Hiển nhiên là chưa phải, chỉ là một nước lạc hậu, nghèo đói, đang bắt đầu phát triển thôi.

- Có phải là nước đang đi theo con đường tư bản không? Cũng không phải. Lực lượng lãnh đạo hiện nay đang cương quyết định hướng cho nó tránh con đường TBCN.

Nhưng trong xã hội hiện nay rõ ràng là đang có những yếu tố tư bản, lại có những yếu tố XHCN. Quả thật nước ta có những thành tích về giáo dục, y tế mà thế giới kiêng nể. Những thành tích đó đã xếp nước ta kinh tế thì nghèo nàn vào loại nhất nhì, nhưng về xã hội thì lại vào loại trung bình. Chúng ta lại có rất nhiều chủ trương trong các vấn đề xã hội như đền ơn đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo, từ thiện, lá lành đùm lá rách. Nhà tình nghĩa, quỹ tình nghĩa, quỹ cứu đói, quỹ cứu nạn...

Đó là những yếu tố xã hội chủ nghĩa rất đáng trân trọng. Ta chủ trương kinh tế nhiều thành phần kinh tế thị trường, học tập và sử dụng nhiều phương pháp tư bản chủ nghĩa, làm cho kinh tế trong một số năm phát triển khá nhanh. Đặc biệt ta có một thành tích kỳ diệu là từ chỗ thiếu gạo ăn trở thành nước xuất cảng gạo thứ nhì thế giới. Điều đó thực chất là do nông dân được làm ăn tự do hơn, họ được tự làm chủ trong làm ăn hơn. Quyền đó của nông dân được lãnh đạo chấp nhận. Cho nên ở đây cần thấy là lãnh đạo thấy được quyền làm ăn của dân mà công nhận quyền đó thì sẽ có thành tích lớn ngay. Bác Hồ xưa kia đã nói đến mấy chữ "Tự do làm ăn." Bảo đảm quyền ấy cho dân thì lĩnh vực nào cũng sẽ có những thành tích phi thường cả, đặc biệt trong khoa học và văn học nghệ thuật. Chứ lãnh đạo có tài chánh cũng không làm ra được một tấn gạo hay một bài hát, thậm chí có tài thánh cũng không định hướng, hướng dẫn cho từng ngành, cho các ngành được. Cái quyền tự do làm ăn ấy là kiểu tư bản hay kiểu XHCN. Tôi

thấy nó là cả hai và nó cũng không phải là cả hai. Nó là đạo lý thông thường của người đời mà thôi.

Gần đây tôi tình cờ gặp một ý tưởng và một khái niệm thú vị: Đó là khái niệm "Tư bản quyền lực" và có người nói: "Tư bản quan chức" (Capitalisme nomen klatura).

Thì ra ngoài tư bản là tiền của ta, có cái quyền lực cũng trở thành tư bản (vốn) được. Là quan chức thì có quyền lực, mà quyền lực lại là cái vốn để làm ăn.

Nước ta hiện nay chưa XHCN được, nhưng có những yếu tố tốt đẹp của CNXH, không phải tư bản, nhưng rõ ràng là có cái thứ tư bản quyền lực và tư bản quan chức và đó là thứ tư bản quan liêu, tư bản hoang dã, dã man. Đó cũng là một sự thật. Có lẽ nhiều người sợ cái sự thật này. Nhưng tôi không có lý do gì để sợ nó cả.

Nhìn nhận tình hình đất nước hiện nay nhất thiết phải tìm kiếm phân tích cái sự thật này!

V. Mùa xuân đi về đâu ?

Tôi đã được biết rất nhiều người sốt ruột với những lời kêu ca và lên án các hiện tượng tiêu cực, cho rằng "Biết rồi, khổ lắm nói mãi!" vấn đề là phải làm thế nào? Có giải pháp nào để ra khỏi tình trạng này. Đúng, đây là vấn đề hết sức bức xúc. Các cơ quan lãnh đạo cũng đã nhiều lần cảnh cáo rằng tình hình sẽ càng ngày càng khó khăn hơn, nhiều thử thách nghiêm trọng hơn, gay gắt hơn. Tình hình đất nước đứng trước thử thách gay gắt thật. Mỗi người đều có một số ý kiến về giải pháp. Nhưng xét ra các ý kiến giải pháp (kể cả ý kiến giải pháp của lãnh đạo) đều khó thực hiện và khó có hiệu quả, vì nó chưa xuất phát từ những phân tích khoa học mới mẻ, sâu sắc và chính xác. Nó còn xuất phát từ sự nôn nóng, bức xúc, sốt ruột và nó còn mang nhiều nét tư duy cũ. Cho nên nó chưa hứa hẹn một triển vọng nào và nó chưa đưa ra lại cho mọi người một hào hứng nào. Tôi không thể không có điều kiện để đề xuất một ý kiến giải pháp nào. Tôi chỉ ghi lại hai ý kiến cảm xúc xuân như sau:

1- Giải pháp sắp đưa ra, phải là giải pháp chiến lược, nó phải là vấn đề đường lối khái quát bao trùm, nó sẽ làm phương hướng cho sự giải quyết các vấn đề cụ thể như phát triển kinh tế, quan hệ đối ngoại, cải cách bộ máy chống tham nhũng...

Đường lối mới ấy phải là đường lối xây dựng và phát triển đất nước, lấy đất nước, dân tộc tổ quốc là đối tượng cao nhất, mục tiêu cao nhất, nó phải thoát ra khỏi những loay hoay về định tính: XNCH hay TBCN, tả hay hữu, đỏ hay trắng, phản động hay cách mạng. Đường lối ấy là một đường lối đưa đất nước vượt qua thử thách, thoát khỏi khó khăn để đi lên. Đường lối đó phải đưa được đất nước đi lên phù hợp với đặc điểm phát triển của thế giới, hòa nhập với những bước đi của khu vực và thế giới, phát huy được những yếu tố tốt đẹp XHCN đã có ở trong nước và những phương pháp, những công nghệ và kinh nghiệm của thế giới TBCN, của các nước dân chủ xã hội, khắc phục kiểu tư duy biệt phái: "Không phải là ta thì là địch." Phải thực sự tôn trọng và thực hiện khẩu hiệu rất hay đã có là "Việt Nam muốn làm bạn với tất cả mọi người."
Mục tiêu chiến lược và tư duy chiến lược đó là cao nhất, nó cao hơn và bao hàm cả những nguyên tắc đã có như là: kiên trì lý tưởng XHCN; kiên trì chủ nghĩa Mác-Lênin; vai trò của Đảng Cộng Sản..., chứ không ra ngoài và không ngược lại. Đảng Cộng Sản cần phải thu hút trí tuệ toàn dân để bồi bổ cho trí tuệ của Đảng và làm cho Đảng xứng đáng vai trò tác giả, tiền phong và tham mưu cho toàn dân tộc. Tôi cho đó là phương hướng tốt đẹp nhất.

Mục tiêu chiến lược và tư duy chiến lược phải đi đôi với vấn đề chiến lược nhân sự, chiến lược nhân tài.
Chiến lược phải bảo đảm sự tuyển chọn được người có thực tài ở những vị trí thích hợp. Hiện nay ở rất nhiều vị trí có những người không xứng đáng, trái ngành nghề, không được đào tạo chuẩn bị, thậm chí có nhiều chỗ người kém lại lãnh đạo chỉ huy người giỏi. Đó là vì công tác tổ chức nhân sự chỉ tập trung vào cơ quan tổ chức của Đảng, lại quá phụ thuộc vào tiêu chuẩn chính trị và yêu cầu chính trị. Chiến lược nhân sự mới nên phát huy truyền thống của dân tộc: thực hiện phổ biến chế độ khảo thí, sát hạch, thi tuyển, nghe ý dân, dành cho dân quyền giám sát, quyền có ý kiến, có thông tin nhân sự quyền nhận xét và tham gia chọn lọc. Nhân sự không nên là vấn đề bí mật của một nhóm người.

2- Sau khi đã xác định mục tiêu chiến lược và tư duy chiến lược rồi, thì nó sẽ là căn cứ, là chỗ dựa vững chắc để chỉ đạo tư tưởng cho các chính sách cụ thể: Về kinh tế, về đối ngoại, về văn hóa, về an ninh quốc phòng, về các vấn đề xã hội và những chính sách cụ thể về hòa hợp, đoàn kết dân tộc, một cách nhất quán cả nói và làm. Được như thế, sẽ mau chóng khôi phục lòng tin và tinh thần đoàn kết toàn dân, tạo nên hào hứng mới và sức mạnh mới.

Trong tình hình có rất nhiều mặt mâu thuẫn, có rất nhiều mối quan hệ phức tạp, ta phải dự đoán mỗi chính sách, mỗi giải pháp đều sẽ có mặt được, mặt không được (hoặc là mặt thiệt, mặt mất) mặt phải trả giá. Có khi mặt được lớn hơn, mặt mất nhỏ hơn. Nhưng cũng có khi mặt được nhỏ hơn, nhưng lại không có không được, thì vẫn phải chấp nhận. Cần có những dự đoán như vậy để cân nhắc mỗi chính sách, có đạt được mặt được lớn tối đa và mặt mất, thiệt nhỏ đến mức thấp nhất. Phải dự đoán mỗi chính sách của ta được cái gì đó, thì cũng phải trả giá một cái gì đó. Ta cần cân nhắc tính toán để sự trả giá là nhỏ ở mức ta chịu đựng được, xứng đáng với cái ta được. Cái được và cái phải trả giá phải có sự đồng thuận của nhân dân và của đối tác. Tuyệt đối không nên ảo tưởng là mỗi chính sách ta đưa ra là chỉ có được và hoàn toàn được, không muốn trả giá chút nào. Ví dụ tự do ngôn luận có nhiều cái được, nhưng cũng phải trả giá là có nhiều khó chịu. Tự do bầu cử cũng có nhiều cái được và cũng phải có cái phải trả giá là ta không thể tự tung tự tác 100%...

Trần Độ

Người Trung Quốc Xấu Xí
Tác giả: **Bá Dương**
Dịch giả: **Nguyễn Hồi Thủ**
Nhà xuất bản CMCT
Bìa cứng, 14,5 x 20,5 cm, 300 tr.

Một cuốn sách đặc sắc về văn hóa và tâm lý của người Hoa, nhưng cũng là một chân dung người Việt.
Một cuốn sách mà người Việt nên đọc để biết thêm về mình.

Giá bán, kể cả tiền gởi: 90 FRF (hoặc tương đương). Chi phiếu xin đề: **Viet-nam Fraternité** (đừng đề Thông Luận) và gởi về tòa soạn: Thông Luận, 124 bis rue de Flandre, 75019 Paris, France.

Quan niệm của người Việt xưa về

Không gian sinh tồn, lãnh thổ và quốc tịch

Nguyễn Văn Huy

Cho tới nay công cuộc mở mang bờ cõi thường được biết đến qua cuộc Nam tiến, tức sự nới rộng lãnh thổ về phía Nam. Cuộc Nam tiến này thật ra cũng ít người nắm vững, người ta chỉ biết là nó bắt đầu từ năm 1069 và kết thúc vào đầu thế kỷ 18, kéo dài hơn sáu thế kỷ, và cũng không ít người cho rằng hình thể đất nước Việt Nam có được ngày nay là do cuộc Nam tiến đó.

Thực tế không hẳn như vậy. Lãnh thổ Việt Nam cho đến đầu thế kỷ 18 chỉ là một dải đất hẹp chạy dài từ vùng đồng bằng duyên hải miền Trung đến vùng ven biển tỉnh Đồng Nai, sau đó tỏa rộng xuống châu thổ sông Cửu Long. Vùng đất rộng lớn trên cao nguyên miền Trung hoàn toàn xa lạ với người Việt và chỉ mới hội nhập vào Việt Nam hồi đầu thế kỷ này mà thôi.

Nhiều người tự hỏi tại sao trong suốt cuộc Nam tiến người Việt không hề nghĩ đến việc tiến lên cao nguyên lập nghiệp? Có thể trả lời rằng vì đó không phải là không gian sinh tồn đúng như quan niệm đã có. Người Việt cho tới một ngày gần đây vẫn là một dân tộc lục địa, sống bằng nghề trồng lúa nước ở vùng đất thấp, cạnh những dòng sông và vùng duyên hải. Núi rừng và biển cả, cho đến nửa cuối thế kỷ 20, chưa bao giờ hấp dẫn cộng đồng người Kinh.

Quan niệm về không gian sinh tồn

Theo người Việt xưa, không gian sinh tồn là một không gian thuần chủng, nơi không có sự pha trộn giữa các giống nòi, không gian của người Kinh. Trong suốt thời kỳ lập quốc, những cuộc hôn nhân dị chủng, nhất là với những người khác văn hóa, rất khó được xã hội chấp nhận, và nếu vì bắt buộc thì phải được đền bù bằng những quà cưới quan trọng như liên minh quyền lực hay đất đai. Quan niệm này, một cách vô thức, vẫn còn tồn tại trong sinh hoạt của từng người Việt, nhất là tại những nơi có sự cộng cư với các chủng tộc khác.

Quan niệm về không gian sinh tồn, được thành hình từ năm 2224 trước công nguyên dưới thời vua Thuấn, đã được người Trung Hoa, sau đó là người Việt Nam, chấp nhận như một nguyên lý tổ chức xã hội, theo đó không gian sinh tồn được chia thành năm ô vuông, mỗi ô tập trung một thành phần chủng tộc riêng biệt với một chỗ ở cố định; khoảng cách giữa các ô là 500 dặm (khoảng 247 cây số).

- Ô vuông đầu tiên là "khu cấm thành", nơi cư trú của vị quân vương và các sinh hoạt triều chính; ô này tuy không rộng lớn nhưng là khu vực trung tâm, nơi tập trung tối cao của ánh sáng văn minh và quyền lực.

- Ô vuông thứ hai là "khu hoàng thành", nơi các hoàng thân và công thần được ban phong đất đai để cai trị; khoảng cách xa gần với khu vực trung tâm tùy thuộc sự tin cẩn của vị quân vương trong mục đích có thể trở về bảo vệ khu vực cấm thành nhanh nhất khi có loạn.

- Ô vuông thứ ba là "khu an bình", nơi sinh cư lập nghiệp của đại đa số quần chúng cùng chủng tộc trên những vùng đất thấp trong lục địa, xa kinh đô và được cai quản bởi các quan chức hay lãnh chúa địa phương do triều đình ủy nhiệm.

- Ô vuông thứ tư là "khu vực cưỡng chấp", nơi sinh trú của những người không cùng giống nòi ở vùng ngoại biên: 300 trăm dặm đầu là khu vực trái độn, chỗ ở của những dân "man" tiến bộ (các sắc tộc thiểu số hay các lân quốc thần phục triều đình, còn gọi là "thuộc man" hay "thuộc quốc"); 200 dặm sau dành cho những tội phạm bị đày biệt xứ.

- Ô vuông sau cùng là "khu vực vô cương", nơi không có cương thường đạo lý: 300 dặm đầu là nơi cư trú của những loại "man" chưa thấm nhuần đạo lý của thánh hiền (Khổng Mạnh) còn rất hung hăng; 200 dặm sau là khoảng trống, nơi sinh trú của các sắc dân không có chỗ ở nhất định và những vùng đất không được biết tới.

Theo sự sắp xếp trên, người Hoa và người Việt sinh trú trong một không gian thuần chủng, tập trung ở ba ô đầu, tức khu vực nội biên, chốn thị thành và những vùng đất thấp, mà sinh hoạt kinh tế chính là trồng lúa nước và trao đổi nông phẩm. Núi rừng và biển cả thuộc hai không gian còn lại.

Tại Việt Nam, cho đến giữa thế kỷ 16 chỉ khu vực quanh đế đô Thăng Long mới hội điều kiện áp dụng nguyên tắc trên, các sắc tộc thiểu số ở miền thượng du Bắc Việt là những "thuộc man" sinh trú trong 200 dặm đầu của ô vuông thứ tư; nơi sinh trú của họ được gọi là Kẻ Đông, Kẻ Bắc, Kẻ Tây và Kẻ Nam ("kẻ" là người ngoài). Các sắc dân Bồn Man, Lão Qua hay Ai Lao cũng được xếp vào không gian này. Phần đất phía sau nơi sinh trú của họ là nơi đày ải những tội phạm biệt xứ.

Năm 1558, khi Nguyễn Hoàng xin vào trấn thủ Thuận Hóa, Trịnh Kiểm liền đề nghị vua Lê Anh Tôn chấp thuận. Thuận Hóa đối với Thăng Long là khoảng sau của ô vuông thứ tư, tức vùng đất dành cho những người bị đày biệt xứ và là nơi sinh trú của những sắc dân không cùng giống nòi. Để hợp thức hóa không gian mới này, Nguyễn Hoàng chọn Thuận Hóa làm khu vực trung tâm, như vậy dân cư miền Bắc trung thành với nhà Lê hay chúa Trịnh là người ngoại thuộc, xứ Đàng Ngoài; dân cư Thuận Hóa là nội thuộc, xứ Đàng Trong. Từ đó những di dân mới này đã vận dụng toàn lực xây dựng không gian sinh tồn Thuận Hóa thành một trung tâm hùng cường, cuộc Nam tiến phát triển mạnh từ đó.

Tại đây vấn đề địa lý lại đặt ra, không gian sinh tồn mới này vì trải dài trên một dải đất hẹp không thể tổ chức xã hội theo khuôn mẫu ở Đàng Ngoài, do đó ba ô vuông đầu được giới hạn trên các đồng bằng duyên hải Bình Trị Thiên, phần đất phía Tây là những không gian ngoại thuộc, từ đó nảy sinh các danh xưng "thuộc man" và "thuộc quốc". "Thuộc man" là những sắc dân ở cạnh "khu vực an bình" chịu thần phục triều Nguyễn để được trao đổi lương thực,

"thuộc quốc" là những lãnh thổ có tổ chức nhưng yếu kém hơn, chịu thần phục để được che chở như Chiêm Thành, Láng Cháng, Vạn Tượng và Chân Lạp. Khoảng đầu của ô vuông thứ tư, hay khu vực trái độn, được giới hạn ở ngoại vi các vùng đất thấp đã bình định tới dưới chân dãy Trường Sơn về phía Tây, nơi sinh trú của những "thuộc man" (các sắc tộc Thượng sinh sống trên Tây Nguyên và Lào) và những "thuộc quốc" (Chiêm Thành, Nam Bàn, Trà Lai và Chân Lạp). Đằng sau khu vực trái độn là các vùng duyên hải chưa bình định ở phía Nam dành cho những kẻ bị đày biệt xứ chứ không phải các vùng rừng núi. Tại đây, những người biệt xứ thường lấn chiếm không gian sinh tồn của người Chiêm Thành ở phía Nam để tìm lương thực. Người Chăm đã nhiều lần nổi lên chống lại triều Nguyễn, một phần muốn giành lại các vùng đất đã mất trước đó, một phần cũng vì bực tức những hành vi bất hảo của những tội phạm biệt xứ trong vùng trái độn.

Ô vuông thứ năm, "khu vực vô cương", là vùng rừng núi phía Tây các tỉnh miền Trung, nơi sinh trú của những sắc tộc Thượng chưa được soi sáng bởi Khổng Giáo. Trong "khu vực vô cương" này, cho đến cuối thế kỷ 19 ít có người Kinh nào dám tự ý phiêu lưu vào sinh cư lập nghiệp, kể cả những tội phạm biệt xứ. Nếu người Hoa xây Vạn Lý Tường Thành ngăn chặn rợ Hung thì người Kinh xây Tịnh Man Trường Lũy ngăn cản người Thượng dọc "khu vực vô cương". Việc xây thành đắp lũy ngăn chặn sự tiếp xúc với những sắc dân khác là phản ứng tự nhiên của những dân tộc đồng bằng, sống co cụm để bảo tồn sự thuần nhất của chủng tộc. Quyết tâm ngăn chặn sự xâm nhập của những nhóm dân "man" đã được tiến hành trong suốt 350 năm, từ giữa thế kỷ 16 khi vua Lê Trang Tôn năm 1540 ủy nhiệm trấn quận công Bùi Tá Hán vào dẹp loạn Đá Vách (người Hré) phía Tây các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định, và chỉ chấm dứt vào tháng 4-1899 khi Pháp giải thể chính sách Sơn Phòng Trấn, một chương trình phòng thủ các tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định do tiểu phủ sứ Nguyễn Tấn thành lập năm 1869 thay thế Trấn Man của Lê Văn Duyệt năm 1804.

Nói tóm lại, trong suốt cuộc Nam tiến, người Việt không hề có ý định lên Tây Nguyên hay thám hiểm biển cả để tìm đất sống. Không gian sinh tồn của người Kinh chỉ quanh quẩn ở những vùng đất thấp trong châu thổ sông Hồng, sông Cửu Long và các đồng bằng duyên hải miền Trung. Lãnh thổ Việt Nam chỉ thực sự mở rộng và ổn vững dưới sự cai trị của người Pháp sau 1884.

Quan niệm về lãnh thổ và ranh giới

Lãnh thổ và ranh giới nước Việt Nam được thành hình như thế nào qua các thời đại, ít có tài liệu Việt ngữ nào giải thích cặn kẽ. Từ thời lập quốc, chúng ta không rõ nước Văn Lang đã được hình thành như thế nào và lớn rộng tới đâu. Dưới thời Bắc thuộc, lãnh thổ Giao Châu dừng lại ở đâu là một dấu hỏi, còn trụ đồng Mã Viện cho đến nay không ai biết được dựng lên ở biên giới nào. Sang thời tự chủ, ranh giới giữa Đại Việt và các lân bang lại càng không rõ vì chinh chiến liên miên, lãnh thổ co giản tùy theo sự lớn mạnh của mỗi triều đại. Chỉ đến khi bị Pháp chiếm đóng và cai trị, Việt Nam mới có một một vị trí địa lý - chính trị ổn định.

Theo quan niệm xưa, lãnh thổ là một không gian nội vi thuần chủng với những khu vực ngoại vi đa chủng. Không gian thuần chủng (người Kinh) là một không gian cụ thể, tập trung quanh khu vực trung tâm trong ba ô vuông đầu, đặt dưới sự cai quản của một dòng vương hay một triều đại, có thể đo lường qua số lượng dân cư, đất canh tác và nguồn thuế thu nhập. Khu vực ngoại vi, hay "khu vực cưỡng chấp", là một không gian trừu tượng, rộng hẹp tùy theo ân đức của vị quân vương đối với các chủng tộc sinh sống trong đó. Chính sự lấn cấn giữa không gian cụ thể và không gian trừu tượng này mà ranh giới nước Việt xưa, từ thời tự chủ đến cuối thế kỷ 19, rất khó xác định.

Về định mức phân chia, lãnh thổ nước Việt xưa được chia làm hai loại: nội biên và ngoại biên. Nội biên là làn ranh hành chánh phân chia lãnh thổ giữa các "khu vực an bình" với nhau; ngoại biên là làn ranh phân chia khu vực nội biên với nơi sinh trú của những sắc dân dị chủng ở hai ô vuông sau. Trong không gian thuần chủng, hay lãnh thổ nội biên, sự phân chia các khu vực hành chánh giữa các địa phương với nhau tương đối rõ ràng. Người ta thường lấy con sông, ao hồ, chân núi, gốc cây cổ thụ, viên đá tảng, bìa rừng, cây cầu cạnh thửa ruộng canh tác cuối cùng của một địa phương hay dòng họ làm định mức. Những làn ranh này trong thực tế đã được tôn trọng một cách tự nhiên giữa các địa phương và các nhóm dân cư với nhau, triều đình đã chỉ hợp thức hóa để tổ chức thành đơn vị hành chánh như "thôn, làng, xã, huyện, phủ". Trong "khu vực cưỡng chấp", hay lãnh thổ ngoại biên, tổ chức chính trị lúc đầu do quân đội nắm giữ, sau đó giao lại cho người địa phương khi trật tự và an ninh được vãn hồi. Tên các đơn vị hành chánh cũng khác: "sách, nguồn, tổng, châu, trấn" cho những khu vực nằm ở phần đầu ô vuông thứ tư; "nguyên, đạo, cơ" cho những địa danh ở phần sau do quân đội quản lý.

Về mặt chiến lược, các vùng đất ngoại biên thường được dùng làm vùng trái độn để ngăn chặn các cuộc xâm lăng đến từ bên ngoài vào khu vực trung tâm. Do không đủ khả năng chi phối các sắc dân sinh sống bên ngoài lãnh thổ ngoại biên, triều đình Việt Nam thường cảm hóa những sắc dân không cùng văn hóa và chủng tộc sống trên lãnh thổ ngoại biên để nhận sự thần phục, đổi lại họ được bảo vệ, ban phong tước vị, giúp đỡ vật chất và có nhiệm vụ thu thuế và báo cáo về khu vực trung tâm những cuộc điều binh khả nghi. Chính sách này dưới triều Lê có tên là "dĩ man trị man" (dùng người địa phương cai trị người địa phương), dưới triều Nguyễn được gọi là "nhu viễn" (cảm hóa người phương xa).

Tại miền Bắc, nơi sinh trú của những sắc dân miền núi nằm giữa các tỉnh Quảng Tây và Vân Nam (Trung Quốc) và vùng Thượng Du, cao nguyên Hòa Bình, trước kia là khu vực trái độn với các triều đại Trung Hoa. Tại miền Trung, vùng núi rừng từ phía Tây các tỉnh duyên hải miền Trung đến tả ngạn sông Mékong là khu vực trái độn với Xiêm La và Chân Lạp. Trong cuộc Nam tiến, sự có mặt của người Kinh tại đồng bằng duyên hải miền Trung không diễn ra ồ ạt ngay khi người Chăm vừa tặng đất hay mất đất, nó tiến cùng nhịp

với thời gian khi số lượng người Kinh "di dân khẩn thực" vừa đủ đông để thành lập một đơn vị hành chánh; trước đó các vùng đất này chỉ là những khu trái độn, nơi xảy ra các cuộc tranh chấp với Chiêm Thành. Vì là những vùng đất thấp, thích hợp với nghề trồng lúa nước và sự đi lại khá dễ dàng, các khu trái độn duyên hải miền Trung dần dần trở thành "khu vực an bình" theo đà suy kiệt của vương quốc Chiêm Thành.

Trong "khu vực vô cương", làn ranh rất khó xác định. Đối với người Kinh, đây là những vùng đất dữ (ác địa), nơi chưa được soi sáng bởi đuốc văn minh (Khổng Giáo), do đó không ai dám vào khai thác hay tiếp xúc, càng tránh xa bao nhiêu càng tốt. Chính vì e ngại chốn rừng thiêng nước độc, non cao hiểm trở này mà trong suốt thời kỳ lập quốc cho đến khi bị Pháp đô hộ, "khu vực vô cương" (thượng du Bắc Việt và Tây Nguyên) là những vùng đất vô chủ.

Do không có một ý niệm rõ ràng về làn ranh phân chia địa giới, nhiều danh xưng được đặt ra với những nội dung mơ hồ. Khu vực giáp ranh với một lân bang được gọi là "biên cương", "cương dịch", "biên thùy" hay "biên viễn"; khu vực ngoại biên có tên "biên cảnh", "biên viên"; các vùng nội biên gọi là "biên bỉ", "biên địa", "biên duệ", "biên ngung", "biên tuyến" v.v... "Biên" chỉ là làn ranh phân chia hai khu vực. Khi bị người phương Tây chiếm đóng các dân tộc Á Châu, trong đó Việt Nam, mới có một khái niệm rõ ràng về lãnh thổ và biên giới quốc gia. Ngày nay danh từ "biên giới" được hiểu là làn ranh ấn định giới hạn địa lý của một hay nhiều khu vực hành chánh, chính trị, kinh tế, văn hóa và ngôn ngữ khác nhau trong cùng một quốc gia hay với nhiều lân bang. Những làn ranh này có một căn bản pháp lý vững chắc dựa trên những hiệp ước quốc tế hay song phương, chiếm giữ những vị trí cố định có thể nhận diện qua những cột mốc và đo đạc được.

Các vùng biên giới Việt Nam hiện nay đều do người Pháp thay mặt triều định Huế ký với các lân bang từ cuối thế kỷ 19 và tu bổ dần qua những hiệp ước song phương. Biên giới này ổn vững trong gần 70 năm, nhưng từ giữa thập niên 1970 trở đi các cuộc tranh chấp đất đai trên bán đảo Đông Dương và ngoài khơi Biển Đông đang biến khu vực Đông Nam Á thành vùng tranh chấp. Các sách sử và địa lý của Trung Quốc, Hồng Kông, Đài Loan và Kampuchea thường diễn giải sai lạc các làn ranh tiếp giáp với với Việt Nam, trong khi chúng ta hoàn toàn thiếu sót về vấn đề này.

Quan niệm về công dân và quốc tịch

Ngày nay công dân và quốc tịch là hai khái niệm không thể tách rời nhau. Trên một khía cạnh nào đó, công dân thuộc lãnh vực nội biên và quốc tịch thuộc lãnh vực ngoại biên. Trong một quốc gia, công dân là những người có đầy đủ tư cách pháp lý, bất kể nguồn gốc chủng tộc, sinh sống hợp pháp trong một quốc gia hay trên một lãnh thổ có chủ quyền. Quốc tịch chỉ là sự xác nhận tư cách pháp lý đó với những người ngoài. Tùy trình độ dân trí và tổ chức xã hội của mỗi quốc gia mà quyền công dân phát triển khác nhau trong khi quốc tịch không thay đổi. Công dân là một quyền pháp lý và chính trị trong khi quốc tịch chỉ là một quyền hành chánh.

Quan niệm về công dân này khác với quan niệm của các xã hội Châu Á xưa, theo đó tư cách pháp lý của một công dân được xác định qua sự thần phục một triều vương, gọi là "thần dân". Những "thần dân" này có thể có cùng nguồn gốc chủng tộc, tiếng nói, phong tục tập quán nhưng cũng có thể khác hoàn toàn miễn sao thần phục một triều vương là đủ. Tuy nhiên, xã hội Việt Nam ngày xưa phân biệt hai loại thần dân: nội biên và ngoại biên. "Thần dân nội biên" là những người có cùng nguồn gốc chủng tộc, tiếng nói, phong tục tập quán và đóng thuế cho triều đình; "thần dân ngoại biên" hay "thuộc man" là những người không có cùng nguồn gốc chủng tộc, tiếng nói, phong tục tập quán nhưng chịu triều cống phẩm vật. Nơi nào không nộp thuế khóa hay triều cống phẩm vật, không biết ai cai trị mình, nơi đó không được công nhận là "thần dân". Nơi nào không tiếp nhận được ánh sáng văn minh (Khổng Giáo), nơi đó vô chủ, cần phải tránh xa. Tuy nhiên cũng không thể khẳng định vùng đất nào vô chủ hoàn toàn khi có người sinh trú tại đó, do đó các triều vương đều cố gắng mở rộng tối đa tầm ảnh hưởng để lôi kéo những nơi tăm tối về vùng ánh sáng, chịu thần phục để tư cách "thần dân" được công nhận và cũng để bảo vệ khu vực trung tâm khi loạn lạc.

Về quốc tịch, người Việt Nam hay người Trung Hoa ngày xưa thường xác nhận mình là "thần dân" của một triều đại, bề tôi của một vị vương, chứ không bao giờ xác nhận mình là người Trung Hoa hay người Việt Nam. Mặc dù mỗi lãnh thổ đều có một danh xưng nhưng người ta thường lấy tên một triều đại để xác nhận "quốc tịch" vì trong một lãnh thổ có thể có nhiều triều đại cai quản khác nhau. Chẳng hạn như Trung Quốc có nước Ngô, nước Sở, nước Thục, v.v... Đại Việt có nhà Mạc, nhà Lê, chúa Nguyễn. Vấn đề quốc tịch như chúng ta hiểu ngày nay không đặt ra bởi vì quốc gia ngày xưa đồng nghĩa với triều đại, đất nước là của riêng của một dòng vua; bảo vệ một quốc gia là bảo vệ một triều đại, một vị vua; từ bỏ mộtvị vua là từ bỏ một quốc gia. Khi một triều đại sụp đổ, tư cách pháp lý này mất theo, các "thần dân" cũ nếu thần phục chủ nhân mới thì được coi là "thần dân" của triều đại mới. Quốc tịch của người Việt xưa chính vì vậy rất giản dị, một người bỏ chúa Trịnh ở Đàng Ngoài vào đầu quân chúa Nguyễn ở Đàng Trong, quốc tịch của người đó liền được công nhận.

Sở dĩ có sự giải thích dài dòng như vậy chỉ để chứng minh sự mở rộng bờ cõi lãnh thổ Việt Nam về phía Nam hoàn toàn dựa trên những quan niệm xưa, do đó cao nguyên và biển cả không phải là ưu tiên hàng đầu. Thêm vào đó ý niệm về ranh giới và lãnh thổ lại rất trừu tượng, chính vì thế trong suốt quá trình lập quốc tổ tiên chúng ta chỉ tập trung cố gắng bảo vệ khu vực trung tâm và vòng đai chủng tộc. Ngày nay một số quan niệm xưa vẫn còn tồn đọng trong tâm lý của mỗi người Việt, các ý niệm về lòng yêu nước và sự toàn vẹn lãnh thổ không vượt quá chế độ đang sống và không gian sinh tồn chính ở vùng đất thấp. Thay đổi một tâm lý có từ lâu đời không phải dễ và cũng không thể thực hiện ngay tức khắc. Nhưng ý thức được vấn đề đã là một bước tiến quan trọng, nhất là cho những người còn quan tâm đến tương lai đất nước.

Nguyễn Văn Huy

Về việc ông Nguyễn Thanh Giang bị bắt :

Nhà văn Hoàng Tiến lên tiếng

Kính gửi: Các vị lãnh đạo Đảng và Nhà nước Việt Nam

Nhà khoa học địa-vật lý Nguyễn Thanh Giang đã bị bắt chiều ngày 4-3-1999. Ông là tác giả của nhiều bài viết gửi các nhà lãnh đạo Việt Nam nói về đường lối phát triển đất nước, về kinh tế, về khoa học, về giáo dục, và nhất là về tổ chức một xã hội dân chủ, tôn trọng quyền làm dân, quyền làm người, những quyền đã được pháp luật quốc tế và pháp luật trong nước ghi nhận.

Vậy mà vừa rồi ông đã bị bắt. Tuy báo đài không đưa tin, chỉ là tin truyền miệng trong dân, nhưng gia đình ông Giang đã thừa nhận. Vậy là việc đó có thật. Và điều đó chỉ chứng tỏ thêm một lần nữa, chúng ta vẫn tiếp tục chính sách bạo lực đàn áp trí thức.

Truyền thống của cha ông vốn *tôn trọng kẻ sĩ*. Kẻ sĩ là nguồn hiền tài của đất nước, là chính khí của quốc gia. 82 tấm bia tiến sĩ ở Văn Miếu còn ghi khá rõ.

Truyền thống của cha ông *lấy hòa làm quý*. Nhiều đình làng còn treo bức hoành: "Dĩ hòa vi quý", ghi nhận và tôn thờ cung cách ứng xử của tổ tiên. Nhờ thế mà cả nước một lòng, tạo thành một sức mạnh dời non lấp biển.

Truyền thống của cha ông ta là *nhiễu điều phủ lấy giá gương, gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau*. Vì thế mà vua Trần Nhân Tôn sau hai lần thắng giặc ngoại xâm, đã cho đốt những giấy tờ bắt được của các quan lại nhà Trần tư thông với giặc. Nhờ thế mà mọi người dốc sức toàn lực vào công cuộc kiến thiết nước nhà.

Ngược lại, chúng ta đã cư xử với trí thức như thế nào? Không kể cái khẩu hiệu của phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh đã nêu: *"trí, phú, địa, hào, đào tận gốc trốc tận rễ"*, mà ta đã thấy nó tả khuynh, ấu trĩ, giáo điều, từ lâu đã phế bỏ rồi. Nhưng người trí thức ở chế độ ta vẫn không được tin dùng, không được quý trọng, không được giao công việc theo đúng khả năng. Họ luôn luôn bị nghi ngờ, bị theo dõi và bị vô hiệu hóa. Xin đơn cử những dẫn chứng:

1. Luật sư hai bằng tiến sĩ Nguyễn Mạnh Tường, chỉ vì phát biểu ở Mặt trận Tổ quốc nhân sai lầm của cải cách ruộng đất, yêu cầu bỏ phiếu tín nhiệm Chính phủ (cuộc họp ngày 30-10-1956) mà ông bị vô hiệu hóa, mất dần các chức vụ. Ông bị bao vây, cô lập đến mức muốn dạy tiếng Pháp kiếm tiền nuôi gia đình cũng không có ai dám đến học. Trước khi chết, ông viết cuốn hồi ký *"Người bị đuổi khỏi cộng đồng" (Un excommunié,* xuất bản ở bên Pháp), có những lời tự bạch in ở trang bìa 4 rất đỗi thương tâm: *"Nếu người ta đẩy sự việc tàn bạo bắt tôi phải chịu, cũng như cách đã đối xử với những trí thức khác bị kết tội bôi xấu chế độ, tôi chờ đợi không lùi bước trước những thử thách mà tôi biết là rất nặng nề. Tôi đã quyết định, nếu tình huống đó xảy ra, tôi sẽ tuyệt thực cho đến khi tôi chết. Ở tuổi 84 này, tôi đã hiểu rõ những điều tốt đẹp cùng những việc xấu xa của cuộc đời, và tôi không một chút hối tiếc khi từ giã cuộc đời này, cuộc đời suốt thời gian cùng nó tôi đã làm đầy đủ trách nhiệm của một trí thức trước nhân dân và trước lịch sử" (nguyên văn bằng tiếng Pháp: Mais si la barbarie va jusqu'à m'infliger le même traitement qu'à d'autres intellectuels accusés du régime, j'attends de pied ferme les épreuves dont je connais la dureté. Je suis décidé, si l'éventualité se produisait, d'entamer une grève de la faim jusqu'à ce que mort s'ensuive. A 84 ans, j'ai connu de la vie le meilleur et le pire et n'éprouve pas de regret à quitter cette vie au cours de laquelle j'ai rempli mon devoir d'intellectuel devant le peuple et devant l'histoire!).*

2. Giáo sư Trần Đức Thảo, nhà triết học Việt kiều ở Pháp, tự nguyện rời bỏ cuộc sống Paris hoa lệ, tìm lên Việt Bắc để được hòa mình vào cuộc chiến đấu gay go gian khổ cùng dân tộc. Hòa bình lập lại (1954), ông bị phê phán trong vụ Nhân văn - Giai phẩm. Bị vô hiệu hóa kéo dài. Cuối đời, đau ốm, được cho sang Paris chữa bệnh và chết ở bên đó. Pháp làm ma to. Trớ trêu là bên ta cũng làm truy điệu rầm rĩ, tỏ lòng thương tiếc. Nhưng khi tro hài cốt của ông đưa về Việt Nam thì bị bỏ nằm hàng tháng ở gầm cầu thang nhà tang lễ Phùng Hưng, vì không có người nhận.

3. Giáo sư Nguyễn Khắc Viện, người trí thức yêu nước, đảng viên Đảng Cộng sản, cũng từ bên Pháp về, rồi vì viết bài *"Cuộc kháng chiến mới"*, mà bị vô hiệu hóa, mất chức giám đốc Nhà xuất bản Ngoại văn. Cuối đời, ông đi vào Thiền, tìm sự yên tĩnh trong tâm khảm, với lời tuyên bố xanh rờn: *"Dù ngày mai họ có đến bắt tôi, tôi vẫn giữ được lòng yên ổn không xao động"*.

4. Luật sư Nguyễn Hữu Thọ, đã một thời làm phó chủ tịch Quốc Hội, rồi chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, trước khi chết, cũng đã ngán ngẩm nhận ra thân phận mình chỉ là cây cảnh (trong Nam gọi là *kiểng*).

5. Nhà văn nữ Dương Thu Hương bị bắt giam 7 tháng trời, vì những cuốn sách và những lời phát biểu thẳng thắn, không e dè, đối với những việc làm sai trái của lãnh đạo. Hiện nay chị vẫn bị bao vây, cô lập. Những bài viết và tiểu thuyết của chị, không một nơi nào trong nước dám in.

6. Nhà khoa học Nguyễn Xuân Tụ, bút danh Hà Sĩ Phu. Ông là người Việt Nam đầu tiên có những bài viết mang tính học thuật phê phán chủ nghĩa Marx, cùng đề xuất với lãnh đạo nhà nước nhiều ý kiến về đổi mới tư duy (Những bài: *"Dắt tay nhau đi dưới những tấm biển chỉ đường của trí tuệ"*, *"Ý kiến của một công dân"* và *"Chia tay ý thức hệ"*). Đáng ra, được tạo điều kiện làm việc tốt, ông có thể tiến tới những công trình triết học có giá trị cho thời đại, làm rạng rỡ cho dân tộc Việt Nam. Tiếc rằng Nhà nước đã bỏ phí nhân tài. Ông bị đàn áp, bị bắt giam 12 tháng tù, với cái tội danh vu vơ "**làm lộ bí mật quốc gia**".

7. Nhà toán học Phan Đình Diệu, ủy viên Đoàn chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cũng chỉ vì m0ay bài phát biểu về tình hình đất nước mà cũng bị vô hiệu hóa, các chức vụ đang giảm dần.

8. Gần đây việc quản chế các nhà thơ Bùi Minh Quốc và nhà văn Tiêu Dao Bảo Cự theo nghị định 31/CP đã gây nhiều điều tiếng rất không hay. Thế giới

đã tố cáo phản đối. Trong nước nhiều người đã gửi thư cho Quốc Hội đề nghị hủy bỏ nghị định trên. Vì nó vi phạm Hiến pháp, vi phạm luật hình sự và tố tụng hình sự vừa ban hành; đối với nhân loại thì nó vi phạm quyền con người của công phap quốc tế. Việc quản chế khá là bất nhân. Cắt điện thoại, bao vây thư tín, không cho ai đến thăm, hàng ngày phải lên công an phường ngồi viết kiểm điểm. Nhà thơ Bùi Minh Quốc viết giấy xin phép chính quyền đi ăn giỗ bố vợ ở ngay Đà Lạt, mà không được. Vợ anh dắt đứa con 10 tuổi về ăn giỗ. Mọi người đều hỏi bố cháu đâu? Sao không về? Chỉ còn biết khóc. Sự việc thật nhỏ, nhưng nó chạm đến cõi tâm linh sâu thẳm của người Việt Nam. Nó đã khiến cháu bé 10 tuổi phẫn uất thốt lên: "Họ thật dã man! Cứ bảo bố cháu về! Sợ gì họ!".

Nhà thơ Bùi Minh Quốc và nhà văn Bảo Cự đều là những chiến sĩ tham gia cuộc kháng chiến chống Mỹ giải phóng miền Nam, có những đóng góp và có tên tuổi trên văn đàn.

9. Nhà khoa học tâm linh, giáo sư Nguyễn Hoàng Linh, giảng dạy vật lý ở trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, có những công trình nghiên cứu về tâm linh học nổi tiếng thế giới và trong nước. Ông làm đơn xin ra khỏi Đảng để phản đối việc ban Tư tưởng Văn Hóa cấm phổ biến sách của ông và cấm các nơi không được mời ông đến thuyết giảng. Ông còn tố cáo việc họ định tổ chức lấy cắp bản thảo công trình của ông, và 6 lần định mưu sát ông.

10. Xin lấy dẫn chứng ngay trường hợp bản thân. Trong một buổi học tập nghị quyết và góp ý kiến với Đảng của Hội Nhà văn (ngày 30-11-1996), tôi đã phát biểu bằng giấy hẳn hoi đề nghị cho báo chí tự do, thực hiện đúng điều 69 ghi trong Hiến pháp về quyền công dân. Thế là tôi bị rầy rà. Càng viết thư gửi lãnh đạo Đảng và Nhà nước càng bị gây phiền hà. Cắt điện thoại. Bao vây thư tín. Bạn bè đến chơi bị đe dọa. Tác phẩm không được in. Có lần còn gửi những tài liệu phản động đến nhà tôi, rất may là tôi đã gửi trả lên Bộ Công an.

Nhìn một cách tổng quát thì những vụ Hát-xăng-vanh-đơ (H122, thời Việt Bắc chống Pháp), vụ án Nhân văn - Giai phẩm, vụ án Xét lại chống Đảng... những nạn nhân đều rơi vào những phần tử trí thức. Thành ra cái khẩu hiệu của một thời Xô Viết Nghệ Tĩnh hình như vẫn còn lởn vởn đâu đây. Và người trí thức, có những suy nghĩ độc lập, để trở thành đối tượng bị đẩy sang phía thù địch. Bác Hồ thường nói thêm bạn bớt thù và biến thù thành bạn, mà chúng ta do ý thức cảnh giác quá cao cứ đẩy bạn thành thù và thêm thù bớt bạn.

Nói cho đúng thì chính quyền chỉ muốn những người trí thức phục tùng, ngoan ngoãn, để bảo. Những trí thức sẵn sàng chứng minh ngô khoai bổ hơn lúa gạo, chỉ vì hồi đó chúng ta thiếu gạo đang phải ăn độn ngô khoai. Những trí thức ca ngợi sáng kiến đổ nước lã vào xăng, chỉ vì lúc ấy thiếu xăng. Những văn nghệ sĩ ca ngợi hợp tác hóa nông thôn, ca ngợi cấy dầy lên án cấy thưa, ca ngợi việc xếp hàng mua thực phẩm, vân vân và vân vân...

Thời gian trôi qua đã thành câu hỏi: Những hạng trí thức ấy phỏng có ích gì cho sự tiến bộ của cộng đồng?

Nhìn bề ngoài thì hạng sĩ quân tử và hạng sĩ tiểu nhân khó phân biệt. Nhưng họ khác nhau một trời một vực. Một đằng lấy sự làm đẹp lòng chính quyền để leo bậc thang danh vọng, cốt vinh thân phì gia là mục đích cuối cùng. Một đằng lấy cốt cách cá nhân *(phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất)* làm thước đo phẩm giá, coi sự phát triển của cộng đồng làm chuẩn đích ở đời.

Các triều đại hiển hách trong sử thời Lý, thời Trần, thời Lê đều xuống chiếu cầu lời nói thật. Trong triều chính đều lập chức quan gián nghị đại phu, được quyền can gián, bắt bẻ những lỗi của nhà vua. Nhờ thế mà nhiều triều đại tồn tại hàng mấy trăm năm. Mở rộng ra các nước văn minh hiện đại, họ tổ chức các đảng đối lập, hoặc cho báo chí tự do, có quyền chỉ trích, phanh phui những sai lầm của chính phủ. Nhờ thế mà họ mạnh lên, chứ họ đâu có yếu đi.

Kẻ sĩ là bộ phận nhạy cảm nhất của cộng đồng. Họ phải làm cái công việc của gián nghị đại phu ngày xưa, lại phải làm cái công việc dự báo khoa học ngày nay, nghĩa là chỉ ra những hiểm họa cùng những thuận lợi trên con đường đi tới của cộng đồng. Nghèo khổ không làm họ sờn lòng, giàu sang không khiến họ đổi thay, uy vũ không khuất phục được họ. Thiên chức của người trí thức là như vậy. Nếu để rơi thiên chức này, họ không còn là trí thức nữa.

Sách xưa viết: *"Trung ngôn nghịch nhĩ"* (lời nói thật làm người ta khó chịu). Nhiều vụ án oan uổng cũng chỉ vì cái tội này. Chúng tôi nghĩ, chính quyền bắt ông Nguyễn Thanh Giang thì sẽ có một ông Nguyễn Thanh Giang khác. Nếu bắt hết các ông Nguyễn Thanh Giang thì lại có những trí thức khác làm cái công việc của ông Nguyễn Thanh Giang. Vì cuộc đời vẫn cần giai tầng trí thức.

Bạo lực không giải quyết được vấn đề. Vậy phải làm thế nào? Trên thế giới các nước nổ súng bắn nhau, rồi còn ngồi vào bàn thương lượng. Vậy thì trong một nước, sự khác biệt ý kiến, sao lại không thể ngồi bàn bạc cùng nhau. Tôn trọng lẫn nhau, lắng nghe ý kiến của nhau, chỉ có lợi vì tất cả đều mong muốn đất nước phát triển, thoát cảnh đói nghèo lạc hậu, tiến lên ngang hàng với các nước văn minh tiến bộ của hành tinh.

Các thể chế rồi sẽ qua đi. Cái còn lại là dân tộc, là đất nước.

Chúng ta đang nắm quyền hành (Đảng ta là đảng cầm quyền), chúng ta cũng nên biết sợ với đời sau, với hậu thế. Hậu thế sẽ phán xét. Hậu thế sẽ định công luận tội. Mà cũng chẳng cần phải chờ đợi lâu la gì, nhiều sự việc đã xảy ra trước nhỡn tiền rồi. Lịch sử đang sang trang, lịch sử rất công bằng.

Tôi rất mong các nhà lãnh đạo Việt Nam ngừng chính sách bạo lực đối với những người khác biệt ý kiến với mình. Gần đây chúng ta thường nói: *phát huy truyền thống dân tộc, giữ gìn đậm đà bản sắc dân tộc.* Vậy cụ thể trong lĩnh vực trị nước là những điều gì?

Truyền thống và bản sắc dân tộc là *tôn trọng kẻ sĩ.*

Truyền thống và bản sắc dân tộc là *dĩ hòa vi quý.*

Truyền thống và bản sắc dân tộc là *nhiễu điều phủ lấy giá gương, người trong một nước thì thương nhau cùng.*

Rất mong các nhà lãnh đạo Việt Nam hãy làm được những điều mình nói. Đừng để xảy ra các cảnh *gà cùng một mẹ cứ hoài đá nhau.*

Xin chào trân trọng.

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 1999

Hoàng Tiến, nhàvăn

Dập được ngọn lửa dân chủ hay không? Chống được tham nhũng hay không?

Lê Đình Mạnh

LTS: Lê Đình Mạnh là người đã cùng với ông Nguyễn Hộ lãnh đạo Câu Lạc Bộ Những Người Kháng Chiến Cũ và biến câu lạc bộ này thành một tổ chức đấu tranh cho dân chủ. Ông bị bắt cùng với ông Nguyễn Hộ và bị giam giữ không xét xử trong ba năm, từ 1990 đến 1993. Trong bài này, tác giả làm chứng một sự kiện đặc biệt nghiêm trọng: chính đảng cộng sản trong quá khứ đã tổ chức buôn thuốc phiện trên qui mô lớn, người phụ trách việc này không ai khác hơn là chính thân phụ của tác giả.

Những người cộng sản Việt Nam đã lợi dụng phong trào dân chủ để cướp chính quyền, chính vì vậy họ hiểu hơn ai hết sức mạnh của phong trào dân chủ và số phận của những ai cản trở phong trào đó.

Bộ Chính Trị Đảng Cộng Sản Việt Nam bao gồm những cái đầu mà họ cho là sáng suốt và đầy mưu lược nhất. Cơ quan này đã vạch ra kế hoạch và chỉ đạo cuộc đấu tranh giành mọi thành quả cuộc Cách mạng tháng 8-1945 của phong trào dân chủ mà đại diện cho phong trào là "Mặt Trận Việt Minh". Cũng chính Bộ Chính Trị đã đưa ra những mưu toan thâm độc và tráo trở đối với những thành viên đã liên minh với họ trong "Liên Minh Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam" và cũng chính họ đã vạch ra và chỉ đạo kế hoạch chống và dập phong trào dân chủ toàn diện, lâu dài và triệt để.

Để đối phó với phong trào dân chủ ở trong nước, những người lãnh đạo Đảng đã sửa đổi và tu chính hiến pháp, vì theo bản hiến pháp mà ông Hồ Chí Minh công bố năm 1945 thì người dân vẫn còn một chút quyền dân chủ thực sự. Điều 4 của Hiến pháp nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam minh định Đảng Cộng Sản Việt Nam là tổ chức có quyền lực và vị thế tối thượng. Đảng cho ra đời một bộ luật hình sự, một bộ luật chủ yếu nhằm chống lại phong trào dân chủ và củng cố chế độ độc tài của họ. Bởi vậy những ai có tư tưởng khác với đường lối của Đảng thì người đó là kẻ vi phạm luật pháp. Đảng tự đặt ra luật và đứng trên luật thì còn ai dám chống Đảng? Đó là cách nghĩ của những người trong Bộ Chính Trị và trong Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng.

Đối với phong trào dân chủ của người Việt ở hải ngoại thì Bộ Chính Trị đã quan tâm tới vấn đề này một cách đặc biệt và đưa ra kế hoạch đối phó ngay từ năm 1975. Kế hoạch và sách lược cụ thể để ngăn chặn dòng người tị nạn và chia rẽ làm suy yếu khối đoàn kết của cộng đồng người Việt ở hải ngoại đã được xây dựng và phát triển dựa trên những kế sách mà họ đã sử dụng trong hai cuộc chiến. Họ tung nhân viên an ninh và tình báo xâm nhập cộng đồng người Việt ở hải ngoại như họ đã cài người của họ ở miền Nam sau ngày ký hiệp định Genève năm 1954.

Hai mươi bốn năm đã trôi qua kể từ sau ngày 30-4-1975, khoảng thời gian đó đủ cho một thế hệ mới sinh ra và trưởng thành. Một thế hệ mới, một môi trường sống mới sẽ làm cho người Việt quên đi nỗi đau do cộng sản mang lại. Đó là sự suy luận của những người lãnh đạo Đảng, nhưng thực tế đã không theo như những gì họ tính. Tinh thần dân chủ đã ấp ủ nhiều năm nay trong lòng người dân Việt nay đã bùng cháy lên nhờ những luồng gió mới của thời đại, cho dù người Việt phải chống chọi với bạo lực của chế độ độc tài trong nước hay sức quyến rũ của vật chất trên đất người.

Để giành lấy phần thắng trong đại chiến dịch này, trung ương Đảng đã phát động chiến dịch làm trong sạch nội bộ Đảng trong thời gian hai năm nhằm nâng cao sức mạnh của Đảng và chiến dịch "chống đa nguyên đa đảng, chống diễn biến hòa bình" phòng và dập tắt phong trào dân chủ. Vậy mà hôm nay họ đã hoàn toàn rơi vào thế bị động. Trận chiến này khác với những thời kỳ trước vì lập trường và quan điểm của giai cấp vô sản không còn giúp họ nhận biết đâu là bạn đâu là thù. Đối phương hôm nay không ở trong vùng ranh như họ quy định. Những cái đầu đầy mưu lược của Đảng liệu có cách nào giúp Đảng sống còn trong trận này không?

Về phần tôi, xin nhận định như sau:

- Chỉnh đốn Đảng với phương thức phê bình và tự phê bình. Điều này Đảng đã thực hiện nhiều lần. Khác với các đợt chỉnh đốn nội bộ Đảng những lần trước, lần này Đảng nâng cao tầm vóc cuộc chỉnh đốn lên thành chiến dịch và mỗi đảng viên được sử dụng những điều khoản của luật pháp cùng với lập trường của giai cấp vô sản. Một khi họ dựa vào luật pháp của họ và lấy đó làm chuẩn mực thì sự phán xét trong họ sẽ mất đi tính công bằng, vì nhiều điều khoản trong hiến pháp và bộ luật hình sự chỉ nhằm bảo vệ quyền độc tôn của Đảng. Đơn cử một thí dụ, điều 2 Hiến pháp nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ghi rõ: "Đảng Cộng Sản là lực lượng lãnh đạo nhà nước và xã hội". Chính điều khoản này đã và đang bao che tội lỗi của nhiều đảng viên cao cấp. Lập trường quan điểm giai cấp vô sản là nguyên tắc được coi là cơ bản và bất di bất dịch của Đảng, nhưng thực tế thì hiện nay Đảng đang xung đột với chính nguyên tắc ấy. Giai cấp vô sản đã và đang tan vỡ và những người lãnh đạo giai cấp ấy hiện không còn ai là người vô sản. Họ đã trở thành những tư bản lớn. Những người vô sản còn lại là những người bị Đảng lừa dối và tước đoạt quyền dân chủ. Lập trường quan điểm giai cấp vô sản là một thứ vũ khí lợi hại của Đảng trong mặt trận tư tưởng, nay nó sẽ làm tăng thêm vết nứt rạn trong Đảng và làm những người lãnh đạo Đảng trở thành kẻ thù của đảng viên và quần chúng.

Đường lối chính thức của Đảng vẫn là chủ nghĩa xã hội. Nhưng khổ một nỗi là không một ai trong Đảng định nghĩa rõ ràng chủ nghĩa xã hội là gì? Một dẫn dụ cụ thể để mọi người đều thấy đó là việc ông Nguyễn Cơ Thạch xin thôi

không tham gia Bộ Chính Trị và chức vụ phó thủ tướng vì lý do không hiểu chủ nghĩa xã hội là gì và không đồng tình với trung ương về hướng đi đó. Tư tưởng đảng viên không thông, đường lối của Đảng bế tắc, vậy thử hỏi ai phán xét ai? Nếu có, chỉ tập trung vào chuyện tham nhũng, buôn lậu. Trong hàng ngũ tham nhũng, hiếm có người ngoài Đảng bởi vì người ngoài Đảng không được phép nắm giữ chức vụ quan trọng và quản lý tiền bạc, tài sản nhà nước. Hầu hết các vụ tham nhũng lớn đều liên quan tới cấp trung và cao cấp của Đảng. Việc diệt trừ nạn tham nhũng sẽ chẳng tới đâu vì những kẻ đứng đầu hoặc dứng sau những vụ đó là cán bộ trung cao cấp của Đảng.

Đơn cử vụ "Tuấn Đen và đường dây buôn lậu vàng và bạch phiến ở sân bay Tân Sơn Nhứt, quận Tân Bình 1991". Vụ này làm không triệt để vì đường dây truy tìm bị nghẽn ở cổng nhà ông Võ Viết Thanh, thứ trưởng Bộ Nội Vụ lúc bấy giờ. Vụ này tôi biết rõ vì người anh em của đội trưởng Đội điều tra Công an quận Tân Bình dính líu tới vụ này và bị giam cùng phòng với tôi ở trại Phan Đăng Lưu thuật lại.

Thêm một vụ đáng chọn làm tiêu biểu đó là vụ "Ban lãnh đạo tỉnh Sông Bé đã biển thủ số tài sản mà chính quyền Sông Bé tịch thu của các nhà tư sản trong tỉnh năm 1975". Những đảng viên thẳng thắn đấu tranh trong vụ này đều đã bị trù dập thậm tệ. Những người đó là bà Kỳ Hương, chủ tịch Hội Phụ Nữ tỉnh, ông Hai Quang, chủ bút báo Sông Bé, ông Nguyễn Xuân Phong, chủ tịch tỉnh Sông Bé, ông Một Hữu, phó bí thư tỉnh ủy, v.v... Họ là những người tham gia lãnh đạo ở nhiệm kỳ sau nhưng biết cụ thể và có chứng cứ về vụ này. Đơn khiếu nại của họ đã gửi đi nhiều nơi, nhiều cấp ở trung ương, nhưng không một ai giải quyết nỗi oan ức của họ. Họ bị buộc thôi việc và bị đối xử như kẻ có tội. Họ nhờ tôi chuyển tới tận tay ông Vũ Oanh, bí thư trung ương Đảng, và ông Phạm Văn Đồng đơn khiếu nại của họ năm 1989, nhưng cho đến nay chưa ai trong họ được bồi hoàn danh dự. Kẻ đáng chịu tội là Sáu Phát (tức ông Nguyễn Minh Triết, hiện là ủy viên Bộ Chính Trị, lúc đó là bí thư tỉnh Sông Bé) thì vẫn được phép thẳng tay trù dập những người tố giác mình và tiếp tục sử dụng quyền hành làm giàu bất chính, vì biết đường vào cổng sau nhà ông Nguyễn Văn Linh, tổng bí thư Đảng lúc đó.

Nạn buôn lậu ma túy vẫn không giảm vì những đường dây này đều dính tới nhiều cán bộ cao cấp trong Đảng. Bởi lẽ nhiều thập niên trước đây, chính những người lãnh đạo Đảng đã thu được một phần ngân sách đáng kể của Đảng từ cây thuốc phiện. Bố tôi, ông Lê Văn Phê, khi còn sống có kể cho tôi nghe về việc ông bị cấp trên khiển trách vì đã thố lộ những ray rứt trong ông cho vài cán bộ cùng làm việc với ông ở Ty Thương Nghiệp Liên Khu 3 đặt tại Nho Quan, Thanh Hóa năm 1950. Cơ quan này, do ông phụ trách, được lãnh nhiệm vụ thu mua và chuyển bán khá nhiều thuốc phiện vào vùng gọi là "địch tạm chiếm". Theo ông, việc không nên làm vì người hút thuốc phiện phần đông là người Việt mình. Cấp trên của ông đã khiển trách ông là lập trường quan điểm giai cấp vô sản của ông chưa vững, và họ nói với ông: "Những ai ở vùng địch đều là địch, nếu không cùng là nuôi địch. Ta đưa thuốc phiện vào cũng chính là làm suy yếu địch và ta lại có tiền để nuôi kháng chiến". Ông Nguyễn Sĩ Túc, là cán bộ của cơ quan này được Đảng phái qua Hồng Kông trong thời kỳ này để tiếp nhận và đem về nước loại hàng này. Việc kinh doanh thuốc phiện tiếp tục trong suốt các thập niên 50, 60, 70. Nay chắc việc này không còn nữa vì việc diệt trừ ma túy đã tới độ quyết liệt và rộng khắp thế giới, đồng thời tác hại do ma túy đem lại cũng đang làm cho nhà cầm quyền cộng sản khốn đốn vì phần đông số người nghiện hút ở tuổi thanh niên là con em cán bộ cộng sản. Với tội ác này đảng cộng sản không còn tư cách để chống ma túy, vả lại thói quen trong việc kiếm tiền bất chính của nhiều cán bộ có chức quyền trong Đảng thì không dễ bỏ, vì ai là người có quyền kiểm tra, giám sát mọi việc làm của những người lãnh đạo Đảng.

Muốn việc phê bình và tự phê bình được thực hiện tốt thì mỗi đảng viên phải phát huy quyền dân chủ thực sự của mình. Nhưng rất ít người dám làm việc này vì họ đã nhìn thấy những ông như Hoàng Minh Chính, Đặng Kim Giang, Nguyễn Hộ, Hoàng Hữu Nhân, Trần Độ và Nguyễn Thanh Giang, cùng nhiều người khác, đã bị kỷ luật, bị tù đày chỉ vì đã dám sử dụng quyền dân chủ.

Chiến dịch chống và dập phong trào dân chủ do đảng cộng sản chủ trương không phải chỉ mới bắt đầu trong thời gian này, nó đã được phát động ngay từ sau ngày ông Hồ Chí Minh đọc bản tuyên ngôn thành lập nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa ngày 2-9-1945. Cụ thể là nhiều tổ chức, đảng phái của quần chúng tham gia Mặt Trận Việt Minh sau ngày tuyên bố độc lập đều bị đảng cộng sản triệt hạ chỉ vì họ đã dám đòi dân chủ. Nay Đảng không thể dập tắt phong trào dân chủ được nữa. Phong trào đã lan rộng từ ngoài nước vào trong nước, từ trung ương tới địa phương, từ ngành nội vụ tới quốc phòng, từ thành thị tới nông thôn.

Tôi thực sư cảm phục chí khí của tướng Trần Độ. Ông không chỉ là vị tướng của hai thời kỳ kháng chiến đã qua mà còn là vị tướng đi đầu trong trận chiến chống chế độ độc tài của đảng cộng sản hôm nay. Tôi tán thành phản ứng của đồng bào ta ở hải ngoại trước việc treo cờ cộng sản và ảnh ông Hồ Chí Minh. Nếu đây là hành động do đảng cộng sản xúi dục thì quả thật là những người lãnh đạo Đảng đã tiếp lửa cho phong trào dân chủ bằng những việc làm ngu xuẩn. Phải chăng số mệnh của Đảng đã tới hồi mạt vận? Không còn cách nào khác dành cho đảng cộng sản ngoài việc chấp nhận lời kêu gọi của ông Trần Độ: "Dân chủ hóa hay là chết !". Đó chính là lối thoát duy nhất cho Đảng.

Lê Đình Mạnh

Thái Lan, ngày 17-3-1999

THÔNG LUẬN

Nguyệt san

Thông tin Nghị luận

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số (tháng 7 và 8 chỉ ra một số);

Địa chỉ liên lạc :

Association VietNam Fraternité,

124bis rue de Flandre

75019 PARIS, FRANCE

Giá báo một năm : Âu Châu 200 FF hoặc tương đương.

Ngân phiếu hoặc chi phiếu xin đề :

VIETNAM FRATERNITE

(xin đừng đề Thông Luận)

Dân tộc tự chủ hay nô lệ

Sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt, Nga và Hoa Kỳ gần như bỏ ngỏ vùng Đông Nam Á Châu Thái Bình Dương. Với việc Hoa Kỳ bỏ căn cứ hải quân và không quân tại Phi Luật Tân. Nga rút gần hết hạm đội chiến đấu cơ khỏi quân cảng Cam Ranh. Cùng thời gian này công cuộc cải cách kinh tế thành công của ông Đặng Tiểu Bình, đây là cơ hội giúp cho Trung Quốc thực hiện chương trình canh tân và trẻ trung hóa quân đội.

Từ sự thành công trong chính sách cải cách kinh tế, đủ điều kiện để cho chính quyền Trung Quốc tăng gia ngân sách quốc phòng, tái phối trí nhân sự, đào tạo sĩ quan trẻ, có trình độ văn hóa cao lần lần cho giữ các chức vụ lãnh đạo, thay thế các tướng lãnh già nua hầu thích ứng với việc trang bị võ khí kỹ thuật cao (1). Chỉ trong vòng một thập niên quân đội Trung Quốc đã bước một bước khá dài, từ một quân đội thiếu phẩm chất, đơn vị cơ bản nặng nề (2) trở nên năng động, tân tiến, mặc dù đối với Hoa Kỳ vẫn còn cách xa hơn 10 năm kỹ thuật, nhưng đối với các quốc gia trong vùng quân đội Trung Quốc trở thành một mối đe dọa, nhất là Trung Quốc tiếp tục tăng gia lực lượng hải quân, mở rộng tầm hoạt động các hạm đội vùng biển Thái Bình Dương. Trong những tháng gần đây, Trung Quốc cho thiết lập căn cứ quân sự và xây dựng phi trường có phi đạo dài tới 7.000 bộ Anh (2.100 mét) trên quần đảo Hoàng Sa (3), đủ để cho các chiến đấu cơ và phi cơ vận tải tiếp liệu sử dụng. Ngoài ra Trung Quốc còn cho xây cất sân trực thăng, dàn ra đa, xây pháo đài, các tòa nhà 4 tầng theo kích thước được ngụy trang làm nơi tạm trú cho ngư phủ, mặc dù quần đảo Trường Sa còn trong vòng tranh chấp và cách xa bờ biển Trung Quốc hàng ngàn dặm.

Qua việc Trung Quốc xây dựng phi trường và căn cứ tiếp liệu trên quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cho chúng ta thấy tham vọng bành trướng và ý đồ khống chế các quốc gia trong Vùng Đông Nam Á Thái Bình Dương của họ. Bởi lộ trình hàng hải quan trọng chuyên chở hàng hóa xuất cảng và nhập cảng trên thế giới đến các quốc gia trong khu vực biển Nam Hải, nhất là tuyến chuyển vận dầu hỏa từ Trung Đông xuyên qua Ấn Độ Dương, vùng vịnh Malacca và Lombok đến Đài Loan, Nhựt Bổn, Nam Hàn, Việt Nam, Phi Luật Tân và hải cảng Vladivostok của Nga sẽ bị uy hiếp bởi lực lượng hải quân Trung Quốc, khi mà phi trường, căn cứ tiếp liệu quân sự xây cất trên Quần Đảo Hoàng Sa và Trường Sa hoàn chỉnh. Trong tương lai, nếu có cuộc tranh chấp bằng võ lực với Trung Quốc, con đường hàng hải huyết mạch này sẽ bị cắt đứt.

Riêng Việt Nam, mặt Bắc giáp giới Trung Quốc, nếu trong tương lai Trung Quốc thực hiện được ý đồ khống chế vùng biển Nam Hải với việc chiếm cứ quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cùng thiết lập căn cứ quân sự tại đây, Việt Nam hoàn toàn bị bao vây.

Cuối tháng giêng vừa qua Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ ngỏ lời đứng làm trung gian giải quyết vấn đề tranh chấp hải phận quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là dịp may giúp cho các quốc gia liên hệ trong cuộc tranh chấp, trong đó có Việt Nam. Đây là một cơ hội để các quốc gia trong vùng bảo vệ chủ quyền lãnh hải trước tham vọng bành trướng và khống chế của Trung Quốc.

Nhưng chính quyền cộng sản Việt Nam, qua phát ngôn viên Bộ Ngoại Giao Phan Thúy Thanh, tuyên bố cho biết Việt Nam chủ trương thương thảo song phương giữa Trung Quốc và Việt Nam, phủ nhận hảo ý của Hoa Kỳ, đúng theo thâm ý của Trung Quốc. Từ trước tới nay Trung Quốc luôn luôn đòi giải quyết song phương để dễ dàng áp chế cưỡng đoạt chủ quyền các quốc gia trong vùng tranh chấp. Hành động của cộng sản Việt Nam cho chúng ta thấy rõ thành phần lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam chấp nhận thương thảo song phương trong điều kiện đặt đâu ngồi đó và chấp nhận thần phục, đi vào quỹ đạo của Trung Quốc và sẵn sàng dâng hiến lãnh thổ cho Trung Quốc để đánh đổi sự an toàn cho chế độ, bất kể quyền lợi tối thượng của tổ quốc và dân tộc.

Với chuỗi dài thăng trầm lịch sử dân tộc, một ngàn năm bị đô hộ chưa đủ cho thành phần lãnh đạo cộng sản Việt Nam hiểu rõ dã tâm của Trung Quốc hay sao? Nếu Đảng Cộng Sản Việt Nam chấp nhận thần phục để được tiếp tục nắm giữ quyền lực sẽ đưa đất nước vào con đường nô lệ đời đời cho Trung Quốc, tiềm năng thăng tiến của dân tộc bị hủy diệt, như vậy thành phần lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam hiện nay sẽ trở thành những tên phản quốc.

Lối thoát duy nhất trước tham vọng của Trung Quốc hiện nay, Đảng Cộng Sản Việt Nam phải chấp nhận thực thi dân chủ hóa, nhân dân Việt Nam phải can đảm vượt qua mọi tình huống, thực hiện cho bằng được chế độ tự do dân chủ. Nếu Việt Nam trở thành quốc gia tự do dân chủ, luật pháp thích ứng với hệ thống vận hành của nền kinh tế thị trường, không những giúp Việt Nam phát triển mà còn tạo được sự đồng thuận, hợp tác của toàn dân trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Từ sự đồng nhất căn bản trong hệ thống chính trị tự do dân chủ, sẽ tạo sự tin tưởng các quốc gia trong khu vực, để từ đó tiến tới hợp tác chặt chẽ hầu bảo vệ quyền lợi kinh tế và chủ quyền của nhau. Ngoài ra với hệ thống thống chính trị tự do dân chủ, sẽ dễ dàng tạo hấp lực cho tư bản ngoại quốc đầu tư vào Việt Nam và chính nhờ sự ràng buộc quyền lợi kinh tế tại Việt Nam, các cường quốc Tây Phương sẵn sàng can thiệp nếu Việt Nam bị huy hiếp bằng võ lực.

Lê Phát Minh

LTS: Ông Lê Phát Minh la Chủ Tịch Ban Chấp Hành Trung Ương Liên Minh Dân Chủ Việt Nam

Ghi chú:

1. *The World Military and Technology* tháng 3 năm 1986.
2. Trong cuộc chiến Hoa-Việt 1978, trong một tháng tấn công Việt Nam, quân đội Trung Quốc bị thiệt hại hơn 20 ngàn quân bởi thiết giáp hoạt động không hữu hiệu vì thiếu nhiên liệu tiếp tế hoặc thiếu cơ phận rời để thay thế hay sửa chữa, cùng sự di động các đơn vị bộ binh quá nặng nề, chậm chạp (một tiểu đoàn lên tới 500 binh sĩ), ngoài ra hệ thống truyền tin quá nghèo nàn phối trí, liên lạc, yểm trợ giữa các đơn vị chậm chạp, nhất là trong sự phối hợp giữa không hải lục, đã tạo thuận lợi cho không quân cộng sản Việt Nam truy cản hữu hiệu các cuộc không yểm cho bộ binh Trung Quốc. Đó là nguyên nhân chính làm cho quân đội Trung Quốc thất bại trong cuộc chiến tranh Hoa Việt năm 1978 (*Defense week*, 1983, 1984).
3. Quần đảo Hoàng Sa cách bờ biển Đà Nẵng 260 Km, thuộc chủ quyền Việt Nam Cộng Hòa; năm 1974 bị Trung Quốc đánh chiếm với sự ủng hộ của Bắc Việt.

Diễn Đàn Bạn Đọc

Nguyễn Thanh Giang và bọn làm bạc giả

Tưởng Năng Tiến

Qua bán tuần san Thời Báo Kinh Tế Việt Nam - số ra ngày 3 tháng 4 năm 1999, tại Hà Nội - phó tiến sĩ Nguyễn Hữu Hải, có phát biểu rằng *"nghèo đói thường gắn liền với phong tục tập quán lạc hậu, với địa hình nơi cư trú..."*. Điều ông Hải nói đúng nhưng không đủ. Tuy nhiên, ông ta để ba chấm lửng, không nói hết lời, cố tránh đề cập đến nguyên nhân của sự nghèo đói ở Việt Nam một cách rõ ràng hay rốt ráo.

Cũng trong số báo này, khi được hỏi *"liệu năm 1999 số hộ đói có giảm so với những năm trước hay không ?"*, ông Đàm Hữu Đắc - Thứ Trưởng Bộ Thương Binh Xã Hội Việt Nam - đã trả lời như sau: *"Nếu tình hình thời tiết không có đột biến xấu như hai năm 1997, 1998 thì tình hình nghèo đói ở Việt Nam trong năm 1999 và những năm tiếp theo sẽ giảm đáng kể"*. Khác với ông Hải, ông Đắc nhấn mạnh đến thiên tai như là nguyên nhân chính gây ra nghèo đói ở Việt Nam. Tương tự như ông Hải, ông Đắc cũng không muốn nói đến nhiều nguyên nhân khác - và có thể là nguyên chính - đã gây ra nghèo đói cho xứ sở của mình.

Trước đó hai hôm - báo Nhân Dân số ra ngày 1 tháng 4 năm 1999, tại Hà Nội - có đăng bài xã luận *"Thực Hiện Tốt Tổng Điều Tra Dân Số Và Nhà Ở Trên Cả Nước"*. Người viết (không ký tên) đề cập đến tất cả mọi vấn đề liên quan đến việc điều tra dân số thực hiện năm nay, trừ mỗi một chuyện, và chuyện này lại được tiết lộ ở một tờ báo khác, báo Thời Luận - số ra ngày 24 tháng 3 năm 1999 tại Los Angeles, Hoa Kỳ - qua hình thức một mẩu tin ngắn:

"Ngày 23 tháng 3 năm 1999, ông Erick Palstar, Trưởng Đại Diện Quĩ Dân Số Liên Hiệp Quốc (UNFPA) tại Việt Nam cho biết vào lúc 0 giờ ngày 1 tháng 4 năm 1999 Việt Nam sẽ tiến hành cuộc tổng điều tra dân số và nhà ở. Công việc này lại tiếp tục được đài thọ bởi Liên Hiệp Quốc, và - vẫn theo lời ông Erick Palstar - đây là một trường hợp ngoại lệ chưa từng có trong lịch sử. Chưa có quốc gia nào cần phải được Quĩ Dân Số Liên Hiệp Quốc giúp tới ba lần liên tiếp với lý do là không có khả năng tài chánh để thực hiện một mình".

Khác với ông phó tiến sĩ Nguyễn Hữu Hải, và ông thứ trưởng Đàm Hữu Đắc, tác giả bài báo vừa dẫn, lờ luôn chuyện có liên quan đến sự thiếu thốn yếu kém của cái xã hội mà mình đang sống. Tuy nhiên, tựu trung cả ba nhân vật kể trên đều có điểm này giống hệt nhau: họ ăn nói viết lách hết sức dè chừng và cẩn thận. Họ như những kẻ luôn luôn bị rình rập hay đe dọa bởi những bóng ma vô hình lẩn quất quanh mình.

Đây là một trong những nét đặc trưng trong đời sống hàng ngày của cả dân tộc Việt từ nhiều thập niên qua, chứ không riêng một giới người nào. Tất cả đều ý thức, một cách thường trực, về những điều cấm kỵ của xã hội mà họ đang sống, những sự thực cần được che giấu, hay những nhân vật không thể đụng đến. Đó là một hình thức ta-bu mới, và là ta-bu giả, vừa được áp đặt vào xã hội Việt Nam hơn nửa thế kỷ qua.

Ta-bu (taboo - tapu) có nguồn gốc từ quần đảo Polynesia. Nó có nghĩa là sự nghiêm cấm hoặc sự giới hạn chặt chẽ mọi đụng chạm, hiểu theo nghĩa đen, với một số đồ vật hay nhân vật đặc biệt - vào những hoàn cảnh đặc thù nào đó (Gollier Multimedia Encyclopedia, 1997).

Ta-bu hiện diện ở mọi xã hội của loài người, nhưng thường chỉ có vai trò rõ nét ở những xã hội sơ khai - nơi mà luật chưa thành nên cần lệ để duy trì trật tự tối thiểu cần thiết cho những sinh hoạt của xã hội đó. Có những cấm kỵ rất phổ biến và được chia sẻ bởi phần đông nhân loại ở mọi nơi và mọi thời, thí dụ như sự loạn luân hay ăn thịt đồng loại. Cũng có những điều cấm kỵ rất đặc thù chỉ hiện diện ở một số dân tộc hay bộ tộc. Ở vài nơi, mọi sự đụng chạm đến thầy mo hoặc tù trưởng của bộ lạc đều bị nghiêm cấm. Cá nhân nào vi phạm đến sự cấm kỵ này có thể bị tai họa vào thân. (Compton's Encyclopedia On Line V3.01, 1998).

Theo truyền thống, ta-bu thường có tính tự phát và được sự đồng thuận (có thể là một cách vô thức) bởi mọi thành viên vì lợi ích chung của cộng đồng. Chúng ta sống trong một thời đại mà ta-bu có thể được "sáng tạo" bởi một cá nhân hay một tập thể lãnh đạo, và được mang áp đặt vào xã hội - bằng mọi cách - cho phù hợp với đường lối cai trị hay quyền lợi của giai cấp thống trị. Tương tự như tiền giả vẫn có thể được lưu hành, ta-bu giả vẫn có hiệu lực đến một chừng mực nào đó, cho đến khi bị phát hiện và tịch thu.

Ông Hồ Chí Minh và đảng cộng sảnViệt Nam có thể được coi là một trong những thí dụ tiêu biểu dùng để minh thị cho chuyện những ta-bu giả đang có tại xứ sở này. Ngay sau khi nắm được quyền bính, họ tự tạo ra một số những ta-bu và áp đặt trên quần chúng. Theo đó, họ nghiễm nhiên đều trở thành những nhân vật bất khả xâm phạm, the untouchables - nếu hiểu theo nghĩa bóng và nói theo ngôn ngữ Mafia của thời đại chúng ta. Mọi va chạm đến họ đều bị ngăn cấm; và tất cả những vi phạm đều bị nghiêm trị. Sự nghiêm trị này có thể kéo dài nhiều thế hệ. Điều này những vị tù trưởng bộ lạc và những trùm Mafia tân thời đều không thể tưởng tượng nổi, chứ đừng nói chi đến chuyện thi hành.

Sự "góp ý" của những văn nghệ sĩ và trí thức trong nhóm Nhân Văn - Giai Phẩm về đường lối cai trị của Đảng cộng sảnViệt Nam, cách đây hơn bốn mươi năm, có thể được xem là đụng chạm đầu tiên của dân tộc Việt với ta-bu cộng sản. Nội vụ được tóm gọn như sau, qua lời một nhà văn: "Từ một trào lưu văn học, trở thành một vụ án văn học, rồi đẩy thành một vụ án chính trị. Tiếp theo là bắt bớ tù đày, và hàng loạt văn nghệ sĩ phải đi cải tạo lao động ở các nhà máy hoặc ở nông thôn trong nhiều năm trời. Sau nữa là sự quản thúc cấm đoán kéo dài hàng chục năm. Đến khi được cởi trói cho văn nghệ sĩ thì nhiều người

đã đầu bạc, da nhăn nheo, người thì bại liệt; người tâm thần, có người chết trước khi được cởi trói". ("*Vụ Án Nhân Văn - Giai Phẩm*", Hoàng Tiến, Diễn Đàn Việt Nam - http://www.forumvn.htp)

Cấm đoán và vi phạm là hai mặt của một đồng tiền. Ở đâu có cấm đoán, ở đó có vi phạm - nhất là khi sự cấm kỵ này không có giá trị văn hóa, cũng không vì ích lợi chung của tập thể, mà chỉ vì quyền lợi của giai cấp thống trị. Do đó, không phải chỉ có giới trí thức và văn nghệ sĩ có chuyện lục đục với ông Hồ Chí Minh và đảng cộng sảnViệt Nam.

Số thường dân tan nát cuộc đời chỉ vì trong lúc thiếu cảnh giác, thiếu tự chủ đã lỡ "đ... má Bác hay đ... mẹ Đảng" để rồi phải đi tù một hai chục niên không phải là ít. Vì vậy, không phải là vô cớ mà mấy chữ "nhờ ơn Bác Đảng", trong một thời gian khá dài, vẫn thường được nghe ở nông thôn miền Bắc Việt Nam. Đừng tưởng rằng người dân ngu dốt và bị tuyên truyền đến độ mang Bác và Đảng ra thay Trời - Đất. Câu nói đầu môi này có công dụng như một thứ lá chắn, hay một vật dụng dùng để nhắc nhở cho người nói chuyện dễ giữ mồm giữ miệng và tránh được chuyện "xẩy miệng chết oan".

Để đối phó với sự vi phạm thường xuyên của quần chúng với những ta-bu giả này, ngày 20 tháng 6 năm 61- nhà nước ban hành nghị quyết số 49NQ/TVHQ, do Trường Chinh ký - cho phép ủy ban nhân dân thành phố và các tỉnh bắt giam vào trại tập trung tất cả những thành phần bất mãn với chế độ, hoặc khó thích ứng với xã hội chủ nghĩa. Thời gian tập trung được qui định trên văn bản là 3 năm nhưng thường kéo dài từ 9, 12, 15 năm hay lâu hơn nữa. Nghị quyết này đã gieo rắc kinh hoàng và làm tan nát nhiều triệu gia đình từ 40 năm qua, theo như nhận xét của thi sĩ Nguyễn Chí Thiện - một người còn có tên gọi là "ngục sĩ" và có kinh nghiệm rất phong phú về chuyện tù đầy ở Việt Nam. ("Kẻ Nào Chấp Nhận Bị Mất Tự Do Là Kẻ Đã Từ Bỏ Tư Cách Làm Người Của Mình", Nguyễn Chí Thiện, bài nói chuyện tại Leipzig ngày 6 tháng 3 năm 1999, Thông Điệp Xanh - http://www.vietnamgo.htp).

Cùng Nguyễn Chí Thiện, sau nhóm Nhân Văn Giai Phẩm, đã đụng chạm tới mọi ta-bu của cộng sảnViệt Nam bằng những câu thơ rất "mộc mạc" - đại khái như sau:

Miếng thịt lợn chao ơi là vĩ đại.
Miếng thịt bò vĩ đại gấp hai.
Gạo muối chanh đường lạc bắp ngô khoai...
Đảng rớ tới bỗng nhiên thành vĩ đại !

Hoặc:

"Không có gì quí hơn độc lập tự do"
Tôi biết thằng nói ra câu đó.
Tôi biết nó, cả nước này biết nó.
Việc nó làm, tội ác nó ra sao ?

Sau khi ông Hồ chết (hay nói cách khác là "đi chơi xa" nếu muốn nói một cách cẩn tắc theo tinh thần ta-bu của thời đại mới), những người kế tục không ai tạo được một uy thế như kẻ tiền nhiệm nên những ta-bu liên quan đến vị chủ tịch Đảng - với thời gian - mất dần hiệu lực. (Ở Việt Nam bây giờ, nói thí dụ, người ta có thể dùng tính từ vĩ đại để diễn tả một cao ốc nhiều tầng mà không phải nhìn trước ngó sau vì sợ mình đã đụng chạm đến một thứ ta-bu chính trị).

Bác Hồ mất nhưng Đảng còn. Những ta-bu liên quan đến Đảng không hề mất theo hay thay đổi, nếu không muốn nói là còn trở nên khắt khe hơn - ít nhất thì cũng là trong thời gian Bác Thọ và Bác Duẩn "chưa khuất núi".

Bởi vậy nhiều vụ đụng chạm cũng như trừng phạt vẫn tiếp tục xảy ra, và với thời gian người ta ghi nhận là có sự gia tốc về vấn đề này - nhất là kể từ khi đảng cộng sảnViệt Nam không còn giấu được rằng đối với nó không có gì quí hơn là quyền lợi của chính mình. Người cuối cùng, vừa bị bắt giữ vì đã đụng chạm đến ta-bu của cộng sảnViệt Nam là ông Nguyễn Thanh Giang. Trong "Thư Gửi Ban Chấp Hành Trung ương Đảng Cộng Sản Việt Nam", có đoạn, ông viết:

"Có những điều mà toàn xã hội đều bị uy hiếp khủng khiếp đến mức không ai được nghĩ, được bàn đến. Bởi vì chỉ cần đụng chạm đến một chút, thì dù bất cứ trí tuệ nào, thiện chí nào, nếu không bị thủ tiêu thì cũng bị đầy ải suốt đời. Trước đây là vấn đề chuyên chính vô sản, vấn đề lãnh đạo của giai cấp công nhân, bây giờ là vấn đề đa nguyên đa đảng. Tại sao có một nền dân chủ hà khắc như vậy ?".

Ông bị bắt ngày 4 tháng 3 vừa qua và bị giam cầm không xét xử cho đến hôm nay. Theo tổ chức Human Rights Watch, ông Nguyễn Thanh Giang có thể bị xử từ 3 đến 12 năm tù giam nếu nhà cầm quyền Hà Nội buộc ông vào tội" chống lại Nhà Nước Xã Hội Chủ Nghĩa. "Theo Thông Cáo Báo Chí của Liên Minh Việt Nam Tự Do (http://www.lmvntd.org), đọc được trên internet ngày 10 tháng 4 năm 1999 thì ông Nguyễn Thanh Giang bị kết tội "xâm phạm lợi ích nhà nước", nếu chiếu theo bộ luật hình sự của Hà Nội, điều 205 a.

Những luận điệu kết tội ông Nguyễn Thanh Giang - và những nhân vật chống đối đảng cộng sảnViệt Nam như ông ta, từ gần nửa thế kỷ nay - đều rất mơ hồ, nếu không muốn nói là hàm hồ. Ai cũng biết cái trò "vừa đánh trống vừa ăn cướp" của những tên vô lại. Chúng ta không phải băn khoăn hay mất thời giờ để cải chính tội danh hay biện hộ cho ông Nguyễn Thanh Giang. Khám phá ra một tổ chức làm và sử dụng bạc giả rồi tri hô lên cho mọi người cùng biết không phải là một cái tội. Bắt cóc hay thủ tiêu tha nhân, để "giết người bịt miệng", mới đúng là tội ác.

Chúng ta cũng không phải bận tâm về thời gian bản án ba hay mười hai năm sẽ dành cho ông Nguyễn Thanh Giang. Chế độ cộng sảnViệt Nam đã chồng chất những chuyện bạo ngược và nghịch lý tương tự hơn năm mươi năm qua, không thể nào tiếp tục tồn tại lâu hơn thời gian bản án mà nó áp đặt lên ông Nguyễn Thanh Giang. Những dòng chữ cuối cùng này được viết vào hôm 10 tháng 4 năm 1999. Chỉ còn chừng hai trăm ngày nữa thôi nhân loại sẽ bước vào thế kỷ 21. Ở thời điểm này tôi tin rằng sẽ không có tương lai gì trên thế giới này cho những tên tù trưởng giả hiệu và man rợ hiện đang hoành hành ở Việt Nam.

Tưởng Năng Tiến

Thông Luận hoan nghênh
mọi ý kiến đóng góp,
mọi ủng hộ tài chánh
và cám ơn quý vị đã cổ động
và phổ biến tờ báo

Chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước Việt Nam

Nguyễn Ngọc Hiệp

Trong vài năm gần đây, chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước và cải tổ hệ thống ngân hàng là hai yêu cầu thường được nêu ra hàng đầu khi chính quyền VN và các định chế tài chính quốc tế (WB, IMF, ADB) đề cập tới các vấn đề kinh tế mà VN cần phải giải quyết tốt đẹp để có thể có cơ sở đúng đắn dựa vào đó mà tiến lên, trở nên giàu mạnh. Đặc biệt yêu cầu chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước có tính cách cấp thiết vì các doanh nghiệp này tuy là cơ sở quan trọng nhất để sản xuất của cải vật chất và kỹ thuật cho nền "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" nhưng lại bị thua lỗ triền miên, hiệu suất yếu kém và có nền tảng kỹ thuật lạc hậu. Theo Ngân Hàng Thế Giới (WB) tích sản của toàn bộ khu vực doanh nghiệp nhà nước VN trị giá 5,3 tỷ USD trong khi số vay nợ của khu vực này lên tới 7,3 tỷ USD.

Doanh nghiệp nhà nước và "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa"

Nét đặc thù của "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" của chính quyền VN là giá cả thả lỏng và sản xuất mở rộng trong khi trước đây chế độ kế hoạch tập trung ấn định mức độ giá cả và sản lượng. Giới lãnh đạo VN quan niệm rằng "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" là giải pháp cứu vớt kinh tế xã hội chủ nghĩa nói chung, giúp doanh nghiệp nhà nước thoát khỏi tình trạng sa sút nói riêng.

Nhìn vào hoạt động kinh tế cụ thể và khách quan thì chúng ta thấy giá cả là dấu hiệu chỉ dẫn phương cách sử dụng các phương tiện sản xuất để hoạt động kinh tế đạt hiệu suất cao nhất. Nhưng vấn đề có thực hiện phương cách đó hay không để việc sử dụng các phương tiện sản xuất đạt hiệu quả cần thiết thì lại tùy thuộc vào chế độ sở hữu các phương tiện sản xuất, vào tình trạng ai là sở hữu chủ các cơ sở, máy móc và thiết bị sản xuất. Xét "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" dưới khía cạnh này thì chúng ta thấy nó bị bế tắc vì còn bám víu vào chế độ sở hữu nhà nước. Đó là nguyên do khiến tuy giá cả và sản xuất được tự do nhưng doanh nghiệp nhà nước vẫn thua kém, hiệu suất thấp, không giữ được vai trò động lực phát triển kinh tế.

Giới lãnh đạo đảng CSVN lý luận rằng doanh nghiệp nhà nước thuộc sở hữu nhà nước, mà nhà nước là nhân dân, vậy doanh nghiệp nhà nước là của nhân dân. Họ tiếp rằng đảng thay mặt nhân dân nắm giữ nhà nước, đứng ra quản lý doanh nghiệp nhà nước với tinh thần phục vụ quyền lợi của nhân dân. Lý luận này không xuôi tai chút nào. Nếu nhìn vào hoạt động sản xuất và tổ chức thương mại của các doanh nghiệp nhà nước VN thì chúng ta thấy quyền lợi của nhân dân không được bảo vệ và bảo đảm vì các doanh nghiệp thua lỗ và rất yếu kém. Tình trạng lạc hậu và sa sút của các doanh nghiệp vô cùng nghiêm trọng. Trong thực tế các doanh nghiệp nhà nước là doanh nghiệp vô chủ, không có người hướng dẫn, trách nhiệm, chăm lo và kiểm tra đúng đắn. Doanh nghiệp nhà nước VN hoạt động mà không tôn trọng những định luật kinh tế-tài chính sơ đẳng, không hiểu biết những quy tắc khoa học về tổ chức, định chuẩn, kiểm phẩm, tiếp thị, v.v. Đối tác đầu tư nước ngoài liên doanh với VN nhận xét rằng giới quản lý doanh nghiệp nhà nước VN có ý niệm rất chật hẹp về mục tiêu phát triển hoặc mở rộng doanh nghiệp, đó là có lao động đông đảo, có máy móc và thiết bị mới. Nói chung, họ chỉ nhắm nâng cao sản lượng xuất, có nhiều vốn, bất chấp óc sáng tạo và hiệu năng sản xuất.

Sau hơn năm năm mò mẫm tìm cách cải tiến tình trạng các doanh nghiệp nhà nước, kết quả không có gì thỏa đáng. Tất cả những biện pháp đề ra như giảm mức độ bao cấp, phân cách quyền quản lý doanh nghiệp và quyền sở hữu nhà nước hoặc thiết lập hội đồng quản lý độc lập, chủ trương cổ phần hóa, v.v. đều thất bại trong việc đổi ngược tình thế của các doanh nghiệp nhà nước. Lời giả lỗ thật vẫn là tình trạng chung khiến các doanh nghiệp nhà nước bị đe dọa đi đến phá sản, đóng cửa, làm gia tăng thất nghiệp, tạo bất ổn xã hội. Doanh nghiệp nhà nước bị sa lầy. Tổ chức "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" bị bế tắc.

Chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước và chuyển đổi toàn bộ kinh tế

Khi chế độ xã hội chủ nghĩa bị khủng hoảng rồi tan vỡ vào đầu thập niên 90 khiến các nước Đông Âu như Ba Lan, Tiệp Khắc, Hung Gia Lợi, v.v. buộc phải từ bỏ chế độ kinh tế nhà nước tập trung thì chính quyền các nước ấy mới đầu đã cố gắng thực hiện một chế độ mệnh danh là "kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa" (socialisme de marché/market socialism). Nói một cách ngắn gọn thì "kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa" là chế độ tổ chức kinh tế dựa trên sở hữu nhà nước với sự điều hòa của thị trường. Trong nền "kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa", doanh nghiệp nhà nước vẫn giữ ưu thế, chế độ sở hữu nhà nước vẫn là chủ yếu. Điều khác mới là doanh nghiệp nhà nước và các thành phần kinh tế khác hoạt động theo quy luật kinh tế thị trường nhờ phương thức tổ chức và hoạt động rộng rãi và cởi mở và nhờ chế độ giá cả và sản xuất tự do.

Kinh nghiệm tốn kém tại các nước Ba Lan, Tiệp Khắc, v.v. đã chứng minh rằng đổi mới kinh tế xã hội chủ nghĩa theo khuôn mẫu "kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa" bằng cách xóa bỏ kế hoạch tập trung, thiết lập chế độ sản xuất và giá cả tự do là một việc không tưởng, một chuyện viển vông mà trong thực tế không đem lại kết quả cụ thể. Những vấn đề nan giải của "kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa" đã buộc chính quyền các nước vừa nêu sớm thừa nhận rằng vấn đề đặt ra không phải đơn thuần là sự chọn lựa giữa một bên là kế hoạch tập trung và bên kia là thị trường sản xuất và giá cả tự do. Bởi vậy chính quyền các nước đã đi tới quyết định dứt khoát từ bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa, chấm dứt sự độc quyền lãnh đạo nhà nước của đảng CS và xóa bỏ luôn "kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa". Rồi trong thực tế các nước ấy đã cải tổ chế độ

quyền sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước bằng cách tư nhân hóa và cổ phần hóa các doanh nghiệp và đi xa hơn nữa chuyển đổi toàn bộ kinh tế. Chính quyền các nước Đông Âu đã chọn kinh tế tư nhân làm nền tảng, chấp nhận để người dân phát huy sáng kiến đầu tư, tự do mở mang thương mại, khai sáng kỹ thuật và công nghệ trong khuôn khổ những định chế, luật lệ và tổ chức có khả năng bảo đảm, bảo vệ, tôn trọng và thực thi các quyền kinh tế, dân sự, xã hội và chính trị cơ bản của người dân.

Kinh nghiệm các nước Ba Lan, Tiệp Khắc. v.v. đã quá rõ ràng. Tuy nhiên đảng CSVN vẫn cố bám víu vào chủ nghĩa xã hội và tiếp tục độc quyền lãnh đạo nhà nước. Chính quyền VN hành diện tuyên bố họ "sáng tạo" chọn con đường "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa". Nhưng sự thực họ cứng đầu và viển vông, cứ loay hoay trong "thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội" thay vì họ phải thức tỉnh mà nhận thấy rằng tình thế cụ thể của VN bây giờ là "thời kỳ quá độ từ chế độ xã hội chủ nghĩa tiến lên hòa nhập chế độ tư bản toàn cầu tổ chức thành mạng lưới". VN cần có sự chuyển đổi đích thực toàn bộ kinh tế, bao gồm chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước, chuyển đổi ngân hàng và thương mại, đổi mới tư duy và phong cách, đổi mới sâu sắc về tất cả các phương diện chính trị, kinh tế, xã hội, kỹ thuật, v.v.

Kinh nghiệm chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước tại Đông Âu

Kinh nghiệm chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước tại Ba Lan, Tiệp Khắc, Hung Gia Lợi, Lỗ Mã Ni, Bảo Gia Lợi, v.v. trong những năm 1990-94 có những nét nổi bật sau đây :

1. Chương trình chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước tại mỗi nước đều được lồng trong một khuôn khổ đổi mới rộng lớn hơn tức là chuyển đổi toàn bộ kinh tế lẫn chính trị và xã hội (tiêu biểu nhất là việc xóa bỏ sự độc quyền lãnh đạo nhà nước của các đảng CS) bao gồm chính sách, chủ trương, luật lệ, tổ chức, v.v.

2. Chương trình chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước thực chất là tư nhân hóa các doanh nghiệp, cấp phát cổ phần doanh nghiệp cho toàn thể nhân dân (nhà nước là nhân dân, doanh nghiệp nhà nước thuộc về nhân dân, vậy chia cổ phần doanh nghiệp nhà nước một cách đồng đều cho nhân dân chẳng qua chỉ là điều tất yếu). Đó là cách để nhân dân tham gia trực tiếp và tích cực vào sinh hoạt kinh tế.

3. Song song với tư nhân hóa, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước còn có quyết định phá bỏ các bức tường chặn đường phát triển của khu vực kinh tế tư nhân và cá thể. Hơn thế nữa, còn có những biện pháp khuyến khích kinh tế tư nhân và cá thể, tạo điều kiện thuận lợi cho khu vực này tiến bước đi lên. Những quyết định này tất nhiên phải có vì giảm vai trò của doanh nghiệp nhà nước thì bắt buộc phải tăng thế đứng của khu vực kinh tế tư nhân và cá thể.

4. Kế hoạch chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước được đề ra cũng trong tinh thần khuyến khích và tạo điều kiện hỗ trợ việc hình thành thị trường chứng khoán. Theo hướng đi này, chính quyền các nước cấp phát phiếu đầu tư cho mỗi đầu người dùng để đổi thành cổ phần doanh nghiệp. Mỗi cá nhân tự chọn doanh nghiệp mà mình muốn đổi lấy cổ phần. Giá cổ phần doanh nghiệp khởi đầu do một cơ quan độc lập ấn định, rồi thay đổi lên xuống tùy theo số người mua.

5. Song song với chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước, hệ thống ngân hàng cũng được cải tiến chủ yếu theo hai hướng : thứ nhất, chấp nhận sự thành lập những ngân hàng tư nhân để tạo thị trường vốn rất cần cho sự hoạt động và phát triển của các doanh nghiệp nhà nước mới được tư nhân hóa và cổ phần hóa và các doanh nghiệp tư nhân xuất hiện ngày càng nhiều vì được khuyến khích. Thứ nhì, đổi vốn mà các ngân hàng nhà nước trước đây cho các doanh nghiệp nhà nước vay nhưng không đòi lại được thành trái phiếu nhà nước. Biện pháp này giúp ngân hàng nhà nước tránh bị phá sản, có phương tiện để tiếp tục hoạt động, có thời gian tổ chức lại một cách đúng đắn để tồn tại.

6. Chương trình chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước là một thành phần quan trọng có tính chất chiến lược trong toàn bộ chính sách kinh tế, tài chính và tiền tệ của mỗi nước. Bởi vậy, chính phủ mỗi nước đều có một bộ đặc trách thực hiện chương trình chuyển đổi, tư nhân hóa và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Thời hạn thực hiện chương trình này được ấn định trước, trung bình là 4-5 năm. Nói chung, việc tư nhân hóa và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước uyển chuyển theo hai hoặc ba phương thức khác nhau, tùy tầm vóc các doanh nghiệp và tình trạng kinh tế-tài chính-thương mại và xã hội-lao động tại mỗi nước.

Hiển nhiên việc soạn thảo chương trình chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước tại các nước Đông Âu vô cùng phức tạp và không dễ dàng. Vì những vết tích tiêu cực do chế độ xã hội chủ nghĩa để lại, các nước đã phải trả một gía cao trong suốt thời gian thi hành chương trình tư nhân hóa, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Chẳng hạn tổng sản lượng nội địa đã giảm sút ở mọi nơi trong 2-3 năm liền, rồi sau đó mới tăng trở lại. Lạm phát xảy ra tại mọi nước, có khi lên tới 200%-300%. Đâu đâu việc thi hành chương trình cũng gặp trở ngại, bị chậm trễ và thiếu sót. Những vấn đề khó giải quyết tiêu biểu nhất và thường được nhắc tới là : làm sao ấn định đúng mức trị gía các doanh nghiệp nhà nước ? giải quyết cách nào tình trạng vay nợ của các doanh nghiệp nhà nước thì thuận lợi nhất ? cấp phát cổ phần doanh nghiệp như thế nào để bảo đảm tính công bình và hiệu năng kinh tế?

Đảng CSVN và vấn đề chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước

Như chúng tôi đã nêu ở trên, doanh nghiệp nhà nước là nền tảng của "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" VN. Ngoài ra trong tình trạng đảng CSVN độc quyền nắm giữ và lãnh đạo nhà nước, doanh nghiệp nhà nước còn là huyết mạch của đảng CSVN. Đảng dựa vào doanh nghiệp nhà nước để có phương tiện tài chính và vật chất cần thiết để hoạt động và tổ chức và để nuôi dưỡng đảng viên. Nói cách khác doanh nghiệp nhà nước là cơ sở kinh tài của đảng CSVN dùng để chiêu nạp đảng viên, giữ đảng viên ở trong đảng. Bởi vậy chúng ta không ngạc nhiên thấy chính quyền VN và đảng CSVN có thái độ lưỡng lự và lý luận vòng quanh đối với yêu cầu chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước. Khi các định chế tài chính quốc tế dùng các ngân khoản viện trợ phát triển chính thức (ODA) để thúc ép chính quyền VN chuyển đổi đúng đắn doanh nghiệp nhà nước thì giới lãnh đạo có câu trả lời

rất bừa là họ thừa nhận doanh nghiệp có yêu cầu chuyển đổi, nhưng họ chuyển đổi theo nhịp độ và phương thức phù hợp với VN ! Rõ ràng trả lời này quanh co và dối trá.

Con đường chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước của chính quyền VN hiện nay không có đầu đuôi. Ý muốn chuyển đổi hoàn toàn giả hiệu và những quyết định trong những năm vừa qua không phù hợp với yêu cầu thực tế khách quan. Chính sách chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước VN có những mâu thuẫn nổi bật sau đây :

- Chính quyền VN chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước nhưng không tư nhân hóa ! Đường lối này chẳng qua chỉ nhằm giữdoanh nghiệp nhà nước dưới sự thao túng của đảng CSVN, tiếp tục dành cho doanh nghiệp nhà nước vai trò chủ yếu và đồng thời ngăn chặn kinh tế tư nhân tiến bước và bành trướng.

- Song song với cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, chính quyền VN lại chính thức xác định ý muốn tăng cường khu vực quốc doanh ! Như vậy phải hiểu là "định hướng xã hội chủ nghĩa" của "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" sẽ rõ nét hơn và kinh tế tư nhân không có hy vọng được dễ dãi, khuyến khích sản xuất và thương mại, hoạt động trong điều kiện bình đẳng với khu vực quốc doanh.

- Những trường hợp cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước VN thực tế là một kiểu tư nhân hóa tùy tiện, rất giới hạn và có tính cách "chọn lọc", tức là dành cổ phần doanh nghiệp cho một số thành phần đảng viên đã được chọn trước, hoặc "tự phát", tức là thành phần quản lý doanh nghiệp tự ý phân chia cổ phần cho chính mình và phe cánh, hoặc "rừng rú", tức là chia cắt tùy tiện phương tiện sản xuất, máy móc và thiết bị, giải thể doanh nghiệp, bất cần làm sao bảo vệ ít nhiều lợi ích và nhiệm vụ đóng góp của doanh nghiệp đối với tập thể và kinh tế chung.

Nếu so sánh tình trạng chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước của VN với những sự kiện xảy ra trong những năm 1990-1994 tại các nước như Ba Lan, Tiệp Khắc, Hung Gia Lợi, Lỗ Mã Ni, v.v. thì rõ ràng chính quyền VN chưa thực sự chấp nhận và chủ trương chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước một cách đúng đắn, tức là tối thiểu phải tư nhân hóa khu vực quốc doanh. Lập trường cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước nhưng không tư nhân hóa các doanh nghiệp là một bịa đặt "sáng tạo" của chính quyền VN. Yêu cầu chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước VN không phải chỉ là vấn đề sắp xếp các doanh nghiệp hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp theo quan điểm lệch hướng như vừa trình bầy ở trên. Chuyển đổi đúng đắn doanh nghiệp nhà nước VN bắt buộc phải tư nhân hóa các doanh nghiệp, giảm thiểu khu vực kinh tế quốc doanh, khuyến khích doanh nghiệp tư nhân phát triển và tạo khung cảnh hoạt động kinh tế bình đẳng và tự do.

Tư nhân hóa doanh nghiệp nhà nước VN : mục tiêu và sách lược

Vì chỗ đứng của doanh nghiệp nhà nước trong chế độ "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" của VN, muốn đưa kinh tế VN ra khỏi tình trạng yếu kém và sa sút hiện nay, tư nhân hóa doanh nghiệp nhà nước phải được hiểu và quan niệm như tư nhân hóa toàn bộ kinh tế VN bao gồm cả các hoạt động sản xuất lẫn thương mại.
Tư nhân hóa đúng đắn doanh nghiệp nhà nước và toàn bộ kinh tế VN là một yêu cầu, một điều kiện cần và cũng là một đường lối thích hợp cho việc thực hiện một số mục tiêu xa và gần có tính cách quyết định đối với sự phát triển bền vững của VN.

Những mục tiêu xa và tổng quát là :

- Giảm thiểu quyền lực kinh tế và vai trò hoạt động sản xuất và thương mại của nhà nước .
- Khuyến khích tư nhân đầu tư và mở mang doanh nghiệp. Dành cho tư nhân vai trò chủ động trực tiếp và tích cực hoạt động kinh tế.
- Thiết lập kinh tế thị trường thuận lợi cho sự giao dịch thương mại, sự phân phối các tư liệu sản xuất, việc sử dụng các phương tiện sản xuất và sự tiếp thị và cạnh tranh lành mạnh.

Những mục tiêu gần và cụ thể là :
- Thực hiện những phương thức tổ chức và quản lý kinh tế mới, hợp với thời đại, có năng động và sáng tạo.
- Nâng cao hiệu suất kinh tế, hiện đại hóa các cơ sở sản xuất và thương mại, đưa kinh tế vào con đường phát triển bền vững.
-Sản suất hàng hóa và dịch vụ được phong phú, phù hợp và quân bình với yêu cầu của thị trường trong và ngoài nước.
-Tạo việc làm, thu dụng lao động, phát huy những ngành nghề mới để nhân lực được đa dạng và phát triển theo thời đại.
-Kinh tế tư nhân được bình đẳng với kinh tế quốc doanh, thi đua và cạnh tranh lành mạnh với những doanh nghiệp nhà nước còn hoạt động.

Tuy nhiên tư nhân hóa doanh nghiệp nhà nước và toàn bộ kinh tế VN tự nó không cho phép thực hiện các mục tiêu vừa nêu bởi vì tự nó không thể đảm bảo kinh tế VN sẽ sinh hoạt theo quy luật kinh tế thị trường. Có một yêu cầu khác có tầm quan trọng không kém cần phải thỏa mãn đó là sự xuất hiện những cơ sở sản xuất mới, sự thành lập những doanh nghiệp tư nhân ngày càng nhiều. Sản xuất kinh tế và hoạt động thương mại nhất thiết phải có sự cạnh tranh lành mạnh và công bằng trong khuôn khổ những định chế và luật pháp nghiêm chỉnh. Như vậy tình trạng cung cầu sẽ có khả năng quy định sản xuất và gía cả một cách tối ưu và đem lại ích lợi kinh tế-xã hội cao nhất.

Thi hành tư nhân hóa doanh nghiệp nhà nước VN

Như chúng tôi đã nhận định ở trên doanh nghiệp nhà nước VN hoặc khu vực kinh tế quốc doanh, chung quy là cơ sở kinh tài của đảng CSVN. Đảng CSVN độc quyền lãnh đạo nhà nước, muốn duy trì một khu vực kinh tế quốc doanh rộng lớn để có những phương tiện cần thiết phục vụ đường lối, hoạt động và tổ chức của đảng. Bởi vậy, để thi hành nghiêm chỉnh tư nhân hóa doanh nghiệp nhà nước thì việc đầu tiên phải thực hiện là chấm dứt sự độc quyền lãnh đạo nhà nước của đảng CSVN và xóa bỏ chế độ "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa". Các nước Đông Âu trước khi thực hiện tư nhân hóa doanh nghiệp nhà nước đã chấm dứt sự độc quyền lãnh đạo nhà nước của các đảng CS, chấp nhận dân chủ đa nguyên và từ bỏ hy vọng cứu vớt kinh tế xã hội chủ nghĩa với "kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa".

Sau đó, thi hành tư nhân hóa doanh nghiệp nhà nước VN cần quan tâm hoặc

giải quyết một số vấn đề ảnh hưởng rất mạnh lên diễn tiến và kết quả thi hành chuyển đổi và tư nhân hóa doanh nghiệp. Một khía cạnh đã được nêu ra trước đây ở Đông Âu là tốc độ thực hiện chương trình tư nhân hóa. Chính quyền VN hiện nay thi hành tùy tiện và nhỏ giọt một đường lối mệnh danh là "cổ phần hóa" (nhưng không tư nhân hóa) doanh nghiệp nhà nước. Phương pháp luẩn quẩn này hoàn toàn không thích hợp. Các nước Đông Âu đã thực hiện tư nhân hóa doanh nghiệp nhà nước một cách toàn bộ trong một thời hạn khá ngắn là 4-5 năm. Tuy nhiên thực tế cho thấy vẫn xảy ra những trường hợp lạm quyền, lũng đoạn và ngay cả chiếm đoạt tài sản nhà nước (1). Nhiều kinh tế gia như János Kornai (2), Joseph E. Stiglitz (3), nhận định rằng khi quyết định tư nhân hóa doanh nghiệp nhà nước thì cần xúc tiến mau chóng và hoàn tất sớm chương trình để tránh tình trạng chuyển tiếp xáo trộn rất dễ đưa tới những kiểu tư nhân hóa "chọn lọc", "tự phát" hoặc "rừng rú" như chúng tôi đã nêu ở trên. VN cần có một chương trình và kế hoạch tư nhân hóa doanh nghiệp nhà nước đúng đắn chỉ rõ thời gian biểu, các mục tiêu, các biện pháp và cơ quan trách nhiệm thực hiện.

Một vấn đề khác là quan hệ giữa tư nhân hóa doanh nghiệp nhà nước VN và cải tổ hệ thống ngân hàng và tài chính. Đại đa số các doanh nghiệp nhà nước VN ở trong tình trạng tài chính vô cùng bấp bênh và nếu theo tiêu chuẩn quốc tế thì đã phá sản và phải đóng cửa rồi. Bởi vậy song song với tư nhân hóa doanh nghiệp nhà nước nhất thiết phải sắp xếp và cải tổ hệ thống tài chính ngân hàng để, thứ nhất, lành mạnh hóa tài chính các doanh nghiệp và giúp hoàn tất chương trình tư nhân hóa doanh nghiệp, thứ nhì cung ứng những phương tiện tài chính và phương thức tài trợ để giúp các doanh nghiệp mới tư nhân hóa xong tiếp tục hoạt động và đi vào đường phát triển bền vững.

Tư nhân hóa doanh nghiệp nhà nước VN là một chương trình rộng lớn, phức tạp và khó khăn. Bởi vậy chắc chắn không thể chỉ có một phương thức tư nhân hóa duy nhất áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp. Dựa vào kinh nghiệm các nước Đông Âu (4) thì chúng ta thấy ít ra cũng có 3 cách tư nhân hóa khác nhau đã được thi hành : một áp dụng trong khu vực nông nghiệp, hai thi hành đối với các cơ sở công nghiệp và thương mại tầm vóc nhỏ và trung bình, ba là đối với các doanh nghiệp có tầm vóc lớn. Riêng đối với các doanh nghiệp tầm vóc lớn, mức độc tư nhân hóa cũng như thành phần sở hữu doanh nghiệp cũng không cố định và nhà nước VN, doanh nhân nước ngoài, ngân hàng thương mại VN, tổ hợp đầu tư quốc tế, v.v. có thể giữ một cổ phần nhỏ trong doanh nghiệp.

Ngoài những vấn đề quan trọng vừa nêu ảnh hưởng lớn lên chương trình tư nhân hóa doanh nghiệp nhà nước VN, tất nhiên còn nhiều vấn đề khác đặt ra do yêu cầu ổn định kinh tế vi mô và vĩ mô trong lúc tư nhân hóa doanh nghiệp nhà nước. Nói chung, các vấn đề còn lại liên quan tới chế độ thuế khóa, tự do giá cả, chính sách xuất và nhập khẩu, chế độ phân phối và tiếp thị, chế độ lao động và lương bổng.

Nguyễn Ngọc Hiệp
Tháng 4-1999

(1) The Economist, "Business in Eastern Europe", phụ trang đặc biệt, 21 tháng 9 năm 1991.

(2) János Kornai, "Du socialisme au capitalisme : l'exemple de la Hongrie", trang 77, Gallimard 1990.

(3) Joseph E. Stiglitz, "Whither Socialism?", trang 181-182, the MIT Press, Cambridge, Massachusetts, 1995.

(4) -The Economist, "Business in Eastern Europe", phụ trang đặc biệt, 21 tháng 9 năm 1991.

- Jeffrey D. Sachs, "Accelerating Privatization in Eastern Europe", World Bank Annual Conference on Development Economics, Washington, D.C. 25-26 tháng 4 năm 1991.

-Jan Vanous, "Near-Term Prospects for Economic Reform in Eastern Europe", World Bank Annual Conference on Development Economics, Washington, D.C. 25-26 tháng 4 năm 1991.

-Georges Mink và Jean Charles Szurek, "Cet étrange post-communisme", Presses du CNRS/La Découverte, tháng 3 năm 1992.❑

THÔNG LUẬN

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số (tháng 7 & 8 chỉ ra một số)
Giá báo một năm: 200 FF
(hoặc tương đương)
Ngân phiếu xin đề
VIETNAM FRATERNITE
(xin đừng đề Thông Luận)

Địa chỉ liên lạc :
THÔNG LUẬN
124 bis, rue de Flandre
75019 Paris, FRANCE

Bạn đọc tại Đức có thể liên lạc với đại diện Thông Luận tại Đức:
Nguyễn Thanh Lương
Habsburgerallee 104
60385 Frankfurt aM.
Tel: 069-4940048
Fax: 069-443913

và thanh toán tiền mua báo dài hạn (60 DM/năm) vào trương mục:
Frankfurt Volksbank e G
THANH LUONG, NGUYEN
Konto-Nr : 00 77 70 82 94
Bankleitzahl : 50 19 00 00

Bạn đọc tại Hoa Kỳ và Canada có thể liên lạc và góp ý kiến với Thông Luận qua địa chỉ:
Thong Luan, P.O. Box 7592
Fremont, CA 94537 - 7592
e-mail: qml@juno.com

Khi thanh toán tiền mua báo (40 USD hay 50 CAD), xin đề tên:
Mrs Quan-My-Lan

THÔNG LUẬN
Ấn bản Hà Lan
phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số
do **Hội Bảo Vệ Nhân Quyền Việt Nam**
(Stichting Mensenrechten voor Vietnam)

Đại diện nhóm chủ trương:**Phan Bá Việt**
Địa chỉ liên lạc: Thông Luận Hà Lan
Braamlanden 76
7542 CJ Enschede
Telefax: 053.476 75 56 - 024.373.06 52

Giá báo một năm: 30 Euro,
xin chuyển vào trương mục của hội:
Giro nr 6234112

Giới thiệu sách mới :

Mây Mù Thế Kỷ

Mây Mù Thế Kỷ là tên một quyển sách mới của nhà báo Bùi Tín, do nhà xuất bản Đa Nguyên in và nhà xuất bản Văn Nghệ ở Hoa Kỳ phát hành tháng 4-1999. Sách in bìa màu, dày 340 trang, 25 ảnh. Quyển sách này được bổ xung, sửa chữa và hoàn chỉnh từ quyển *Gà Cùng Một Mẹ* do nhà xuất bản Thiện Chí in tại Cộng Hòa Liên Bang Đức. Phần phụ lục có in lá thư viết tay của tác giả gửi ông Lê Khả Phiêu, tổng bí thư Đảng Cộng Sản Việt Nam, đầu năm 1997.

Nội dung quyển sách gồm các phần đối thoại của Bùi Tín với các cựu chiến binh Việt Nam, Hoa Kỳ, Canada, Úc... về chiến tranh và đổi mới. Với thái độ thẳng thắn, ngay thật của người lính cầm bút, Bùi Tín đề cập đến nhiều vấn đề lý thú, gay go, phức tạp về chiến tranh ở miền Nam cũng như miền Bắc từ 1946 đến 1975, về thời hậu chiến, về tù binh chiến tranh, về các trại cải tạo và sự kiện thuyền nhân, về quan hệ Việt-Mỹ, Việt-Trung, về cuộc "đổi mới" hiện nay. Câu hỏi cộng đồng người Việt hải ngoại nên làm gì để góp phần sớm chấm dứt chế độ độc đoán ở trong nước cũng được tác giả đề cập tới một cách sâu sắc.

* * *

Trong *Lời nói đầu của tác giả*, Bùi Tín viết:

"Cuốn sách này, qua một số cuộc đối thoại bổ ích, có ước vọng giải tỏa đôi chút những mây mù còn tồn tại trong nhận thức của xã hội ta. Ước mong của tác giả là đất nước Việt Nam thân yêu trong thời gian cuối cùng của thế kỷ 20 này rũ bớt được những điều mơ hồ để nhìn nhận quá khứ, thấy rõ con đường tương lai, thanh thoát đi vào thế kỷ 21 đầy hứa hẹn.

Từ khi khởi đầu đến khi kết thúc cuốn sách, hằng ngày tôi nghĩ đến các bạn trẻ - những người sinh ra trong một phần ba cuối cùng của thế kỷ 20, những công dân của đầu thế kỷ 21 - những người chủ hiện tại và tương lai của đất nước; sẻ là hạnh phúc cho tác giả, nếu cuốn sách tâm sự này vào được trong nước, đến tận tay các bạn trẻ, các sinh viên đại học Hà Nội, Sài Gòn... gây nên những bàn luận sôi nổi; tôi đặt niềm tin vững chắc ở tuổi trẻ trong và ngoài nước; chắc chắn các bạn sẻ sáng suốt hơn, tài giỏi hơn thế hệ chúng tôi, một thế hệ thành tích ít mà lỗi lầm thì nhiều, thật đáng hổ thẹn đối với cả tiền nhân va hậu duệ".

Về nỗi buồn và niềm vui từ khi sống lưu vong ở nước ngoài, Bùi Tín tâm sự :

"Tôi nhớ vợ tôi, con gái yêu của tôi còn ở Hà Nội. Tôi nhớ hai đứa cháu ngoại mà tôi yêu thương vô cùng. Tôi thường xuyên nhận được thư từ của gia đình gửi sang. Điều đó động viên tôi rất nhiều, làm cho tôi yên tâm. Tất nhiên vợ và con gái tôi quan tâm theo dõi tình hình cuộc sống và hoạt động của tôi, lo lắng cho sức khỏe của tôi. Lúc đầu con gái tôi rất lo lắng cho tôi và viết thư kể rằng: "Mỗi lần bố nói trên đài (BBC) *là con cảm động lắm, phát run lên vì xúc động, vì sợ nữa. Sợ vì e ngại bố làm như thế có thể ảnh hưởng đến gia đình nhà mình chăng? Nhưng sau đấy nhiều anh chị, các bác, lúc gặp con nói là rất mừng khi nghe thấy lời bố, rằng những điều bố nói hợp lẽ phải cho nên con thấy yên lòng". Nhà tôi cũng lo và nhắn khéo với tôi rằng: "...có khi không nên nói nhiều, nhớ rằng ông mà bị cảm thì con cháu ở nhà nó hắt xì hơi đấy!", tức là người ở nhà có thể bị liên lụy. Tôi chỉ nghĩ việc gì đúng thì mình làm, làm theo lương tâm và có lợi cho đất nước, cho tất cả mọi người. Đấy là niềm vui, niềm hạnh phúc lớn của đời tôi. Nếu ai cũng ngại làm việc phải thì đất nước sẻ mài mài trì trệ.*

Tôi buồn nhất là đất nước còn chậm tiến về chính trị, nhân dân vẫn chưa có tự do sau những năm chiến tranh đằng đẳng, đầy hy sinh, thiếu thốn. Tốc độ Việt Nam hòa nhập với thế giới vẫn ì ạch, quan hệ Việt-Mỹ tiến quá chậm!

Như đã nói ở trên, tôi có những niềm vui. Niềm vui lớn nhất là tôi tận dụng thời gian ở nước ngoài để tìm hiểu về thế giới. Các thư viện lớn, các màn vô tuyến truyền hình Hoa Kỳ, Âu Châu, các cuộc hội nghị quốc tế tôi dự, các nước tôi đến thăm... đã mở rộng hiểu biết của tôi chư abao giờ nhiều và sâu sắc đến vậy.

Tôi vô cùng vui mừng khi bạn bè thân trong nước nhắn sang, tuy chính quyền trong nước ngăn cấm, triệt tiêu các lực lượng đối lập xây dựng, thì lực lượng ấy đang nảy nở. Chính chúng tôi, một số người ít ỏi ở nước ngoài cùng với số anh em dân chủ trong nước đang ngày một đông đảo, sẻ tạo nên một lực lượng đối lập xây dựng, không phải đối lập phá phách, gây hỗn loạn. Do đó, mặc dù những người cầm quyền rất khó chịu, bực tức, nhưng họ phải chú ý đến các ý kiến đối lập, buộc phải thực hiện một số sáng kiến của lực lượng đối lập xây dựng, lực lượng dân chủ. Mặt khác, mặc cho một số người cầm quyền thóa mạ, chụp mũ những người dân chủ, tôi nghĩ lực lượng dân chủ đang giữ một vị trí cần thiết, có lợi cho đất nước khi chưa có lực lượng đối lập xây dựng chính thức.

Mặc dù bị chính quyền chụp mũ, vu cáo, tính ra tôi vẫn "lãi". Tôi có thêm bạn ở trong bộ máy chính quyền, đảng, trong giới trí thức, văn nghệ sĩ, cán bộ các ngành... Họ nhắn tin, gửi thư, tìm gặp tôi khi khi họ qua Pháp. Tôi có thêm nhiều bạn quí trong cộng đồng người Việt, không phân biệt quá khứ, "sắc áo", "màu cờ". Cùng có những người thật lòng thương dân, ưa chuộng dân chủ, sống có lý tưởng, đạo lý, bên cạnh những người vị kỷ, hám lợi riêng, độc đoán, xảo trá. Tôi kết bạn với những người tôi thấy là tốt, tử tế và tôi xa lánh, dị ứng với loại sau. Rút cuộc tôi vẫn lợi. Cho nên tôi luôn lạc quan. Thời gian đang ủng hộ sự nghiệp dân chủ hóa. Và xu thế thời đại nghiêng về phía những chiến sĩ dân chủ. Khó khăn chỉ làm cho mỗi thắng lợi nhỏ thêm có ý nghĩa".

Được hỏi về ông Lê Khả Phiêu, tổng bí thư Đảng Cộng Sản Việt Nam, Bùi Tín trả lời:

"Ông Lê Khả Phiêu được dự định đưa lên làm tổng bí thư từ Đại hội đảng lần thứ 8 giữa năm 1996, nhưng bị để chậm lại một năm rưỡi do tín nhiệm lúc đó còn quá thấp qua cuộc thăm dò trong Trung ương đảng.

Ông Phiêu có những mặt trội hơn so với những người tiền nhiệm: trẻ hơn ông Đỗ Mười chừng 17 tuổi, do đó tư duy có thể ít xơ cứng hơn, ít bảo thủ hơn. Do uy tín còn thấp, thành tích chưa có gì đáng kể, nên có thể buộc ông phải cố gắng để tạo uy tín trong đảng, trong xã hội. Việc cử một viên thượng tướng, chính ủy chuyên nghiệp trong quân đội, làm tổng bí thư là không bình thường trong thời bình, xây dựng đất nước, hòa nhập với thế giới, khi chế độ quân phiệt đã kết thúc ở Đài Loan, Hàn Quốc, Thái Lan... Có một điểm đáng được chú ý là năm 1997, ông Phiêu đã gặp ông Hoàng Minh Chính

hai lần và mồng 2 Tết Mậu Dần vừa qua đã đến thăm ông Trần Độ, hai nhân vật đòi dân chủ mạnh mẽ ở trong nước. Nhưng không nên có ảo tưởng về người lãnh đạo số một mới này, vì thái độ rõ ràng của ông với những kiến nghị đòi dân chủ vẫn còn là một ẩn số, trong khi bộ máy thông tin, báo chí ở trong nước gần đây phê phán rất dữ dội các kiến nghị ấy.

Ở vị trí số một của chế độ, nếu ông Phiêu có tư duy cởi mở, thức thời thì ông có thể tác động quyết định đến sự lãnh đạo của đảng nhằm thúc đẩy đổi mới một cách mạnh mẽ, thậm chí có thể xoay chuyển mau lẹ tình hình như Khơ-rút-xốp và Goóc-ba-chốp ở Liên Xô đã từng làm sau khi nắm chức tổng bí thư. Nhưng căn cứ vào những điều ông Phiêu đã nói, đã viết và đã làm cho đến nay, khả năng ấy khó có thể thành hiện thực. Tầm vóc và bản lĩnh chính trị của ông vẫn còn tỏ ra là ở mức "khiêm tốn", nếu không nói là xoàng, thấp.

Tháng 4-1997, tôi có gửi cho ông Phiêu một lá thư được đưa đến tận tay ông (xem phần phụ lục). *Tôi tận dụng mối quan hệ bạn bè cũ để cố tác động đến ông, tuy không thật tin ở kết quả. Dù sao cùng yên lòng là đã làm một việc cần thiết, ít ra là để cảnh báo trước một nguy cơ cho đất nước nếu lãnh đạo không được cải tiến kịp thời".*

Mặc dù vậy, ông Bùi Tín không bi quan, trái lại ông rất lạc quan:

"Tôi nghĩ rằng ông Phiêu nhậm chức trong điều kiện đất nước đầy khó khăn, quá nhiều nguy cơ dồn dập. Ông ta không thể tự mãn, kiêu ngạo. Ông đang trở thành "tù binh" của tình thế, bị vây bủa tứ phía. Đổi mới có nguy cơ đứt gánh, nợ chồng chất, phát triển chững lại, đầu tư từ bên ngoài giảm đáng kể, tham nhũng tràn lan. Khủng hoảng tài chính, kinh tế ở Châu Á tác động rất nguy hiểm đến nước ta. Bất công xã hội tăng. Lòng dân không yên. Nhà nước buộc phải phá giá đồng bạc Việt Nam hai lần rồi...

Cái ghế ngồi của ông tổng bí thư mới rất chật, không còn chỗ để xoay xở, không có nhiều lựa chọn. Dừng lại thì nguy, quay lại phía sau thì khốn. Đi lên phía trước thì hoa mắt. Có vẻ như giới lãnh đạo hiện nay chỉ cần thời gian để thu vén riêng, họ suy tính theo ngắn hạn. Sau nữa là sống chết mặc bay. Nhìn lâu dài một chút, thế nào dân chủ cũng thắng.

Tôi lạc quan vì dân chủ là giá trị lớn nhất của thời đại. Vì trong thế kỷ qua, đại đa số các nước đều đi vào con đường ấy, từ ít đến nhiều, rất nhiều. Đó là thành quả của quá trình lịch sử toàn cầu. Châu Á có phần chậm hơn Châu Âu, nhưng nhanh hơn Châu Phi. Quanh nước ta, Nhật Bản - nước Nhật quân phiệt phát-xít - đã bước vào thời kỳ dân chủ rất rộng, tuy hình thức là quân chủ lập hiến, các đảng lớn thay nhau cầm quyền. Thái Lan, Phi-líp-pin, Ma-lai-xia, Hàn Quốc... đã trở thành dân chủ. Ở Hàn Quốc, nhà đối lập Kim Đại Trung (Kim Dae Jung) từng ở tù do chống đối chính trị, từng bị kết án tử hình với tội "âm mưu lật đổ chính quyền", nay đã thành tổng thống qua bầu cử dân chủ. Hơn nữa cách mạng tin học, với hệ thống truyền tin cực nhanh, nhạy, với vô vàn may tính điện tử... làm cho đời sống chính trị các dân tộc gần nhau, hiểu nhau, truyền bá nhanh như chớp đến mọi nơi những giá trị dân chủ, nếp sống dân chủ".

Được hỏi về nỗi sợ cường quyền của đồng bào trong nước, ông Bùi Tín cho biết:

"Sau hơn 10 năm mở cửa, nhất là từ Đại hội 7, sau khi Liên Xô sập đổ, người dân trong nước không còn bị bưng bít như xưa. Trước kia dân ta như ở đáy giếng, không hiểu gì xung quanh. Đảng cho biết gì thì biết. Nay đã có giao lưu rộng: thư từ, bà con thăm viếng, khách du lịch, phim ảnh, thu thanh, video, tivi... Thêm nữa, đảng đổ đốn, tham nhũng tràn lan, bất công khủng khiếp, dân đen nghèo khổ, nỗi căm giận tăng thì nỗi sợ giảm. Người ta chửi công khai bọn tham nhũng, coi như dòi bọ lúc nhúc.

Cần nói thêm là nỗi sợ di chuyển - chuyển từ dân sang quan. Gương Đại Hàn, hai cựu tổng thống vào tù vì tham nhũng. Gương tổng thống Marcos hết ra lưa một thời bị kết án, trốn đi. Gương tướng Suharto ở Nam Dương mới đây, bị dân chỉ mặt: cướp đoạt 4 tỷ đô la cho gia đình, cả một triều đình nhão nhác... Cho nên khẩu hiệu chống tham nhũng, bình đẳng trước pháp luật, họ rất sợ.

Họ sợ nên rất muốn trừng trị ông Trần Độ nhưng phải vừa dọa, vừa xoa. Lê Khả Phiêu gặp hai lần ông Hoàng Minh Chính; Lê Khả Phiêu cùng đến chúc Tết (!) ông Trần Độ, sau khi báo Nhân Dân và báo Quân Đội Nhân Dân đăng gần 20 bài lên án, phê phán, chụp mũ bằng giọng điệu phỉ báng ông Trần Độ. Họ trích dẫn, cắt xén, xuyên tạc bức thư của ông Trần Độ nhưng lại không dám nêu một lần tên ông. Hèn hơn nữa là khi ông Trần Độ hỏi ông Duyệt: "Có phải các anh mở chiến dịch công kích tôi trên báo đảng không?" thì ông Duyệt chối bai bải là không có chủ trương, không có chiến dịch công kích như thế. Họ sợ lè phải, sợ công luận. Cái thế của họ sa sút đến thế đó. Làm đo rồi chối đó. Thật là miệng quan trôn trẻ!

Dân ta bớt sợ nhiều rồi. Tôi xin kể một chuyện. Khi nhà báo Pháp của RFI sang Việt Nam và lên tận nhà tù Thanh Cẩm (Thanh Hóa), có hai người Việt Nam hướng dẫn tỉ mỉ để họ đi đến nơi, về đến chốn nơi xa lạ đối với họ. Đó là hai người tù chính trị cũ, từng là đại úy trong quân đội thời ông Bảo Đại sau 1954. Một ông tên là Kiều Duy Vĩnh, một ông có biệt danh là Văn thợ mộc (muốn biết thêm về ông này, xin đọc Đêm Giữa Ban Ngày của nhà văn Vũ Thư Hiên). Ông Vĩnh và ông Văn còn đàng hoàng trả lời vô tuyến truyền hình Pháp về vấn đề tù chính trị ở Việt Nam, đâu có sợ, đâu có ngán chính quyền độc đoán. Hơn nữa khi công an hỏi hai ông, hai ông đều trả lời đàng hoàng: "Họ hỏi đường do không biết, chúng tôi biết thì chỉ cho họ. Chúng tôi cho là họ làm điều tốt thì giúp, vậy thôi". Khi ra tới cửa trạm công an, ông Văn còn chỉ ảnh ông Hồ Chí Minh treo trong phòng lớn nói: "Các chú còn để ảnh cái ông già kia làm gì? Vì ông già kia mà gia đình tôi tan nát và biết bao bà con ta khổ cực!". Mấy tay công an trẻ nghe rõ hết, không dám phản ứng, chỉ cười hì hì xoa dịu: "Sao bác lại nói thế", rồi tiễn ra cửa. Trước kia mà nói vậy là mang tội chết chắc chắn.

Sự thay đổi trong nỗi sợ cường quyền được "đo" qua những cảnh sống như thế".

* * *

Mây Mù Thế Kỷ là một cuốn sách ngay thật, đầy thiện chí, đi thẳng vào những vấn đề nóng bỏng thường gây tranh luận, rất bổ ích cho mỗi người Việt nặng lòng với quê hương, đất nước; một cuốn sách đi vào lòng người, gợi lên nhiều suy nghĩ mới mẻ; một cuộc tâm tình lý thú với bạn trẻ còn gắn bó với quê cha đất tổ.

Một cuốn sách cần có trong mỗi gia đình Việt Nam.

Một quà tặng có ý nghĩa gửi bạn bè và người thân ở trong cũng như ngoài nước.

Giá bán tại Pháp: 120 Francs (kể cả bưu phí).

Ngân phiếu xin đề Vietnam Fraternité và gửi về tòa soạn báo Thông Luận - 124 bis rue de Flandre - 75019 Paris.

Một môn phái khí công thách thức chế độ Bắc Kinh

Cách đây đúng mười năm, sinh viên và học sinh Bắc Kinh lấy cớ tưởng niệm cựu tổng bí thư Đảng Cộng Sản Trung Quốc Hồ Diệu Bang (Hu Yao Bang) chiếm quảng trường Thiên An Môn, đòi tự do dân chủ và bị chính quyền cho nổ súng, đàn áp. Ngày 25 tháng 4 vừa qua, một tổ chức khí công, chịu ảnh hưởng của Phật Giáo, tên là Pháp Luân Công (Fa Lun Gong) đã tập trung từ mười ngàn đến mười lăm ngàn tín đồ đứng trước Trung Nam Hải, nơi cư trú của ban chấp hành trung ương đảng và các nhà lãnh đạo để "luyện tập" khí công. Họ từ các nơi trong xứ và nhất là từ ba tỉnh Cát Lâm (Ji Lin), Đại Liên (Da Lian) và Thiên Tân (Tian Jin) kéo về Bắc Kinh để biểu dương lực lượng. Trên thực tế, các tín đồ này dùng phương thức bất bạo động để phản đối chính quyền đã bắt 50 tín đồ ở Thiên Tân một tuần trước đó. Họ bất thần xuất hiện và ngồi trước Trung Nam Hải trên một đoạn đường dài 2 cây số mà cảnh sát và cận vệ không biết trước mặc dù đã có chỉ thị ngăn chặn các vụ biểu tình bạo động có thể diễn ra nhân dịp các kỷ niệm lịch sử sắp đến.

Môn phái Pháp Luân Công do ông Lý Hồng Chí (Li Hong Zhi) sáng lập trong năm 1992 và đã tập tụ được từ 60 đến 100 triệu tín đồ trong và ngoài nước. Ông Lý sinh năm 1951 ở tỉnh Cát Lâm là một cựu nhân viên của Cục ngũ cốc cho đến 1998 và hiện nay đang lưu vong ở Nữu Ước (Mỹ). Ông tự cho mình có nhiều quyền lực tinh thần cao hơn chúa Jesus, Đức Phật và thánh Mahomet. Theo ông, môn phái Pháp Luân Công không dính dáng gì tới Phật giáo nhưng dựa vào trường phái Phật giáo của khí công. Thực tế môn phái này là do sự hỗn hợp của Phật giáo và Lão giáo mà người Trung Quốc rất ưa chuộng. Các tín đồ thường tụ tập gặp nhau ở các công viên để luyện tập hô hấp và trầm tư với mục đích có sức khỏe tốt và tinh thần cao thượng.

Lý do các môn phái Pháp Luân Công đã tập tụ được hàng chục triệu tín đồ trong một thời gian ngắn là vì xã hội Trung Quốc hiện nay không còn điểm mốc (point de repère) và thiếu giá trị tinh thần sau khi chủ thuyết cộng sản bị phá sản và được sự tán dương tính ham lợi thay vào trong thập niên gần đây. Lợi dụng sơ hở đó, nhiều môn phái thần bí xuất hiện và tập tụ được nhiều tín đồ trong bối cảnh của tình trạng xã hội căng thẳng do sự suy thoái về kinh tế và sự điều chỉnh xí nghiệp quốc doanh đã làm cả chục triệu người thất nghiệp. Phần lớn các tín đồ là những công tư chức nhỏ, thợ thuyền, nông dân và ngay cả đảng viên bất mãn trước mặt xã hội mỗi ngày càng bất công lại thiếu tự do dân chủ.

Hiện tượng này được ví như trong phong trào Thái Bình Thiên Quốc của Hồng Tú Toàn (Hong Xiu Quan) ở thế kỷ thứ 19. Năm 1851, Hồng Tú Toàn sáng lập Bái Thượng Đế Hội, một tổ chức phỏng theo Thiên chúa giáo. Ông tự cho mình là "bào đệ" của chúa Jesus và đã tập tụ được nhiều chục triệu tín đồ đứng lên chống chính quyền Mãn Thanh trong 13 năm. Môn phái của ông có lúc đã chiếm Nam Kinh làm thủ đô và ông đã tuyên bố thành lập Thái Bình Thiên Quốc mà ông là vua.

Theo truyền thống của xã hội Trung Quốc, các môn phái được nảy nở khi vua chúa hay chính quyền hiện hữu không còn bảo đảm được sự hòa hợp và sung túc cho quần chúng. Vì lý do trên, các chính quyền hiện hữu thường rất lo ngại các môn phái có thực chất giáo phái và bí mật với những quy tắc và tập tục riêng của họ. Chính quyền Bắc Kinh sau ba ngày tranh luận, ra thông cáo là không cấm chỉ các môn phái khí công, nhưng lại tuyên bố là không nên tập tụ trước các công quản làm mất trật tự xã hội. Người ta chưa biết chính quyền Bắc Kinh sẽ xử lý ra sao. Tuy nhiên theo một giáo sư chính trị học Trung Quốc thì :"Sự xuất hiện các môn phái thần bí như Pháp Luân Công là một đe dọa trầm trọng cho chính quyền hơn là sự thành lập của đảng dân chủ".

Trong lịch sử Trung Quốc, những môn phái thần bí thường hay lật đổ các triều đại hoặc đưa xã hội đến tình trạng nội chiến hỗn loạn. Liệu Đảng Cộng Sản Trung Quốc có thể tránh khỏi tình trạng này không ? Dù sao, đây cũng là một tình trạng báo động cho chính quyền Bắc Kinh trong những ngày sắp tới.

Một cựu công chức có tiếng bị đưa ra tù án

Chính quyền Bắc Kinh vừa đưa ông Phương Giác (Fang Jue) ra xét xử ngày 26-4 vừa qua. Đầu năm 1998, ông Phương Giác một cựu công chức của ủy ban kế hoạch nhà nước tỉnh Phúc Kiến đã truyền đi một cương lĩnh chính trị trong ngoài nước trong đó ông đề xướng Trung Quốc phải thực hiện tự do dân chủ để đáp ứng theo xu hướng của thời đại. Bản cương lĩnh chính trị có sự hỗ trợ của nhiều nhân vật trong chính phủ và trong đảng (xem Thông Luận tháng 2-1998). Trong nhiều tháng, ông không bị chính quyền quấy nhiễu. Ông cuối cùng bị chính quyền bắt trong tháng 7 và chính thức lên án trong tháng 3-1999.

Điều bất ngờ là ông Phương Giác không bị chính quyền Bắc Kinh buộc tội vì lý do chính trị mà vì lý do "hối lộ" và đồng thời đã thành lập một công ty ở Hương Cảng thoát khỏi sự kiểm soát của lục địa.

Bản án của ông đã nhiều lần bị hoãn lại trước chuyến công du của thủ tướng Chu Dung Cơ ở Mỹ vào trung tuần tháng 4 và trước sự khảo xét vi phạm nhân quyền của Trung Quốc ở Ủy ban Nhân quyền của Liên Hiệp Quốc ở Genève. Phản ứng của sứ quán Mỹ ở Bắc Kinh là ông Phương Giác phải được trả tự do và không thể bị xét xử.

Đây là một bản án có tính cách chính trị vì có liên quan đến nhiều nhân vật trong chính phủ và đảng.

Chính phủ Ấn Độ bị lật đổ

Đây là lần thứ 5 trong không đầy 3 năm, chính phủ Ấn Độ bị lật đổ sau khi một đồng minh của chính phủ liên hiệp của ông A.B.Vajayee không bỏ phiếu tín nhiệm.

Thủ lãnh của đảng Tamul là bà Jayalalitha, một cựu minh tinh màn bạc ham thích quyền lực và tiền đã không thuyết phục được thủ tướng A. B. Vajayee cách chức tổng trưởng quốc phòng là nguyên nhân của sự bất tín nhiệm.

Tổng thống Ấn Độ, ông K. R. Narayanan, ngay sau đó mời chủ tịch đảng Quốc Đại bà Sonia Gandhi ra lập chính phủ. Nhưng sau thời gian ngắn, bà Sonia Gandhi thú nhận không thành công thành lập chính phủ. Quốc hội bị giải tán và tổng tuyển cử sẽ được tổ chức trong vòng từ 45 ngày đến 6 tháng.

Cũng nên nhắc lại là bà Sonia Gandhi gốc người Ý (Torino) thuộc dòng dõi của một gia đình đã cung ứng cho Ấn Độ nhiều thủ tướng. Ông Nerhu là thủ tướng đầu tiên của Ấn Độ sau khi Anh Quốc trả độc lập năm 1947. Bà Indira Gandhi là con gái của ông Nerhu đã hai lần làm thủ tướng và bị một người Sikh ám sát trong

năm 1984. Người con trai của bà Indira Gandhi, ông Rajiv Gandhi và chồng của bà Sonia Gandhi lên thế mẹ cũng bị một người Tamul ám sát năm 1991.

Sau nhiều năm do dự, bà Sonia cuối cùng chấp nhận chức chủ tịch đảng Quốc Đại. Nếu đảng này thắng cử trong lần tổng tuyển cử sắp tới, bà Sonia sẽ là người đầu tiên gốc ngoại quốc trở thành thủ tướng của một xứ gần một tỷ người và đồng thời là một xứ dân chủ lớn nhất của thế giới với 600 triệu cử tri.

Pháp tạm thời đình chỉ các thủ tục nhận nuôi trẻ em Việt Nam

Thứ năm 29-4-99, chính phủ Pháp đã thông báo tạm đình chỉ mọi thủ tục nhận nuôi trẻ em Việt Nam cho đến khi Pháp và Việt Nam ký kết một thỏa ước hợp tác. Quyết định này không áp dụng cho những cha mẹ nuôi đến Việt Nam trước ngày 9-5 hay cho những người đã trở về Pháp và đang chờ đợi sự giao nhận chính thức con nuôi. Quyết định này được đưa ra sau khi các cơ quan hữu trách phía Pháp và Việt Nam nhận thấy rằng những yêu cầu nhận nuôi trẻ em Việt Nam của người Pháp gia tăng một cách đáng kể từ vài năm nay, chiếm đến một phần ba tổng số trường hợp nhận nuôi trẻ em của người Pháp. Trong điều kiện này, quyền lợi trẻ em cũng như của các gia đình nhận nuôi có thể không được bảo đảm đúng mức. Hai bên sẽ xúc tiến nhanh chóng việc thiết lập một khuôn khổ pháp lý hoàn chỉnh hơn cho những hồ sơ nhận nuôi trẻ em.

Việt Nam tuyên án tử hình hai can phạm buôn lậu

Hai thủ phạm buôn lậu, Trần Đàm, 66 tuổi, con buôn, và Phùng Long Thất, phụ trách điều tra buôn lậu của Cục Hải quan thành phố HCM đã bị tuyên án tử hình. Trần Đàm chuyên tổ chức buôn lậu xe ô-tô, máy móc vật liệu điện với tổng trị giá 900 tỉ đồng (64 triệu USD) từ 1994 đến 1997. Sáu tòng phạm khác bị khổ sai chung thân trong đó có Thái Điền , phụ trách bộ phận hải quan cảng Cần Thơ và Lê Minh Xu, giám đốc xí nghiệp quốc doanh Đại Việt trực thuộc bộ Nội Vụ. Tất cả có 74 người bị truy tố và vụ án đã kéo dài hơn một tháng trời. Phiên tòa tuyên án đã được trực tiếp truyền hình.

Một vụ án khác với 77 can phạm gồm những thành phần như kỹ nghệ gia, lãnh đạo một số ngân hàng nhà nước và viên chức cao cấp sẽ khởi đầu ngày 7-5 tới.

Cam Pu Chia được chính thức gia nhập ASEAN

Ngày 30-4, Căm Bốt được chính thức gia nhập khối ASEAN, chấm dứt nhiều năm bị cô lập trong khu vực Đông Nam Á. Tổ chức ASEAN, thành lập năm 1967, kể từ nay có 10 thành viên: Mã Lai, Phi Luật Tân, Tân Gia Ba, Thái Lan, Nam Dương, Lào, Bru Nây, Miến Điện, Việt Nam và Cam Pu Chia. Việc nhìn nhận Cam Pu Chia đã không suông sẻ lắm vì trong phiên họp vào tháng 12-98 vừa qua, các quốc gia thành viên vẫn còn chưa đi đến đồng thuận để chấp nhận việc gia nhập của Cam Pu Chia. Các quốc gia thành viên ASEAN gồm những thể chế xa cách nhau, từ chế độ độc tài quân phiệt của Miến Điện, độc tài cộng sản của Việt Nam đến dân chủ tự do như Phi Luật Tân hay Thái Lan. Nam Dương và Việt Nam ủng hộ Cam Pu Chia trong khi Phi Luật Tân, Thái Lan, Tân Gia Ba cho rằng việc thành lập chính phủ liên hiệp không đủ bảo đảm sự ổn định của chế độ mà cần phải có một thượng viện làm đối trọng với hạ viện trong quốc hội. Để đáp ứng điều kiện này, thượng viện của Quốc hội Cam Pu Chia đã được thành lập ngày 25-3 vừa qua, do hoàng thân Norodom Ranariddh làm chủ tịch. Hoàng thân Ranariddh đã thắng cử trong cuộc bầu phiếu năm 1993 dưới sự giám sát của Liên Hiệp Quốc nhưng sau đó, những vụ bạo loạn trong nước đã khiến ông phải lánh nạn sang Thái Lan năm 1997.

Đại hội điện ảnh Âu Châu đầu tiên tại Việt Nam

Từ tháng 5 đến tháng 6-99, chín phim điện ảnh của những đạo diễn Châu Âu sẽ được chiếu tại Hà Nội và Thành phố HCM nhân dịp Đại hội Điện ảnh Châu Âu đầu tiên tổ chức tại Việt Nam. Đại hội này do Cộng Đồng Châu Âu, cục Điện ảnh và Bộ Thông tin Văn hóa Việt Nam tổ chức. Hơn 25.000 vé sẽ được phát cho các Tòa Đại sứ và các cơ quan thông tin văn hóa Việt Nam cho 51 xuất chiếu phim, bắt đầu từ ngày 9-5 nhân ngày 'Ngày Châu Âu' và kết thúc vào ngày 8-6.

Theo phóng viên AFP, dân Việt Nam ít đi xem những phim chiếu tại rạp vì thường thường những rạp này chiếu phim bản xứ và thành phố Hà Nội chỉ có 6 phòng chiếu cho 3 triệu người. Phần lớn dân Việt Nam bây giờ thích xem những phim ảnh Mỹ video chép một cách bất hợp pháp.

Vịnh Hạ Long bị ô nhiễm

Hiện nay, nước vịnh Hạ Long, một địa danh được Liên Hiệp Quốc xếp vào hàng di sản quốc tế, không còn giữ được màu xanh cẩm thạch nổi tiếng như trước vì bị ô nhiễm trầm trọng. Những cụm san hô dưới nước chung quanh đảo Cát Bà đang chết dần và số hải cẩu, cá heo, rùa biển càng ngày càng ít. Nguyên nhân, theo ông Nguyễn Chử Hội, giám đốc Hải học viện Hải Phòng, là 900 triệu tấn chất thải của những xí nghiệp khai thác than đá trong vùng từ bao năm nay cộng thêm 9 triệu thước khối nước thải chứa đựng xuyn phát sắt, chì, đồng và dầu hỏa của cảng dầu hỏa ở phía nam Hải Phòng. Những "đồi bùn" tích lũy có chỗ dầy đến 30 thước.

Những khối san hô còn bị các ngư phủ phá hủy khi sử dụng chất nổ để bắt cá. Mặt khác, những nước tiêu dùng từ thành phố Hải Phòng cũng bị thải ra biển mà không qua một hệ thống sàng lọc nào cả. Những tàu chở du khách tấp nập cũng không ngừng đổ dầu mỡ ra biển. Những du khách ngoại quốc không còn dám tắm biển trong vùng vịnh Hạ Long nữa.

Sông Sài Gòn bị ô nhiễm bởi 110.000 lít hượt liệu

Tai nạn trên sông Sài Gòn giữa hai chiếc tàu chở hơn 950.000 lít hượt liệu cho miền Tây đã khiến khoảng 110.000 lít hượt liệu (lubricant, lubrifiant) đổ ra sông gây ô nhiễm trầm trọng. Vỏ hai chiếc tàu bị đâm thủng nhưng hai chiếc tàu không chìm. Nhà chức trách đang điều tra nguyên nhân tai nạn và nghiên cứu để khắc phục hậu quả ô nhiễm. Vào đầu tháng 4, một chiếc tàu khác chở 300.000 lít dầu hỏa đã bị chìm ngoài khơi cách bờ biển tỉnh Kiên Giang khoảng 30 dặm (khoảng 45 km).

Hơn 15% gái mãi dâm ở thành phố Sài Gòn dưới 17 tuổi

Theo báo cáo của ông Đặng Thanh Vân, phó giám đốc cục chống tệ nạn xã hội của thành phố Sài Gòn thì hơn 15% gái mãi dâm ở khu vực thành phố có tuổi từ 15 đến 17. Nghĩa là có khoảng từ

10.000 đến 15.000 cô gái mãi dâm vị thành niên. Trong số đó một nửa, vì sinh kế, từ những địa phương khác đến Sài Gòn và 70% có trình độ văn hóa không quá cấp I (cấp tiểu học). Theo báo Sài Gòn Giải Phóng, trong số khoảng 400 nhà hàng đăng ký hoạt động thì có đến 300 nhà hàng là bình phong cho mãi dâm.

Chênh lệch nợ ngoại thương của Việt Nam giảm thiểu

Trong 4 tháng đầu năm nay, số nợ ngoại thương của Việt Nam đã giảm được 49,7% còn 312 triệu USD vì Việt Nam đã phải hạn chế nhập khẩu do sự tụt giảm xuất khẩu và đầu tư nước ngoài. Tổng trị giá nhập khẩu đã giảm 13,8% còn 3,32 tỷ USD trong khi xuất khẩu đã giảm 6,9% ở mức 3,008 tỷ USD, so cùng kỳ năm ngoái. Sự suy giảm nhập khẩu chủ yếu liên quan đến thép, xi măng, máy móc và phụ tùng, phân bón trong khi xuất khẩu liên quan đến gạo, cà phê và than, ba nguồn ngoại tệ quan trọng của Việt Nam.

Một em bé Nhật bị bắt cóc ở Hà Nội đã được tìm thấy bình yên vô sự

Một em bé Nhật mới được 6 tháng, tên là Torahiko Sugimoto, con của ông Satoshi Sugimoto, đại diện Quỹ Hợp tác Kinh tế Nhật Bản-Việt Nam, đã bị bắt cóc sáng thứ ba 27-4 tại Hà nội nhưng đã được tìm thấy và hung thủ đã bị công an bắn trọng thương và bắt. Hung thủ, ban đầu đột nhập vào tư gia của ông Sugimoto trong một cư xá sang trọng tên là Coco Village, để cướp của nhưng khi bị lộ đã bắt cóc em bé, rồi đòi một chiếc taxi để tẩu thoát nhưng tài xế xe lại là một công an mặc thường phục. Danh tánh của hung thủ đã không được công bố. Em bé bị thương nhẹ do hung thủ dí dao vào cổ để đe dọa gia đình.

Đức Giáo hoàng phong một giám mục mới tại Việt Nam

Ngày 15-4, Đức Giáo hoàng đã chấp nhận sự từ chức vì lý do tuổi tác của giám mục André Nguyễn Văn Nam phụ trách địa phận Mỹ Tho và đã tấn phong giám mục Paul Bùi Văn Đốc thay thế. Giám mục Bùi Văn Đốc trước đó là phó giám mục địa phận Đà Lạt. Phó tổng thư ký tòa thánh Vatican, Celestino Migliore đã đến Hà Nội ngày 16-3 để trao đổi với chính quyền Việt Nam về hiện trạng giáo hội tại Việt Nam, đặc biệt về việc tấn phong các giám mục.

Đức giám mục Paul Bùi Văn Đức, nguyên quán Đà Lạt, sanh năm 1944, tốt nghiệp triết học và thần học tại Đại học Thành phố (Universita urbanienne) Roma và đã được tấn phong linh mục vào năm 1970. Ông đã giảng dạy về ngôn ngữ và triết lý và đã làm linh mục đặc trách nhiều giáo xứ trước khi được phó giám mục địa phận Đà Lạt.

Dân số Việt Nam hiện nay là 77 triệu người trong đó có khoảng 7 triệu giáo dân.

Khai thác gỗ bất hợp pháp

Ngày 14-4-99, 35 người , trong đó có 28 người có chức quyền trong lãnh vực quản lý cây rừng nhà nước , đã bị kết án với án tối đa là 20 năm, về tội khai thác bất hợp pháp gỗ rừng. Đinh Mạnh Hồ, một nhà kinh doanh tư nhân đã cấu kết với các lãnh đạo quản lý lâm sản tỉnh Bình Thuận để khai thác 53.000 mét khối gỗ trong những khu vực bảo tồn thiên nhiên của tỉnh, lãnh án tối đa 20 năm. Đỗ Văn Hương, giám đốc cơ quan quản lý cây rừng thị xã Chi An bị kết án 13 năm tù vì tội xâm phạm luật bảo vệ câu rừng của những khu vực được bảo vệ , bao che và tham nhũng. Đinh Đầy, phó chủ tịch Ủy ban Nhân dân thị xã Tánh Linh lãnh 10 năm vì đã tham gia trong việc đốn xẻ cây và xuất khẩu bất hợp pháp gỗ từ năm 1993 đến 1995.

Gỏi cuốn dài 50 thước

Một tiệm ăn ở Vũng Tàu đã thực hiện một "cây" gỏi cuốn nặng 30 kí và dài 50 thước và chủ nhân , ông Hector Trần, hy vọng được ghi tên vào sổ vàng những kỷ lục thế giới Guinness. Cây gỏi cuốn này được thực hiện nhân dịp kỷ niệm 24 năm cưỡng chiếm Sài Gòn và đã đòi hỏi sự tham gia của 13 đầu bếp sử dụng 15 kí miến (bún tàu), 6 kí lá chuối, 6 kí tôm, 3,5 kí giá, 400 tờ bánh tráng, 500 gram ớt. Cây gỏi cuốn này đã được đưa cho 200 khách ăn. Không biết các thực khách có nuốt trôi cây gỏi cuốn này không, chưa kể nguyên nhân đưa ra không tạo thuận lợi cho việc hòa giải hòa hợp dân tộc.

Tin tức chiến tranh tại Kosovo

- Bảo Gia Lợi : Thủ tướng Bảo Gia Lợi, ông Petar Staino, đã tuyên bố rằng Bảo Gia Lợi đứng về phe Minh Ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) để chống chế độ vô nhân đạo của Milosevic nhưng đồng thời kêu gọi Châu Âu đầu tư vào vùng Bá Nhĩ Cán, lập một chương trình kinh tế kiểu Marshall để tạo sự ổn định chính trị vùng. Quốc hội Bảo Gia Lợi sẽ phải lấy quyết định mở không phận Bảo Gia Lợi cho các phi cơ của NATO. Bảo Gia Lợi cũng rất lo ngại ảnh hưởng chiến tranh lên kinh tế quốc gia. Ông cho rằng việc đầu tư nâng cao kinh tế vùng và thiết lập một hàng rào dân chủ chung quanh Nam Tư sẽ có hiệu quả hơn là những chi phí cho những phương tiện quân sự.

- Đặc phái viên nước Nga, ông Chernomyrdin đã đến gặp Milosevic. Sau đó ông cho biết Milosevic đồng ý sự hiện diện tại Kosovo của một phái đoàn dân sự của Liên Hiệp Quốc và do Liên Hiệp Quốc đề xướng. Khối NATO xem như đây vẫn là một thủ đoạn chính trị của Milosevic và vẫn quyết tâm oanh tạc Nam Tư và sẽ tăng cường thêm 10 pháo đài bay B-52.

- Ngày 30-4, thủ tướng Pháp Lionel Jospin đến Tirana, thủ đô Albania để thể hiện tình hữu nghị của Pháp đối với Albania và sự ủng hộ của Pháp đối với những người tị nạn Kosovo. Ông hứa hẹn sẽ tăng viện trợ cho người tị nạn. Sau đó ông ghé Macedonia.

- Việc phong tỏa dầu hỏa đối với Nam Tư và Montenegro bắt đầu được thi hành kể từ ngày 30-4. Sự phong tỏa này nhắm tất cả những vụ mua bán dầu hỏa và cả những hành động trực tiếp hay gián tiếp khuyến khích những vụ mua bán đó. Các quốc gia ngoài Liên Hiệp Châu Âu như Na Uy, Ích Lan và Thụy Sĩ đã tuyên bố sẽ tôn trọng việc phong tỏa. Ngược lại, Nga đã phản đối biện pháp này ❑

Nghĩa Hội Tự Do Việt Nam

ủng hộ tinh thần và vật chất các tù nhân chính trị và những người mắc nạn vì tự do dân chủ.

Hội viên tích cực : 200 FF/năm
Hội viên ân nhân : từ 500 FF/năm trở lên

Liên lạc:
Nghĩa Hội Việt Nam Tự Do
Vietnam Libertés
11 Mail Le Corbusier
77185 Lognes - France

Tư tưởng, một yếu tố cần thiết trong địa hạt chính trị

Một nhà mô phạm, một con người bất khuất, một nhà tư tưởng độc đáo, một chính trị gia tương lai của Đất Việt, đấy là những hình ảnh của anh Đoàn Viết Hoạt hiện ra trước mắt tôi. Tôi sở dĩ gọi Đoàn Viết Hoạt là "anh" là vì Đoàn Viết Hoạt xưa kia là sinh viên của trường Cao Đẳng Sư Phạm Sài Gòn mà trước kia tôi có hân hạnh được làm giám đốc. Vả lại nay tôi đã 91 tuổi, tôi có thể gọi nhiều học trò cũ còn sống là anh tuy rằng trong số đó có người tuổi cũng đã xấp xỉ 80 hay hơn nữa.

Tôi rất tiếc không dự được buổi gặp gỡ với Đoàn Viết Hoạt, tổ chức tại Paris vào ngày 1-2-1999, vì thiếu tiện nghi di chuyển. Nhưng may báo *Thông Luận* tháng 2-99 đã đăng lại bài nói chuyện ngày hôm đó của anh Hoạt. Bài này có vài ý kiến độc đáo. Tôi xin trích ra đây một khái niệm rất hay để bàn thêm. Anh Hoạt viết: "*[...] Cái thiếu vắng lớn nhất trong cuộc vận động chính trị hiện nay của chúng ta là thiếu vắng tư tưởng - tư tưởng hiểu như một công cụ lý luận, một vũ khí tinh thần không những bẻ gẫy mọi lý luận thuần túy và lý luận thực tiễn của đối phương, mà còn đưa ra được một giải pháp khả thi cho một nước Việt Mới, một giải pháp vừa đáp ứng nguyện vọng thực tiễn và lâu dài của toàn dân, vừa phù hợp với đặc thù tính của dân tộc và trào lưu chung của nhân loại. [.....] Thành công trên lãnh vực văn hóa là yếu tố quyết định sự thành công trên lãnh vực chính trị ở cả ba mặt trận quốc nội, quốc ngoại và quốc tế.* "

Anh Hoạt xác định rất đúng là ta thiếu vắng tư tưởng trong địa hạt chính trị. Tôi cũng nghĩ như vậy. Sự thiếu vắng này dĩ nhiên là có từ hồi Pháp thuộc: làm sao có được khi ta bị "bảo hộ"? khi các báo chí đều bị kiểm duyệt? khi mỗi bài báo tiếng Việt phải dịch ra Pháp văn để các quan kiểm duyệt dễ làm việc? Các nhà báo nổi tiếng như Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh đều lĩnh lương hay được hỗ trợ một cách gián tiếp nào đó bởi chính quyền Bảo hộ? Trong Nam, vì các báo *Echo Annamit, Tribune Indochinoise* viết bằng tiếng Pháp, không phải qua kiểm duyệt, nên hai ông Nguyễn Phan Long, Bùi Quang Chiêu tương đối độc lập hơn một chút. Ngoài Bắc có tờ Ngày Nay của anh em Nguyễn Trường Tam; *Hữu Thanh* của các nhà nho độc lập. *"Kìa kìa anh em xem đó, con chim gọi đàn"* là câu ở đằng sau bìa báo. Nhưng những báo này cũng không dám nói về chính trị. Trong Trung, cụ Huỳnh Thúc Kháng cũng cho ra báo *Tiếng Dân*. Tít thì kêu đấy nhưng báo có dám mấy khi đả động đến các vấn đề chính trị thực sự?

Nhưng tại sao hồi ta hoàn toàn độc lập như hồi Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, ta cũng không có tư tưởng chính trị? Vì thời đó chính trị là địa hạt riêng của vua. Các quan trong triều cũng không dám nghĩ tới. Hồi Tự Đức, mỗi năm vua ra chiếu mời những người tài giỏi ra giúp nước nhưng thường đâu có ai dám ra? Chỉ họa may có một người có Đạo Ki Tô là mạo hiểm ra. Ông viết một tập thuyết trình tâu vua xin cải tổ về cách học, về cách cai trị, tài chính v.v... Nhưng vua và các quan vì thấm nhuần Khổng Giáo nhiều quá không hiểu nhưng phương pháp mới trong đề nghị của Nguyễn Trường Tộ nên gạt bỏ đi cả. Trong khi đó thì Nhật Bản đã hiểu sự cần thiết của việc đổi mới, sự cần thiết của việc hiểu biết một văn minh mới lạ. Nhật đã dám suy tưởng khác Đức Khổng và đã xây xây dựng lên được một nước mà chỉ trong vòng hơn 40 năm (1860 - 1904) đã thắng một cường quốc da trắng to gấp 5 lần nước Nhật, nghĩa là đã đánh bại được cả thày mình.

Khi tôi ở Cambodge, tôi có gặp một giáo sư đại học về toán, đã dạy học bên Nhật. Khi tôi dự một hội nghị của Đại Học Thế Giới của người Đức ở Erlangen, tôi cũng có gặp một giáo sư người Đức xưa kia làm cố vấn cho bộ giáo dục Nhật. Do đó, chúng ta mới thấy là người Nhật mới đây chỉ là học trò của Tây phương nay họ đã là thày của Tây phương trong nhiều lãnh vực.

Nước ta giàu nguyên liệu hơn Nhật. Nhật Bản đâu có những mỏ than rất tốt và lộ thiên như ở Hòn Gay (mà người Tàu dòm ngó một cách thèm thuồng), mỏ Wolfram, tungsten như ở Cao Bằng, Lạng Sơn; có nhiều cá và nước mắm như ở Hội An, Phan Thiết, Phan Rang, Phú Quốc; có đồn điền cao su như ở Nam Phần; có những ruộng phì nhiêu cò bay thẳng cánh; có những cát trắng như muối mà người Nhật mang tàu sang chở về làm thủy tinh, làm chất bán dẫn...

Ta hãy phân tích rõ hơn những lý do thắng lợi của cuộc cách mạng Minh Trị tại Nhật để lấy ra một bài học cho ta. Theo tôi có những lý do sau:

1. Cải cách có thể được vì họ nhà chúa Ta kigawa bị hạ. Tự do đã được có hơn trước nhiều.
2. Có một "ê kíp" những nhà qúy phái, samourai, quan trong triều, vua, gồm sức nhau lại mà làm việc chung với nhau. Việc nước là việc chung của cả nước chứ không phải là của một nhà, một đảng.
3. Tuy vậy vẫn có sự lãnh đạo duy nhất đối với bên ngoài và vua là tiêu biểu cho sự duy nhất đó.
4. Giai cấp, sĩ nông công thương không còn nữa.
5. Từ năm 1873, Thiên Chúa Giáo được tự do giáng đạo. Không còn nội chiến nữa.
6. Từ năm 1873, bỏ lịch Tàu, lấy lịch Tây.
7. Người Nhật uà theo cách sống của người Âu, có 7 làn sóng như vậy (1884, 1888, 1896...)

Dân Nhật là một dân thâm hiểm nhưng ta phải biết họ để lấy ra những bài học của họ. Bài học thứ nhất mà ta phải biết là trí óc họ rất thực tế. Họ không "không tưởng" vu vơ vì họ sống trên những đảo, xung quanh là biển cả, luôn luôn có động đất cho nên họ không được phép nhầm lẫn. Họ có trí óc thực nghiệm rất là khoa học. Trước khi làm một việc gì họ đắn đo: họ để bao nhiêu năm mới áp dụng hiến pháp giống như người Âu. Họ cân nhắc, không cẩu nệ. Nếu họ thấy họ cần thì họ vẫn dùng những cố vấn ngoại quốc như thường. Nay họ nhận thức rằng họ đang sống cuộc cách mạng kỹ nghệ thứ ba còn chúng ta thì nhờ có các "quan cách mạng" nên chúng ta vẫn sống trong thời kỳ Tự Đức, Minh Mạng, nghĩa là ta chưa cất cánh nổi để vượt thoát cuộc cách mạng kỹ nghệ thứ nhất về hơi nước! Có khi bây giờ, về nhiều mặt, ta kém cả thời kỳ thuộc địa, bảo hộ nữa.

Lạy Chúa! Bao giờ chúng con mới thoát khỏi cái ách của các quan cách mạng?

Nguyễn Huy Bảo

Chính quyền cộng sản sử dụng những thủ đoạn hèn mạt, vu cáo Nguyễn Thanh Giang và ngụy tạo tài liệu về Thông Luận

Nguồn tin đáng tin cậy từ Hà Nội cho hay, sau khi bắt giam Nguyễn Thanh Giang, công an cộng sản đã cáo buộc ông Giang về tội cấu kết với Thông Luận, với tội danh *"nhận tiền của một tổ chức phản động để chống lại nhà nước xã hội chủ nghĩa"*. Với tội danh này, Nguyễn Thanh Giang có thể bị kết án 12 năm tù. Họ trưng ra một lá thư, nói là thư viết tay của Nguyễn Gia Kiểng gởi cho Nguyễn Thanh Giang mà họ nói đã bắt được; theo đó thì Nguyễn Gia Kiểng chuyển cho Nguyễn Thanh Giang 3000 USD để chi phí cho hoạt động chống đối. Lá thư này là một ngụy tạo thô bỉ, bắt chước tuồng chữ. Nhưng công an đã đánh giá quá thấp Nguyễn Thanh Giang. Ông Giang đã phản đối quyết liệt phủ nhận sự bịa đặt ô nhục này. Có lẽ do sự tranh cãi kéo dài này mà trong hai tuần lễ Hà Nội đã không xác nhận việc ông Giang bị bắt cũng như lý do khiến ông bị bắt. Sau cùng vì không thể kéo dài sự im lặng trước phản ứng mãnh liệt của dư luận quốc tế và cũng thấy được sự kiên trì của ông Giang nên Hà Nội đã phải buộc ông vào một tội danh nhẹ hơn: vi phạm điều 205a bộ luật hình sự, nghĩa là lợi dụng các quyền tự do dân chủ để gây thiệt hại cho nhà nước và các đoàn thể trong xã hội. Tội danh này chỉ có thể bị phạt từ ba tháng đến ba năm tù. Có thể chính nhà cầm quyền Hà Nội cũng đã nhận ra sự lố bịch và thô vụng của sự dàn dựng này.

Nguyễn Thanh Giang hiện bị giam giữ tại Nhà Khách Bộ Công An. Gia đình được phép tiếp tế nhưng không được gặp.

Cùng một lúc với việc bắt Nguyễn Thanh Giang, một việc có chuẩn bị trước chứ không phải tình cờ nhân lúc Nguyễn Thanh Giang ra bưu điện bỏ thư như một số tin đồn, Hà Nội cũng cho phổ biến một tài liệu khác nhằm bôi nhọ Nguyễn Gia Kiểng, dưới dạng photocopy một *"Đơn xin cam kết"* (sic) viết tay của Nguyễn Gia Kiểng gởi bộ trưởng nội vụ, xin được xuất ngoại và hứa sẽ *"cấu kết hợp tác với bộ nội vụ theo sự chỉ đạo của các ông"* (sic). Tài liệu này được gởi bằng thư nặc danh đến một số địa chỉ ở trong nước và ngoài nước. Đây cũng là một ngụy tạo thô bỉ, không những thô bỉ mà còn vụng về trong kỹ thuật và ngây ngô trong ngôn ngữ, đến nỗi một thân hữu đã phải thốt lên: *"Sao chúng nó ngụy tạo dở đến thế!"*.

Chính quyền Hà Nội từ một năm gần đây, chắc vì hốt hoảng và rối loạn tâm thần trước những đòi hỏi dân chủ hóa, đã sử dụng những biện pháp cực kỳ đê tiện.

Một vài thí dụ:

- Ngày 4-5-1998, giữa lúc ông Nguyễn Ngọc Lan đang chở linh mục Chân Tín trên xe gắn máy đi dự đám tang cụ Nguyễn Văn Trấn, hai công an mặc thường phục đã xông tới đạp ngã xe của hai ông, gây thương tích nặng nề cho ông Nguyễn Ngọc Lan, linh mục Chân Tín bị thương nhẹ.

- Vào dịp Giáng Sinh 1998, một số nhà văn không hiểu với dụng ý nào đã đến thăm Bùi Minh Quốc và rủ Bùi Minh Quốc đi uống bia. Điều đáng ngạc nhiên là dù đang bị quản chế, bị cấm thăm viếng và ra khỏi nhà, kể cả đi dự đám giỗ cha vợ, những người này đã vào được nhà Bùi Minh Quốc và còn dẫn được Bùi Minh Quốc ra khỏi nhà mà không bị ngăn cản. Tại quán nước, một vài cô bán bia đã sáp lại với Bùi Minh Quốc để cho công an chụp ảnh, sau đó đe dọa Bùi Minh Quốc là sẽ trưng ảnh nếu không chịu khuất phục. Bùi Minh Quốc đã quyết định trình bày rõ sự kiện này với vợ để khỏi bị áp lực.

- Đầu năm 1999, sau khi khai trừ tướng Trần Độ, trung ương Đảng Cộng Sản đã cho phổ biến một *"tài liệu nội bộ"* tố cáo ông Trần Độ có quan hệ dâm ô với nhiều phụ nữ. Để cho tài liệu có vẻ "thật", họ nêu cả tên một phụ nữ trẻ mà họ cho rằng hiện đang có quan hệ với Trần Độ. Sự bịa đặt này cực kỳ thô bỉ vì ông Trần Độ bệnh nặng từ nhiều năm nay, đi đứng phải có người đỡ và chỉ tiếp xúc với một số thân hữu rất giới hạn. Ông Trần Độ đã phản ứng lại bằng sự im lặng khinh bỉ.

Cũng cần nhận định rằng việc chặn bắt Nguyễn Thanh Giang ngoài đường, cũng như vụ bắt Hà Sĩ Phu trước đây, tố giác tâm lý đạo tặc của một chính quyền thiếu tự trọng.

Trong suốt lịch sử của họ, đảng cộng sản đã làm rất nhiều điều gian trá, kể cả kinh tài bằng cách buôn thuốc phiện như ông Lê Đình Mạnh, một nhân chứng, tố giác trong số báo này.

Thông Luận khẳng định: quan hệ giữa Nguyễn Thanh Giang và Nguyễn Gia Kiểng là quan hệ thân tình giữa những người quan tâm tới tương lai đất nước. Đó là những trao đổi ưu tư và ý kiến, hoàn toàn không nhằm một âm mưu nào, công an Hà Nội cũng biết rõ như vậy vì họ đều thâu băng những cuộc nói chuyện qua điện thoại. Thông Luận phủ nhận hoàn toàn những ngụy tạo hèn hạ trên đây và khẳng định quyết tâm đóng góp tích cực vào cuộc vận động dân chủ cũng như vào những cố gắng bênh vực mọi người dân chủ trong nước.

Thông Luận

Mục lục

1. *Khối NATO oanh tạc Nam Tư*
Thông Luận
2. *Tinh thần Quốc gia - Dân tộc - Đa nguyên, một giải pháp cho Kosovo?*
Huỳnh Hùng
3. *Vết thương 30 tháng 4*
Nguyễn Gia Kiểng
7. *Bút ký Xuân Kỷ Mão 1999*
Trần Độ
12. *Không gian sinh tồn, lãnh thổ và quốc tịch*
Nguyễn Văn Huy
15. *Về việc ông Nguyễn Thanh Giang bị bắt*
Hoàng Tiến
17. *Dập được ngọn lửa dân chủ hay không? Chống được tham nhũng hay không?*
Lê Đình Mạnh
19. *Dân tộc tự chủ hay nô lệ*
Lê Phát Minh
20. *Nguyễn Thanh Giang và bọn làm bạc giả*
Tưởng Năng Tiến
22. *Chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước Việt Nam*
Nguyễn Ngọc Hiệp
26. *Giới thiệu sách mới: Mây Mù Thế Kỷ của* ***Bùi Tín***
28. *Tin tức thời sự*
31. *Thư độc giả*
Nguyễn Huy Bảo
32. *Thông Luận lên tiếng*